

THAM THIÊN PHỔ THUYẾT
Lai Quả Thiền Sư
Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--o0o--

LỜI DỊCH GIẢ.

Quyển sách này trích dịch từ "Lai Quả Thiền Sư Ngữ Lục". Ngài Lai Quả 24 tuổi xuất gia, 28 tuổi kiến tánh, tịch năm 1953 thọ 73 tuổi.

Ngài trụ trì chùa Cao Môn hơn 30 năm, chuyên hoằng Tổ Sư Thiền, phàm có gì chướng ngại sự tham thiền, Ngài đều bài bỏ. Khi Ngài mới nhận chức trụ trì, quyết tâm bài bỏ việc ứng phó kinh sách. Có ông triêu phú xin làm một lễ cầu siêu lớn là Đại Thủy Lục (*tức là thí thực cao nhất trong bốn cấp chấn tế*) hứa cúng 40,000 đồng bạc thiệt (*giá trị hơn 40,000 Mỹ kim hiện tại*), trong khi ấy chùa đang thiếu lương thực, đại chúng đều xin Ngài nhận số tiền ấy, nhưng Ngài vẫn nhất quyết từ chối. Do đó biết Ngài trọng sự tu giải thoát như thế nào!

Cuốn ngữ lục này toàn là lời kinh nghiệm trực tiếp của Ngài, đối với việc tham thiền rất có giá trị, nhưng tiếc rằng người biên tập đem ý mình xen vào trong đó thành có nhiều điều nghịch hẳn ý Ngài, như trong đó có một bài nói phải mua giấy vàng bạc để đốt cho người chết. Sự lỗi lầm không thể tưởng tượng được. Nên chúng tôi chỉ dịch những lời chính đúng ý của ngài Lai Quả, những lời nghịch ý Ngài đều lược bỏ.

Ngữ lục của Ngài gồm có 7 quyển:

- Quyển 1 là Giải Báng Phù Tông Thuyết.
- Quyển 2 là Tham Thiên Phổ thuyết.

Hai quyển cộng chung có 200 bài, nhưng chúng tôi chỉ trích dịch 120 bài và dùng chung một đề tựa là Tham Thiên Phổ Thuyết. Lời nói đầu của tác giả trong quyển một và quyển hai, chúng tôi cũng trích dịch ra để làm lời tựa của Ngài. Trong khi dịch có nhiều sơ sót không thể tránh khỏi, xin độc giả hoan hỷ chỉ giáo cho.

LỜI TỰA CỦA NGÀI LAI QUẢ.

Diệu Thọ tôi viết ra sách này là việc cần thiết trước mắt, tỏ bày tình thật chỉ lỗi cho người tu hành. Đầu tiên nêu ra Giải Báng (*để giải tỏa sự phi báng lẫn nhau của các tông phái*) để khử bỏ gai góc trên đường tu tập của các tông như: Thiền Môn, Giáo Môn, Luật Tông, Tịnh Độ Tông. Vì sáng tỏ lý thuyết của các tông, có đề ra một trăm bài, trong đó từ chỗ địa vị phàm phu nói đến địa vị bậc thánh do trải qua nhiều kinh nghiệm sự thực, việc này đối với bậc thượng căn, im lặng vô ngôn cũng có thể ngộ đạo; đối với trung căn ắt phải nhờ lời nói chỉ dẫn, hành đúng rồi, mới ngộ đạo; đối với bậc hạ căn cần phải chỉ đạo nhiều cách, nói tánh, nói tướng, nói đốn, nói tiệm, huân tập lâu ngày mới ngộ đạo. Cũng như lên núi lấy của báu, người căn khí lớn ngay đó quay đầu lấy được, bậc trung căn cứ đi thẳng lên lấy được, bậc hạ căn thì lên rồi tiến thêm nửa tìm tòi mới lấy được. Trong đó cũng có người tìm không thấy bảo vật, đi về bàn tay không, cũng có người vì cầu bảo vật mà xả thân. Căn cơ không phải một thứ, thuyết này (*Tham Thiên Phổ Thuyết*) hợp với mọi căn cơ thượng, trung,

hạ. Nay Lai Quả xin mời độc giả hãy tự mình thí nghiệm một phen xem!
Người chưa dụng công cảm thấy dường như vẫn nhiều. Nếu người tiến sâu e trách là nghĩa cạn, chẳng những trách cạn mà còn cho là quá sơ lược. Tôi sáng tác sách này chẳng tránh khỏi sự chê trách, song tôi chẳng nệ quê mùa đem hết chỗ thấy của tôi để báo ân Phật. Nhưng ân Phật lớn lao dùng hết vi trần cả hư không, một vi trần là một Lai Quả, tan xương nát thịt cũng khó báo hết. Chỉ có học pháp pháp, đem pháp làm lợi chúng sanh, dẫn cho người nghiệp nặng khổ sâu, tôi ắt chịu cực theo chúng khổ, không kể khổ đến mức nào, tất cả đều là bổn phận của tôi, tôi sẽ chịu hết để đền ơn Phật.

Quốc chu là vua trị nước trị dân. Đức Phật là thầy cứu người, cứu tâm, tăng đồ chúng ta nên dũng mãnh phấn khởi hành việc khó hành, nhẫn việc khó nhẫn, chịu cái khổ của cứu người cứu tâm, cần phải biết hoàn cảnh của con người, gặp kẻ thân ác nên dùng pháp cái tà qui chánh để khuyến khích họ gặp kẻ tâm ác nên dùng cái đạo bỏ vọng về chơn để gia trì, họ ấy là thiên chức độ người của tăng sĩ phật giáo. Lại cứu thế chẳng bằng cứu người, cứu người chẳng bằng cứu tâm, cái pháp cứu tâm phải trừ gốc chớ không trừ ngọn mới là đại pháp căn bản. Tại sao vậy? Thế giới thiện là do con người thiện, con người thiện là do tâm con người thiện, tâm người thiện thì từ xưa đến nay, đời này đời sau, thế giới này thế giới khác, xung là mười phương thế giới đều thiện. Nhưng cái thiện của thế giới là chỉ thẳng cái tâm thiện. Tâm này dù thiện nhưng thực chưa trọng thiện, tại sao? Vì tâm là bổn nghiệp của hư không đại địa, tâm là trung tâm của thiên đàng, địa ngục, tâm là nhà vui của phú quý công danh, tâm là thành phố lo âu của nghèo nàn hạ tiện, tâm thiện thì chiêu cảm ở đất thiện, tâm ác thì chiêu cảm sanh nơi đất ác, do đó thiện ác chia thành lối rẽ. Chúng sanh trường kỳ qua lại trong đó mà chẳng tự biết, vì người thế gian đem tâm để làm vui cho ta, nên tạo mê luân bị lưu chuyển mà chẳng thể trở về tự tánh, cái lỗi lầm lớn này là lỗi tại tâm. Hoặc có người hỏi “Con người trong hằng ngày lấy gì làm thiện tâm, lấy gì làm ác tâm?” Đáp rằng “Sát đạo dâm của thân. Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt của khẩu. Tham, sân, si của ý. Tạo mười ác nghiệp này là ác tâm, trái lại tức là thiện tâm”. Nay nói thêm cái tâm thiện ác có phải sai lầm chăng? Ước mong các cao nhân đại trí chớ cho buồn giận, mừng vui là tâm, cũng không nên cho trí ngu lợi độn là tâm, những tâm này đều chẳng phải là chân tâm. Nếu cho những tâm kể trên là tâm thì hư không đại địa, mỗi mỗi xứ sở không còn chỗ để cho chúng ta bám dùi. Vậy muốn câu chẳng bị tâm mê, chẳng bị thế chuyển, chẳng lạc vào lối rẽ, đều chẳng thể được. Nếu người muốn đạt đến nguồn gốc của chân tâm. Kính xin mọi người trước tiên phải kính trọng phật giáo, kẻ tin tăng sĩ. Bởi vì, Phật pháp là pháp cứu tâm, tăng sĩ là người chỉ ra tâm. Không những tự mình tin tam bảo, còn phải khuyên tất cả người cung kính tam bảo. Cái tâm tin tam bảo là cái sơ tâm của thành Phật, người tin tam bảo là người thiện nhân học Phật. Từ một người tin tam bảo cho đến người khắp thế gian tin tam bảo, người khắp thế gian có lòng tin này mới là đi đúng cái đường bỏ vọng về chơn. Vọng đã trở về chơn thì tà đâu có thể còn. Đã về chỗ chơn thì còn gì chánh hơn nữa, nên biết cái công của Phật giáo, cái đức của tăng sĩ, e rằng muôn kiếp cũng không thể kể xiết.

Lai Quả không nhẫn thấy tâm người bị chìm đắm, tam bảo bị thất lạc, thành thật đem Tham Thiên Phổ Thuyết để cứu tâm, dùng mở mang cho đương cơ. Ước mong người đọc được chuyển niệm trở về với tự tánh, khiến cho cái nhân chẳng thể cứu, cũng nhất định cảm cái quả thành Phật. Kính xin người đọc y

pháp bất nhân, ấy là việc rất may mắn vậy!

Mục Lục:

Lời dịch giả.

Lời tựa của Ngài Lai Quả.

1. Phát tâm học đạo.
2. Nguyện trụ Tông Lâm.
3. Lập hạnh quyết định.
4. Đánh hết khó chịu.
5. Quy củ khó học.
6. Thân tâm bất an.
7. Thiệt thời khó chịu.
8. Tập khí khó trừ.
9. Nhẫn khổ.
10. Lục căn khó nhiếp.
11. Tỉnh cầu khai thị.
12. Chán trụ Tông Lâm.
13. Thích ở núi sâu.
14. Nhẫn nại phiền toái.
15. Chẳng trọng tu huệ.
16. Chẳng muốn thường trụ.
17. Dễ phạm quy củ.
18. Hỷ xả tất cả.
19. Phát tâm dũng mãnh.
20. Thân tâm quen thuộc.
21. Chẳng tin tham thiền.
22. Nghi Pháp.
23. Nghi người.
24. Toan tính thối lui.
25. Biết sám hối.
26. Biết hổ thẹn.
27. Phát khởi lòng tin.
28. Nghe được lãnh hội.
29. Thấy có tương ưng.
30. Tự nguyện dụng công.
31. Quên mệt nhọc.
32. Nghi tình chẳng đắc lực.
33. Thân tâm bực bội.
34. Tâm thối lui bỗng nổi dậy.
35. Nhận sự khuyến tỉnh của đại chúng.
36. Vọng tâm tạm nghỉ.
37. Ngoài thân tạm quên.
38. Cảm thấy thân khinh an.
39. Trụ chỗ khô tịnh.
40. Bày đặc bày bạ.
41. Ham thích thơ kệ.
42. Chẳng nguyện tiến sâu.
43. Cái dụng đề khởi.
44. Công năng trừ vọng.

45. Công năng trừ ngủ.
46. Lạc đường tự tại.
47. Vọng tự thừa đương.
48. Giới luật sai trái.
49. Tâm pháp đều tịch.
50. Được chút ít cho là đủ.
51. Sanh tâm dụng.
52. Hữu tâm dụng.
53. Tán tâm dụng.
54. Nắm giữ dụng.
55. Đắc lực dụng.
56. Phóng tâm dụng.
57. Thân thiết dụng.
58. Gián đoạn dụng.
59. Tho tâm dụng.
60. Miên mật dụng.
61. Chẳng gián đoạn dụng.
62. Tế tâm dụng.
63. Lìa pháp dụng.
64. Vô tâm dụng.
65. Chân tâm dụng.
66. Chuyển thân dụng.
67. Đồng thể đại bi.
68. Thay chúng chịu khổ.
69. Đại từ tạo vui.
70. Xót thương chúng khổ.
71. Học hạnh Bồ Tát.
72. Bồ thí.
73. Trì giới.
74. Nhẫn nhục.
75. Tinh tấn.
76. Thiền định.
77. Trí huệ.
78. Hỷ xả.
79. Ái ngữ.
80. Lợi hành.
81. Đồng sự.
82. Lập chí hướng thượng.
83. Trừ biếng nhác.
84. Cung kính.
85. Cúng dường.
86. Tán thán.
87. Ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện.
88. Trừ phi báng.
89. Dứt tranh cãi.
90. Ba điều thường không đủ.
91. Khuyến trụ Tông Lâm.
92. Phát tâm làm việc.
93. Thích làm thanh chúng.
94. Tinh nguyện nhận chức hành đơn.

95. Biết nhân biết quả.
96. Phát thế nguyện lớn.
97. Sự lý dụng.
98. Hóa đạo dụng.
99. Tha thọ dụng.
100. Tự thọ dụng.
101. Thiên pháp.
102. Tu tập hạnh.
103. Cầu thần thông.
104. Hiểu thắng.
105. Dụng công phu ngoại đạo.
106. Hiểu lầm.
107. Công phu chẳng bị thế gian chuyển.
108. Công phu chẳng bị thân chuyển.
109. Công phu chẳng bị tâm chuyển.
110. Công phu chẳng bị hôn trầm chuyển.
111. Làm chủ sanh tử.
112. Đầu sào trăm thước.
113. Trên bờ vực thăm buông tay.
114. Tuyết hậu tái tô.
115. Qua sơ quan.
116. Phá trùng quan.
117. Thấu lao quan.
118. Buông Không xuống.
119. Khai tông lâm.
120. Chánh pháp trụ lâu.

1. PHÁT TÂM HỌC ĐẠO.

Chư Tăng cả thế giới có thể thọ giới, có thể hành hương nơi các thánh tích, xong riêng đối với việc tu hành học đạo thì không có thể. Tại sao kỳ quái như thế? Vì từ khi sanh ra đến nay, chịu tập quán của gia đình trói buộc chẳng nghĩ xa lìa, lại thêm sự bức bách của các việc thuận nghịch, sự lấn hiếp của các cảnh khổ vui, thiện căn phát khởi là nhờ nhân lành của những kiếp trước đã chín mùi nên có tâm xuất tục, làm người xuất gia. Vừa vào đạo gặp Thầy truyền cho úng phó Kinh Sám, lại thêm Phật sự rộng ràng, ngày đêm đọc tụng bỏ ngủ quên ăn vì muốn tinh thông việc này, nghĩ muốn hơn người, mừng có nghề nghiệp nuôi sống trọn đời. Buồn thay! Khổ thay, ai dè đã vào làm cửa, lở theo bọn ấy, suốt ngày lãng xăng phí thời giờ một cách vô ích. Lại chẳng biết còn có con đường rộng lớn kang trang, Tông Lâm thanh thang, mà cam chịu nhiệm theo thói quen của mấy ông Thầy đăm ở những chùa tu. Khi gặp nghịch cảnh khó khăn, quyết chí tìm thầy học đạo, một khi gặp Thầy, xin dạy niệm Phật, trì chú, giáo môn hoặc tham thiền, tùy theo môn phái của Thầy. Đến nay người xuất gia khổ hạnh ở các am thất, chùa tu phần đông đều gặp cảnh này.

2. NGUYỆN TRỤ TÔNG LÂM.

Trụ Tông Lâm là điều thứ nhất trong 12 điều của hạnh Đầu đà. Tông Lâm, tiếng Phạn (Ấn Độ) gọi là A Lan Nhã, dịch là chỗ yên tịch, còn gọi là Tăng Già Lam là chỗ thánh hiền mười phương tu tập.

Người thọ giới, đầu tiên do bốn sư khai thị dẫn dắt nhiều cách, kể nghe bậc tiền bối ca ngợi sự trụ Thiền đường, rồi phát tâm sửa soạn y áo, mua sắm giày dép, suy nghĩ hỏi

thăm toan tính trăm thứ đều không ổn. Muốn học kinh giáo song không đủ trình độ, toan đi hành hương các thánh tích lại thiếu tiền đi đường. Vừa nghe cái tốt của chùa Thiên Ninh, lại nghĩ cái lạ của núi Thiên Mục, thường nghe chùa Kim Sơn việc ngồi thiền đau chân khó chịu, đã biết từ lâu, giờ tọa thiền ở chùa Cao Môn nên hương dài thật khó ngồi. Tông Lâm rất tốt muốn trụ song quy củ quá khó khăn, tiến thoái lưỡng nan, do dự suốt ngày. Chợt gặp vị tăng lân cận chỉ cho con đường chân chánh và chỉ cho hướng đi, mới dám bạo gan cất bước. Vừa đến sơn môn tim đập chân run, bước vào khách đường đỏ mặt ngơ ngác. Vị chức sự gặp thấy, quát lên một tiếng “Sơ tham”, lại quát lên một tiếng nữa “Thằng khốn nạn, bộ chưa nghe nói quy củ nghiêm khắc, điên đường nghiêm tịnh, qua lại không nghe tiếng động, ngồi nằm phải tuân lời dạy hay sao?” Người có chí vì đạo dần dần định tâm, kể bỏ kiến chấp, thứ lớp của quy củ dần dần rõ biết, lòng gan dạ mà tâm khoan dung, việc làm thuần thực mà chí kiên cố. Nếu người không có tâm vì đạo thì như chim bị nhốt vào lồng, thân khó ở yên, chỗ thấy đều chẳng vừa ý, chỗ nghe đều là giật mình sợ hãi, tránh chỗ này đụng chỗ kia, trời đất đen tối, muốn tìm cách chạy trốn lại càng thấy rất khó. Lúc ngồi xếp bằng, lòng rỗng rang như cái nồi không, thân thẳng đứng như cái bàn. Lúc bào hương đi như nhảy múa. Lúc sống bình thường như phòng giặc. Theo chúng qua ngày chịu khổ chịu cực, đi đến chỗ vắng khóc lén không cho người biết. Mỗi khi nghe tiếng quát của vị chức sự, đứng thẳng ngơ ngác, bỗng được bạn đạo khuyên nhắc, mặt mày vui vẻ. Những người đời trước có gieo nhân của đạo nay gặp duyên này, quả sắp chín mùi, năm ba mươi năm sống như một ngày, hạt giống Bát Nhã, gốc rễ thành Phật càng thêm sâu dày. Còn người đời trước không có gieo nhân của đạo, nay gặp được trợ duyên ở Tông Lâm này cũng giúp cho họ có cái nhân tốt để được quả chín mùi, huân tu rèn luyện ắt sẽ được thành tựu pháp khí lớn. Nay tu thắng nhân, vị lai chắc chắn được thắng quả, con đường sanh tử phải tu, con đường Niết Bàn mới rõ.

Như vậy chẳng trụ Tông Lâm thì chẳng thể vun trồng Phật nhân, chẳng trụ Tông Lâm thì chẳng thể thành tựu Phật quả. Bằng không, nhân địa chẳng chân, gặp quả cong queo. Phải biết Tông Lâm là chủ thể của Tam Bảo, cũng là nền tảng hành đạo. Tông Lâm suy, chánh pháp không làm sao trụ ở đời lâu dài được. Tông Lâm hưng thịnh thì Tam Bảo là phước điền của thế gian. Người xưa nói “Người phát tâm trụ Tông Lâm, năm ba mươi năm chẳng phạm quy củ, người này đủ phước báu lớn, có chánh nhân lớn”. Lại nói “Nếu ở núi sâu một mình hành đạo chẳng bằng ở Tông Lâm ngủ khò”. Thật đúng thay lời này.

Đại khái, người đã trụ qua Tông Lâm, xuất ngoại hành cước nơi xóm làng thành thị, oai nghi tế hạnh cử chỉ nói nín của người ấy khác hơn người thường khiến mọi người sanh lòng kính mến tin cậy, đáng làm mô phạm cho tất cả thiện nam tín nữ vun bồi phước đức, gieo trồng thiện căn vô lượng. Mong những bậc trưởng giả tin Phật tận sức hộ trì chẳng chút kỳ thị, công đức rất lớn.

Người nào sống được trụ Tông Lâm, chết được nhập tháp viện, chẳng những cha mẹ quá khứ siêu thăng Tịnh Độ, cha mẹ hiện tại tăng phước sống lâu và chính mình cũng tiến sâu vào đạo, sở nguyện đầy đủ.

3. LẬP HẠNH QUYẾT ĐỊNH.

Đã vì đạo đến đây, đầu tiên ắt phải lập hạnh. Hạnh lập, đạo ấy tuy hành mà tâm vẫn loạn. Sao vậy? Vì từ vô thủy đến nay tập khí sâu dày, cuộc sống hiện đời khiến thêm thuần thực, suốt ngày bị cuốn theo dòng thế tục lại cảm thấy thuận tâm thích ý, nay đã xuất gia, thói quen thuần thực trước kia đã bị kích thích, lại thêm lập hạnh, hạnh này với thói quen cũ trái nghịch. Trái nghịch như thế nào? Như xưa thích ăn mặn, nay

buộc phải ăn chay, rau cải thiếu dầu lại cơm ăn chẳng no. Mọi việc trái ý bức ngặt nơi tâm, mới biết hạnh lập, tâm tự rối loạn là lẽ tất nhiên, tất cả việc khác theo đó có thể suy ra mà biết.

1. Người lập hạnh, biết trước kia những điều lớn nhỏ mình làm đều không có ý nghĩa, nay có ý lập hạnh cần phải soi xét lại các việc, cái không có lý thì kiểm điểm mà sửa lại, cái có lý rồi thì canh tân cho hợp với hạnh mới lập. Việc làm so với trước có phương hướng, động niệm so với trước có chủ trương, cho đến động tịnh, rồi rảnh bận rộn đều thuận theo hạnh đã lập. Nếu thọ dụng được cái hạnh đã lập thì tâm tự chẳng rối loạn, thân tự chẳng làm càn, việc tự chẳng làm lẩn. Như thế, hạnh hay kiểm chế được việc làm.

2. Thêm một bước nữa là hạnh quyết định. Hạnh đã quyết định thì sống chết cũng chẳng dời đổi. Trời đất có thể lay động, chứ hạnh của ta chẳng lay động, hư không có thể không, chứ hạnh ta chẳng thể không, đây gọi là hạnh quyết định. Bất cứ việc làm nào cùng với hạnh đã lập đều không ngại nhau. Tâm càng loạn hạnh càng chắc, thân càng nguy hạnh càng thiết, việc càng hỏng hạnh càng cao. Hạnh chuyển được tâm ác thành niệm thiện. Hạnh chuyển được thân bệnh thành khỏe mạnh. Hạnh chuyển được hung hiểm thành an ninh. Đây gọi là hạnh quyết định kiểm chế được thân.

3. Hạnh quyết định, tuy nói hạnh kiểm chế được việc khiến cho chẳng rối loạn, hạnh kiểm chế được thân khiến cho an ổn, hạnh kiểm chế được tâm ở một chỗ, đâu bằng không có việc để loạn, không có thân để an, không có tâm để kiểm chế.

Từ chỗ quyết định này buông tay đi thẳng, chợt đến chỗ sơn cùng thủy tận, người và pháp cả hai đều quên, xoay mình lại (ngộ) mới biết ba điều của hạnh quyết định này làm cho thân, tâm, thể giới đều quét sạch (đạt đến chỗ tự do tự tại). Phải biết cái hay của hạnh quyết định là ở Tông Lâm năm ba mươi năm khổ tâm vì đạo, tôi dám bảo đảm kiến tánh.

4. ĐÁNH HẾT KHÓ CHỊU.

Người tu hành có chí thì trước tiên hỏi kỹ hướng đi, kế đó nghiên cứu chỗ ở, rồi lại xét kỹ gia phong, sau đó mới theo đạo.

Nên nghĩ cái học của thế gian chẳng ra ngoài lời dạy bao quát của đức Khổng Tử và Bách Gia Chư Tử. Cái học của xuất thế gian phải lia tình thức, quét thánh phàm, nên trước tiên phải rõ phương pháp lia tình tuyệt thức. Phải biết tình bởi ái mà có, thức do vọng mà sanh. Hai chữ tình thức là chỗ phân biệt của thánh phàm.

Thật ra vì tình chẳng thể không nên lục phàm luân chuyển, thức chẳng thể liễu nên tứ thánh rõ ràng. Nay đem hai chữ tình thức này nói ra cho thế gian biết để cho bậc anh tài, cao minh giải thích nghĩa lý, thiết lập một phương pháp dứt trừ để làm thử. Nếu có thể trừ được, liễu được thì tôi vui vẻ theo học pháp ấy.

Khắp thế gian đã không ai có cách nào để quét sạch được tình thức, thì ắt phải y theo đạo đánh hết của người xưa mà làm mới chẳng phụ cái chí tu hành. Như vậy quyết tâm trụ tại Tông Lâm, lấy ngộ làm kỳ hạn.

Muốn cầu cái học khử trừ tình thức, ắt phải chịu cái đạo đánh hết (ăn gậy). Phải biết tình liên quan đến giận hờn, yêu mến, thức trói buộc ngộ mê. Người khắp thế gian dễ yêu dễ giận đều vì tình che lấp, chấp mê chấp ngộ cũng do thức buộc ràng. Như vậy, đánh đau một trận, tình bay ra ngoài hư không, giận hờn, yêu mến đâu còn, hét to một tiếng, bóng thức toàn tiêu, ngộ mê đâu có!

Thường thường người mới học đạo chẳng rõ pháp trợ đạo nên nói “Có đạo để học, có tâm để dụng, việc lớn một đời ắt xong, đâu cần hương bản đánh như trẻ con, hét to như dọa con nít. Quy củ khó là cái chướng của dụng tâm, khai thị nhiều làm mất công ngồi nghe”. Những người có kiến giải này chỉ nên ở núi hay ở chùa tu hoặc am thất. Người hiểu lầm như thế, chur Phật nghe qua roi lệ, Tổ sư nghe đến đau lòng, Long Thiên biết rồi dặm chân, Quý Thần biết xong đâm ngực. Người học đạo cần phải nghĩ kỹ, đức Thế Tôn tu đạo ở Tuyết Sơn, mỗi ngày ăn một hạt thóc hạt mè, trải qua sáu năm tinh tấn, cực khổ còn hơn cái đau của đánh hét, cái khó của quy củ, cái nhiều của khai thị, đâu chỉ ngàn muôn lần? Nhị Tổ cầu pháp đứng suốt đêm dưới tuyết, tuyết lên đến lưng còn bị quở là tâm khinh mạn, chẳng đáng được nghe đạo. Ngài bèn chặt tay dâng lên mới được nghe Sơ Tổ thuyết pháp, há chẳng hơn sự khổ cực của thiền đường ngàn lần ư?

Ở thế gian, gặp người tiếp vật thuận theo tình cảm, xưng hô lễ phép, ấy là tình. Lời nói vấn đáp, kiến giải hiểu biết, ấy là thức. Chính tình thức làm cho thiền đường suy tẻ. Dẫu cho có khả năng đập vỡ hư không cũng chẳng bằng một gậy của thiền đường, một gậy có thể phá tình này. Dẫu cho có sức đập chìm quả đất cũng chẳng bằng một tiếng hét của thiền đường, một tiếng hét có thể lia thức này. Cho nên nói “Cây gậy bảy thước khai chánh nhãn, dưới một tiếng hét ngưng công tâm”. Lại nói “Trên đầu hương bản sanh Tổ Sư, trong tiếng hét lớn ra Bồ Tát”. Người có sự nhận thức đúng về pháp cầu Thiện Tri Thức đánh, thỉnh Thiện Tri Thức hét. Một gậy một hét có thể trừ sạch tình thức trong nhiều kiếp. Muốn trụ thiền đường nếu sợ đánh hét thì khó trụ lâu. Nếu có thiền đường nào tạm bỏ đánh hét thì thiền đường ấy chẳng thể tồn tại. Thiền đường là ghe thuyền của thế gian và xuất thế gian. Đánh hét là lợi khí để liễu thoát sanh tử. Muốn thành Phật đạo phải ở thiền đường. Muốn thoát sanh tử phải chịu đánh hét. Đánh hét của thiền đường là mẹ, kiến tánh thành Phật là con. Cho nên chur Phật chỉ quy về thiền đường, chur Tổ đều sanh ra từ Tông này. Há chẳng tin sao?

5. QUY CỬ KHÓ HỌC.

Quy củ là pháp cương lớn nhất của thế gian và xuất thế gian. Quy là sợi dây mực. Củ là cây thước thợ (ê ke). Ngay thẳng chẳng dùng dây mực thì không có tiêu chuẩn. Vuông tròn chẳng dùng thước thợ thì không có khuôn phép. Cho nên, người xưa nói “Chẳng y theo quy củ chẳng thành vuông tròn”. Lại như xẻ cây muốn được ngay thẳng trước tiên phải dùng dây mực rồi mới cưa, cây được ngay thẳng hữu dụng là nhờ công của dây mực. Lại như làm thùng muốn cho nó tròn, trước hết dùng thước thợ làm vuông bốn góc, rồi tám góc, cái thùng tự tròn, cái thùng tròn hữu dụng là nhờ sức của cây thước thợ. Phải biết hư không cao biết bao, dây mực treo nó thẳng, quả đất rộng biết bao, thước thợ đo nó tròn. Một hư không, một quả đất chưa ra khỏi quy củ một bước. Lại như thẳng thì dọc suốt tam thế, quá khứ, hiện tại, vị lai, tròn thì khắp giáp mười phương, phạm vi của quy củ lớn không gì so sánh được.

Người muốn trụ Tông Lâm chẳng y theo quy củ thì chẳng biết đến đây là vì việc gì? Phải biết thân tâm của chúng ta là do nghiệp chướng tạo thành, tập khí huân thành, nên trôi lăn trong lục đạo, cái tên "quy củ" còn chẳng được nghe hưởng là biết có quy củ thật. Vì không biết quy củ nên tùy tâm phóng túng, mặc ý muốn làm, trước không có ngăn cấm, sau không có cản trở, tham dục hoành hành, theo nghiệp thọ báo, trôi lên hụp xuống không biết đến lúc nào mới thôi.

Hôm nay may mắn xuất gia, lại gặp quy củ. Quy củ là nền tảng của Tông Lâm, là chỗ nương tựa của tăng chúng, là bước đầu của học đạo, là thêm bậc của thánh hiền, là thầy lành của xuất thế, là người dẫn đường của sự thành Phật, là bè quý báu của biển

khô, là đèn sáng của đêm tối, là của báu cho người nghèo, là thuốc hay cho người bệnh, là cứu tinh của loài người, là khuôn mẫu của người học. Dầu cho miệng Phật ngợi khen cũng không hết được.

Học đạo ở thiên đường, quy củ lớn, phép tắc nhỏ đều phải y theo đó mà làm. Kẻ phạm là theo nghiệp chuyền. Kẻ không phạm là không bị nghiệp lôi. Như vậy quy củ dầu nhiều, phép tắc vi tế dù rất khó học song phải gắng học. Sau khi học thuộc, một ngày học ngàn ngày dùng. Nơi này chốn khác đều tôn là Thượng Tọa.

Nên biết quy củ cùng nghiệp chướng như băng tuyết với than lửa chẳng đồng một lò, phép tắc cùng tập khí như nước với lửa chẳng chung một bình. Nghiệp chướng hiện thì quy củ mất. Tập khí khởi thì phép tắc ẩn. Nghiệp chướng và tập khí khởi lên thì phải luân hồi trong lục đạo. Thử hỏi người học đạo giữ quy củ là phải hay theo nghiệp chướng là phải? Cho nên Hòa Thượng, Ban Thủ, Duy Na, chức sự đều tận tâm lực giữ quy củ nghiêm minh để cho người học mỗi ngày thêm tốt, chẳng kẹt vào lưới trần tục. Lòng từ bi thiết tha rộng lớn, cả thế gian không gì hơn vậy. May thay!

6. THÂN TÂM BẤT AN.

Thân tâm bất an chính là thứ lớp vào đạo. Sao vậy? Thân nêu rảnh rang, hiện nghiệp dễ tạo, tâm nêu an nhàn, tật xấu liền sanh. Nên biết, tâm nương thân mà trụ, dù tâm bất an cũng đâu thể lìa thân một khắc, thân nương đất mà trụ, dù thân bất an cũng đâu thể lìa đất một bước. Nếu hiểu như thế thì đâu còn bất an. Giả sử thân tâm an ở chỗ tham nhiễm, chỗ này tức là nhân khổ, chỗ này tuy an nhưng thuộc về cái an trong chốc lát, vì ác nhân đã gieo ất ác quả phải đến, thân tâm sau này sẽ bị an ở chỗ địa ngục, ấy tức là ác quả vậy.

Ở thiên đường tuy khó an mà sẽ làm cho đạt đến cái an vĩnh cửu. Trụ ở thiên đường lâu ngày, thân tâm bất an tự an. Phải biết thân tâm chịu sự ràng buộc của thế gian, ràng buộc lâu ngày cũng có thể tự an. Nay đem thân tâm ở lâu ngày nơi thiên đường, ở lâu cũng an, giống như đang ở nhà an ổn, bỗng phạm pháp luật bị bắt bỏ tù thì trong khoảng khắc cũng khó an, nhưng sống trong tù lâu ngày quen rồi lại cảm thấy an, chẳng những không thấy khó chịu mà thậm chí còn muốn chẳng ra khỏi tù, chẳng những thân an mà tâm cũng an. Cái tệ của thân tâm, không luận là ở chỗ nào, ban đầu thật bất an, dần dần hơi an, kể đến có thể an, lâu ngày an luôn, đây là cái bệnh chung của lục đạo.

Than ôi! Thân tâm của người tham thiên trụ tất cả chỗ đều chẳng thể an là lý đương nhiên. Vì tất cả chỗ đều là chỗ trần lao nên chẳng thể an ổn lâu dài được. Nay ở thiên đường là hạnh chánh của người con Phật, là chỗ ở chánh của người hành đạo, nếu chẳng thể an thì nhất định là không thể được. Sao vậy? Vì người tham thiên mang cái thân hành đạo mà ở chỗ chẳng hành đạo thì đạo làm sao hành được, cho đến người có tâm đạo mười phần ở nơi đạo tràng hành đạo, đạo còn khó hành huống là ở chỗ chẳng phải đạo tràng mà có thể hành đạo được ư! Giống như ở ngã tư đường nơi thành thị mà muốn lìa sự huyên náo, dứt sự nhiễu loạn của thế tục có thể được ư!

Điều thiết yếu nhất là đem thân tâm trụ ở thiên đường lâu dài, thà bất an mà chết chứ chẳng chịu rời thiên đường tạm an mà sống. Người học đạo nên xem xét kỹ.

7. THIỆT THỜI KHÓ CHỊU.

Lời này là của người không biết mới nói, chứ người có chút trình độ chắc không nói như thế. Sao vậy? Vì từ dưới chúng sanh lên đến chư Phật, hai chữ "thiệt thời" này

không ai tránh khỏi. Tại sao thế? Đức Thế Tôn một hôm khát thực xong, trải tòa thuyết pháp, đang ngồi trang nghiêm trước trăm muôn đại chúng, bỗng có một cô gái ôm bụng bước vào đứng trước mặt đức Phật nói “Ông nay thuyết pháp thân tôi chẳng an, chẳng bao lâu sẽ sanh, sao ông chẳng màng đến!” Lúc ấy đại chúng ngơ ngác hoang mang. Thương thay! Đức Phật của chúng ta đang chịu thiệt thòi nặng nề. Khi ấy các vị vua trời Phạm Thiên sai một thiên nhân hóa làm một con chim ưng bay đến bên cạnh cô gái, mổ đứt sợi dây, trái bầu rơi xuống đất, đại chúng tiêu hết nghi ngờ. Sự thiệt thòi lớn lao có gì hơn điều này.

Lại nữa, một hôm đức Phật dẫn chúng vào thành theo thông lệ khát thực. Lúc ấy vua A Xà Thế cùng Điều Đạt muốn hại Phật và các đại chúng, ra lệnh cả thành cấm cúng dường thức ăn, như vậy Phật và đại chúng khát thực liên tiếp bảy ngày cũng không được một hạt cơm. Về sau hai người hối cải, để cho dân chúng cúng dường trở lại. Đây là cái thiệt thòi bị bỏ đói, thể gian đâu thể chịu nổi. Lại nữa, một hôm các vị đại A La Hán bận an cư ở nơi xa, chỉ có vài trăm người cùng Phật kiết hạ nơi chân núi. Điều Đạt sai nhiều lực sĩ lén lăn đá to từ trên núi xuống, làm Phật bị thương chân. Thương thay! Đức Phật là đại sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài, phải chịu sự thiệt thòi lớn như bị làm nhục, bị bỏ đói, bị hãm hại. Phật còn như thế, ta là người thế nào?

Lại như ngài Từ Minh đến thỉnh pháp nơi Phần Dương, mùa đông lạnh lẽo muốn được thân cận, Phần Dương tạt nước đuổi đi. Từ Minh đứng ở góc điện suốt một đêm. Sáng sớm hôm sau, Phần Dương trông thấy lại tạt nước nữa, như vậy hai ba lần. Thương thay cho Từ Minh vẫn vui vẻ nhận lấy, về sau khai ngộ, hiệu là Sư Từ Tây Hà.

Lại nữa, như ông già Kính Sơn (*tức ngài Đại Huệ Tông Cáo*) vì bốn câu kệ mà bị vua đày đi biên thùy. Về sau hoàng hóa rộng lớn, xa gần đều khâm mộ sùng kính. Đây là sự thiệt thòi lớn không có gì sánh bằng.

Từ xưa chư Phật chư Tổ còn như vậy, nay ta đã ở Tông Lâm, an trụ thiên đường, mặc cho thiệt thòi đủ thứ, nghịch đến thì dùng thuận thọ nhận, đánh đập cũng thọ nhận, giận ghét cũng thọ nhận. Phải biết, chịu được một phần thiệt thòi, tiêu được một phần nghiệp chướng, mở được một phần trí huệ. Dù cho người chặt đầu ta, cắt còm ta, cũng chẳng màng đến, chỉ cần có thiên đường để trụ, có quy củ để giữ, có đạo để hành là đủ rồi. Ngoài ra, trong thân ngoài thân đều thuộc về việc không quan trọng. Dầu cho sự thiệt thòi to như núi cao, nếu có thể chịu nổi thì mới đáng gọi là bậc đại trượng phu vậy.

8. TẬP KHÍ KHÓ TRỪ.

Chỉ có một mình Phật là trừ sạch được tập khí, ngoài ra Bồ Tát Thanh Văn đều chưa trừ sạch, huống là phàm phu chúng ta ư! Chủ thể của tập khí là ba thứ thân, tâm và thể giới. Tham nhiễm, xả bỏ là tập khí, mặc áo ăn cơm, đi ỉa đi đái là tập khí, nói nín động tịnh, ra vào tới lui là tập khí, khởi tâm động niệm, chấp mê chấp ngộ là tập khí, liễu sanh thoát tử, thành Phật làm Tổ là tập khí, tham thiền học đạo, minh tâm kiến tánh đều là tập khí. Tập khí sâu như thế rất khó trừ, nếu chẳng phải bậc đạt đạo e khó trừ được nó.

Hoặc có người hỏi “Chúng tôi hàng ngày làm theo quy củ, thực hiện công phu tham thiền, chắc chẳng phải tập khí?” Đáp “Đây chẳng những không phải tập khí, lại là pháp trừ tập khí. Nhưng có người ở trong pháp trừ tập khí sanh thêm tập khí. Như

buổi sáng trả nợ một trăm, buổi chiều vay nợ một ngàn, trừ nó thì ít mà thêm nó lại nhiều". Than ôi! Đau đớn thay!

Tập khí lớn lao, lấy gì để trừ khử? Xét kỹ ắt phải nhờ đến thanh quy của thiên đường, phép tắc vi tế hằng ngày, sự giúp đỡ của đánh hét, sự dẫn dắt của thiện tri thức, năm ba mươi năm chẳng xong, nếu kiếp này chưa sạch thì kiếp sau tiếp tục. Dẫu cho tập khí lớn bao nhiêu, chỉ cần lập chí bền chắc thì rốt cuộc ắt phải trừ xong. Nếu như người không có lỗ mũi (*đã ngộ*) thì đối với cái lớn của trời đất, cái cao của hư không, cái tôn quý của Phật Tổ, cái rộng nhiều của chúng sanh, người này đều chẳng màng đến, ngoài ra tất cả các thứ khác cũng không nhiệm một chút. Nếu ông học được như người này thì bảo ông thành Phật cũng chẳng khó. Người này tuy hay, song cần phải lia mê ngộ mới được. Nếu quả ông thấy được thì mới biết hư không có người này, đại địa có người này, hữu tình vô tình đều có người này, động chân gặp ngay người này, há miệng cắn nhầm người này. Cái hay của người này không thể lấy gì để thí dụ.

9. NHÃN KHỔ.

Người tham thiền dụng công tham cứu ngày đêm quên mệt, quên ăn cơm, uống trà, chẳng biết có đói khát, khó chịu, có bệnh cũng không màng đến. Dẫu cho chết ngay cũng không bỏ công phu, nếu chết cũng mang công phu theo mà chết. Có người phi báng ta là người xấu, người phá giới, người đại ác, lại càng khiến ta công phu thêm miên mật. Hoặc có người khen ngợi ta, thương mến ta, cung kính, cúng dường ta, ta cũng phòng ngừa không để cho công phu bị đánh mất. Thường thường gặp cảnh nghịch công phu có thể không bị đánh mất, lúc gặp cảnh thuận dễ bị đánh mất. Không bị đánh mất thì không phải vào hầm lửa phiền não, như thế gọi là nhẫn được cái khổ ngoài thân.

10. LỤC CĂN KHÓ NHIẾP.

Lục căn là chỉ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Phạm vi của lục căn bắt quá ở trên thân này sao lại nói khó nhiếp? Ông muốn nhiếp, ta thì muốn buông. Vì cố sao? Vì nhiếp để giữ kín nó lại đó là hại lớn. Chẳng bằng thấy có tướng thì buông xả cái thấy, nghe có tiếng thì buông xả cái nghe, bốn căn kia cũng như thế. Người hành đạo trước tiên quên thấy quên nghe, kể đến tịnh thân tâm, chẳng những lục căn lục trần được buông xả mà lục thức theo đó cũng dừng. Thường thấy người trụ Tông Lâm đầu thân tay chân cứng như cây khô, đi như người gỗ, ngồi như ông địa, đây tuy chẳng hay, song so với người phóng dăng thì tốt gấp muôn lần. Như thế, chẳng qua chỉ là mắt nhắm không liếc ngó, nhưng bên trong còn động, hễ con người chợt nhìn liền bị tướng nhiếp; tai dù không nghe, hễ cái đầu bỗng động liền bị tiếng thâu. Cách hành như thế thì đâu có nhiếp được các căn.

Cách nhiếp chân chánh ví dụ như một cái phòng xung quanh có sáu cửa sổ, trong đốt một ngọn đèn thì ánh sáng từ sáu cửa chiếu ra ngoài. Muốn trừ bỏ một cửa thì dùng vải bịt che lại ắt một cửa tự tối. Dùng vải che dụ cho giữ con mắt không cho nhìn bên ngoài. Muốn trừ bỏ cửa thứ hai, cũng dùng vải che, vải che tức là giữ cái tai không cho nghe bên ngoài. Bốn cửa kia cũng vậy.

11. THỈNH CẦU KHAI THỊ.

Nói về thỉnh cầu khai thị thì lúc Phật còn tại thế cũng có. Việc này trọng đại, thế gian chẳng thể so sánh được. Như một hôm, ngoại đạo mang hoa đến cúng Phật, thỉnh Phật khai thị.

Phật bảo: Buông hoa xuống.

Ngoại đạo buông hoa xuống.

Phật bảo: Buông tay xuống.

Ngoại đạo buông tay xuống.

Phật bảo: Buông thân xuống.

Ngoại đạo do dự.

Phật quở: Buông chẳng được thì gánh lên đi!

Ngoại đạo ngay đó đại ngộ.

Lợi ích của sự thỉnh cầu khai thị đâu thể kể xiết.

Phật lúc ở nhân địa làm một vị tiên nhân, ở trong núi sâu ngày đêm hành đạo rất là chân thiết. Thiên nhân muốn thử, hóa làm một con quỷ La sát đến bên cửa động nói “Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt”. Tiên nhân nghe qua liền bước xuống thiên sàn, ra ngoài xem, thấy một con quỷ hình thù xấu xí, tóc đỏ rối nùi, mặt xanh như chàm, răng đen chia ra như đinh sắt, thân hình to lớn, cái bụng lép xẹp, trông qua đáng sợ.

Tiên nhân hỏi: Hai câu kệ vừa rồi do ông nói phải chăng?

Quỷ La sát đáp: Chính là tôi nói.

Tiên nhân thưa rằng: Xin nói câu kệ tiếp cho tôi nghe, tôi rất cảm tạ.

Quỷ La sát liền nói: Tôi đang đói bụng, không có sức để nói tiếp. Ông có thể xả thân cho tôi ăn, tôi sẽ nói tiếp.

Tiên nhân tự nghĩ “Nếu bỏ thân này cho quỷ ăn thì còn ai được nghe pháp?” Liên bảo quỷ La sát: Viết pháp lên tảng đá, tôi xem rồi liền xả thân.

Quỷ viết tám chữ như vậy: Sanh diệt đã diệt, tịch diệt làm vui.

Tiên nhân liền từ trên vực nhảy xuống, quỷ La sát đỡ lấy thân tiên nhân rồi hiện nguyên hình là Trời Đế Thích khen rằng: Lành thay! Ngài sẽ thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Ngưỡng mong tiên nhân chớ quên độ tôi.

Hãy suy nghĩ xem! Người xưa xả thân cầu pháp vì tám chữ mà bỏ mạng cho quỷ ăn, coi nhẹ thân, kính trọng pháp như thế, e rằng người thời nay khó làm nổi.

Người hành đạo trụ thiên đường dụng tâm chân thiết, muốn công phu thâm nhập nhất định cần phải rộng hỏi bậc Thiện Tri Thức, nên chân thành cung kính năm vóc gieo sát đất, trình bày cái kiến giải trước kia và hiện tại của mình, thành thật thỉnh cầu khai thị.

Nhờ Thiện Tri Thức ấy nhổ đinh tháo chốt, khiến cho đương cơ cảm thấy trời xoay đất chuyển, được quay đầu chuyển nã, có người ngay đó đại ngộ. Như đường đi ngàn dặm còn thiếu một bước mới được đến nhà, nhiều người ở chỗ thiếu một bước này, lầm nhận là nhà rồi trụ nơi đó, chẳng muốn tiến lên. Nếu là người trí, ngay đây phải đi thưa hỏi các bậc Thiện Tri Thức, tự suy xét lại có đúng hay không, rồi ngay đó thừa đương thì công phu mới được thâm nhập. Người tin được sự thỉnh cầu khai thị thì

động chân là đến nhà, việc dễ dàng như thế, người học đạo nên lấy đó làm mô phạm.

12. CHÁN TRỤ TÒNG LÂM.

Người trụ Tòng Lâm lâu năm thấy những điều chẳng đúng như pháp, tâm sanh chán nản là lẽ tất nhiên.

Những sự lợi ích lớn lao ở Tòng Lâm, người ta chẳng dễ gì thấy, cho nên tôi đặc biệt chỉ ra. Sinh hoạt hàng ngày ở thiền đường, đi hương tọa hương ngày nào cũng vậy, tháng nào cũng vậy, năm nào cũng vậy. Phép tắc phải làm chẳng thêm chẳng bớt, một ngày làm như thế muôn ngày cũng làm như thế. Đây là dùng cái thân lay động để huân cái thói quen bất động, lâu ngày thân tự tịnh thì tâm cũng tự thanh. Đến chỗ tu sâu này phần nhiều chẳng phải dễ thấy.

Mọi người chỉ thích thay đổi, hôm nay thượng điện, ngày mai tụng niệm, ngày mốt ra ngoài chơi thông thả, một ngày thay đổi hai ba việc càng hợp ý hơn. Nay cứ suốt ngày lạnh băng băng làm cho người ta cảm thấy phiền muộn, không ý vị, không hứng thú, nên chán trụ Tòng Lâm ấy là bệnh lớn bậc nhất.

Nếu người lập chí hành đạo thì đối với các pháp lớn nhỏ của Tòng Lâm cần phải hiểu thấu, như vậy chỗ thấy đều có lợi, chỗ nghe đều có ích, chỗ học đều là đạo, chỗ hành đều là pháp. Từ đó lấy thiền đường làm thân, lấy quy củ làm hạnh, lấy thiền duyệt làm thức ăn, lấy tham thiền làm chánh niệm, cứ vui đầu công phu hai ba mươi năm, như thế chẳng những Diêm La Vương không làm gì được, mà dẫu cho Phật Thích Ca cũng không làm gì được. Tự được sự lợi ích to lớn rồi chuyên dạy người khác cũng được sự lợi ích ấy. Được sự lợi ích sâu xa rồi mới rõ biết được nhân quả của sự trụ Tòng Lâm, cảm một cọng cỏ, đốt một nén hương đều là vun bồi đức tánh, nghe một tiếng, thấy một sắc đều là thiền cơ.

Tòng Lâm là chỗ của thập phương tụ hội, là đất an cư của thánh hiền, đại chúng ở chung nương tựa lẫn nhau, một ngôn một hạnh đều có căn cứ, một đồng tiền một hạt gạo đều không lãng phí. Người xưa nói “Tòng Lâm sanh ra lịch đại Tổ Sư, Tòng Lâm sanh ra cổ kim Thánh Hiền”. Cho nên phải tự kính Tòng Lâm như cõi Phật, quý tiếc vật thường trụ như vàng ngọc. Tự hận đến trễ, chẳng được trụ sớm hơn. Thà nguyện đời đời kiếp kiếp lấy Tòng Lâm làm nhà ở, lấy quy củ làm sở hành, ngoài ra chùa tu am thất, thâm sơn cùng cốc, quan phòng tịnh thất, quyết chẳng tạm trụ. Xin người trụ Tòng Lâm đọc thuộc đoạn này rồi ghi nhớ để có thể đề phòng sự lầm lạc ở mai sau.

Lại nữa, Phật là vị giáo chủ của thế giới Ta Bà, là người mà Phật tử chúng ta phải dựng điện để thờ. Pháp là ngọn đèn sáng cho thế gian ô trược, cần phải cất lâu các để tàn trừ. Tăng là phước điền của thế gian, cần phải nên cúng dường. Tuy chí thành kính tin Tam Bảo song cũng chẳng bằng cái công to ủng hộ Tòng Lâm. Tam Bảo chẳng nhờ Tòng Lâm thì chẳng còn trụ ở thế gian. Tòng Lâm chẳng nhờ Tam Bảo thì chẳng tồn tại. Nếu muốn chánh pháp trụ lâu ở đời thì cần phải làm cho Tòng Lâm trụ lâu ở thế gian. Tòng Lâm chẳng còn thì chánh pháp làm sao trụ. Cho nên trước có Tòng Lâm rồi sau mới có Tam Bảo.

Mong sao người chán trụ Tòng Lâm đổi lại thành thích trụ Tòng Lâm. Người chán ắt rời Tòng Lâm. Người thích ắt trụ Tòng Lâm. Tiến trình tương lai của người ấy lớn lao chẳng thể ví dụ được.

13. THÍCH Ở NÚI SÂU.

Người thích ở núi đều do đạo niệm không vững chắc. Tâm ưa thích núi chẳng thôi thì cái niệm chán trụ Tòng Lâm càng mạnh. Cũng có người hàng ngày bị những quy củ

lãng xãng, những điều thấy nghe, hay dở làm nhiều loạn tâm. Hoặc đối với tọa hương đi hương sức lực yếu kém không đủ dụng công phu, hoặc vì sự khai thị và điều chúng của Ban Thủ, Duy Na không hợp ý mình, hoặc vì hiềm khích với người nằm bên cạnh, hoặc vì công việc ruộng nương quá nhiều, hoặc vì việc điện đường quá khổ..., chỗ chán quá nhiều, đủ thứ trở ngại thật khó hành đạo, nên muốn trốn đi vì có cái niệm ở núi.

Một khi đến trong núi, có nhà không có giường, có chén không có gạo, có củi không có lửa, đến lúc ấy mới biết phiền toái còn hơn ở Tòng Lâm gấp bội.

Còn có một hạng người rón trụ Tòng Lâm đều là hình thức bề ngoài, hàng ngày mọi việc như treo bảng, gõ chuông, châm trà, xách nước, hương bản, trúc bễ, đều âm âm kinh người. Khai thị của Ban Thủ nghe qua nổi giận, quy củ của Duy Na nghe rồi tâm phiền. Suy nghĩ trăm kế không cách nào ổn. Muốn trở về chùa tư, sợ am bên cạnh chê cười, trụ Tòng Lâm khác thì e cũng khó được như ý. Tự nghĩ cái phiền của chùa tư, cái khổ của Tòng Lâm, chẳng bằng lánh vào núi sâu, thế gian ít người nghe thấy. Người ở núi như thế chẳng phải thật vì đạo, ham thích an nhàn, lấy ở núi làm khoái chí. Phải biết, có khả năng ở núi hay không, cần phải có sự căn cứ.

Mấy điều tệ của sự ở núi, người ta chẳng biết:

1. Dẫn cho thấu qua Trùng Quan cũng khó khỏi cái nạn cướp giật, không có người giải cứu. Tôi trước kia sợ nhận chức sự của Tòng Lâm quá phiền phức nên trốn lên núi tịnh dưỡng. Khi đến hang núi ở được mấy ngày bỗng nghe tiếng kêu khóc của am phía trên liền chạy lên xem, thấy một người bị cướp dùng dây trói thân, hình dáng rất thê thảm. Tôi vội mở dây trói cho người ấy, cạy hết đất bùn ra khỏi miệng, kéo hết bông vải ra khỏi lỗ tai rồi vội nấu nước cho uống, người ấy mới thở được. Lại đỡ lấy tay chân, làm cho hoạt động, khiêng để lên giường, gần nửa ngày mới tỉnh. Hỏi lý do, người ấy kể “Trước bị cướp dùng y phục trùm đầu đánh mạnh vào thân, rồi dùng dây trói, phải nằm dưới đất hai ngày đêm”. Tôi đi vào am xem mới biết đồ đạc đều bị cướp sạch, tuy bị đau khổ, song may mắn là chưa chết.
2. Thường có phụ nữ nghèo khổ dưới chân núi lên xin lương thực, khiến cho thánh giới khó giữ.
3. Lương thực không đủ ăn, cần phải xuống núi hóa duyên một cách khổ sở. Người có phước thì đầy bao lớn, người vô phước thì túi nhỏ cũng trống không, có thể bị đòi một phen đến tám, mười ngày, khổ sở biết bao.
4. Có khi cùng với người ở núi lân cận bất hòa, đánh lộn với nhau đến chết cũng không có người cứu.
5. Có bệnh không có thuốc, có thuốc không có người săn sóc bệnh, có khi chết đến sinh thúì cũng không ai biết.

Xin người thích ở núi hãy suy nghĩ kỹ!

14. NHÃN NẠI PHIỀN TOÁI.

Người tham thiền cần nên củng cố "hằng tâm" (*tâm luôn luôn không lay động, biến đổi*), chớ nên gặp khó liền thôi lui. Phải biết việc tham thiền lớn không gì bằng, cái trọng yếu nhất của các việc thế gian chẳng bằng sự trọng yếu của tham thiền. Tại sao? Vì người thế gian hướng ngoại tìm cầu, người tham thiền thì hướng nội đi thẳng, nhưng đó chẳng phải chân đi, chẳng phải thân đi cũng chẳng phải tâm đi, chỉ đề khởi một câu thoại đầu, tâm tâm tham, khắc khắc tham, miên mật tham. Việc đi đường mỗi bước cách một khoảng còn việc tham thiền miên mật đến nỗi tìm chỗ trống để cắm

một cây kim cũng không có, vì có thì sanh ra thế gian. Chỗ hành của người tham thiền một mảy may gì cũng không cho có, cái hành như thế ắt phải có cái hạnh nhẫn nại phiền toái. Giống như người đi trong rừng nhiều gai góc hoặc nhiều cọp beo, chưa từng có ai đi qua, nay ta muốn dũng mãnh tiến tới, giữ tâm bình tĩnh còn khó đi qua huống là trong tâm cảm thấy khó đi. Ý muốn vội gáp, càng đi càng thấy khó, thật chẳng dám đi cho đến chùn chân thôi bước, nhưng người hành đạo phải mạnh dạn đến độ không đi thì không được.

15. CHĂNG TRỌNG TU HUỆ.

Việc tu huệ rất là trọng đại. Người khắp thế gian chỉ có thể nói là thông minh, chứ không được nói là trí huệ. Sao vậy? Phải biết trí huệ do tâm tu, thông minh từ cảnh được. Từ tâm liễu ngộ tâm thì trí huệ sáng. Từ cảnh nghiên cứu cảnh thì thông minh phát. Chẳng những người đời chưa từng tham cứu tâm mà ngay cả chúng ta trụ ở thiền đường là người mang trách nhiệm tham cứu tâm còn chưa tham cứu tâm, chẳng phải là khó ư!

Phải biết thần thông chẳng bằng trí huệ. Một hôm Phật lên cung trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp. Các vị đệ tử có thần thông như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất cùng đi theo Phật. Lúc Thiên Vương khai tiệc cúng dường Phật, các vị tôn giả ra ngoài du lãm trở về tìm Phật. Phật cùng Thiên Vương nhập tiệc, các A La Hán chẳng nhìn ra Thế Tôn vì Phật dùng thần lực, tự biến hình giống như Thiên Vương. Mục Liên đến gần nhìn cũng không biết, cho đến Phạm Thiên nhìn cũng không ra. Lại đi đến thế giới phương khác tìm Phật cũng chẳng thấy. Các đại A La Hán bàng hoàng bên tòa không biết phải làm sao. Ngài Xá Lợi Phất là người đã được tôn xưng là trí huệ bậc nhất, bàn với các A La Hán rằng “Mục Liên thần thông bậc nhất còn chẳng thể nhìn ra Phật. Tôi có một cách chắc có thể nhận ra. Phật cùng Thiên Vương thân tướng chẳng khác, chỉ có ánh mắt chẳng đồng. Các ông hãy nhìn thẳng lên xem, mắt Phật không lay động, ung dung hòa nhã, còn mắt của Thiên Vương loạn động, tay chân bối rối. Các A La Hán xem qua như thế mới dám gần Phật, bị Phật quở trách “Dầu cho các ông thần thông quảng đại chẳng bằng trí huệ sáng suốt”. Người chẳng trọng tu huệ nên tự biết hổ thẹn.

Than ôi! Trái giác hợp trần, mê chân theo vọng, nhận quấy làm phải, theo ác bỏ thiện, các thứ khổ não đều do ngu si mà ra. Phải biết trí huệ là lợi khí phá ngu. Ngu thì từ sáng vào tối. Huệ thì từ tối vào sáng. Từ sáng vào tối thì luân hồi trong lục đạo, trả nợ trong tam đồ. Từ tối vào sáng là từ phàm đến thánh, chứng Đại Niết Bàn.

Gần đây người trụ thiền đường lại không có chí liễu thoát sanh tử, cũng không có tâm tu trí huệ, chẳng đau xót ư! Nếu quả là người có chí đối với đạo, quyết định trọn đời này chẳng làm việc khác, chẳng tu pháp khác, chuyên tu tham thiền, lấy ngộ làm kỳ hạn. Đời này chẳng ngộ, tiếp tục ở các đời sau. Cho đến trong cuộc sống hàng ngày không có hai tâm, không có việc gì khác nữa.

Còn có hai điều khẩn yếu là:

1. Đời này năm ba mươi năm hành đạo, chẳng ngộ cũng chẳng hành pháp khác. Bằng không thì tự bỏ dở nửa đường.

2. Tham thiền đến già, già rồi bệnh, bệnh mà chết cũng chẳng quên một niệm tham thiền, dù kiếp này chưa ngộ, kiếp sau chắc chắn là một nghe ngàn ngộ. Như người đi đường đến nhà mới thôi, nấu cơm đến chín mới thôi, ăn cơm đến no mới thôi, vọng tưởng nổi đã mới thôi, ngủ say cho đến tỉnh dậy mới thôi, con người sống đến chết mới thôi, chúng sanh đến thành Phật mới thôi, dụng công đến khai ngộ mới thôi, liễu sanh tử đến chứng Niết Bàn mới thôi.

Thử hỏi “Từ xưa đến nay, mục đích là muốn làm người ở trong tối hay ở trong sáng?” Than ôi! Đau đớn thay! Lại hỏi “Từ lúc sanh ra đến bây giờ xét kỹ xem, lấy thân làm người hay lấy tâm làm người?” Thực đáng thương xót! Quá khứ làm người chẳng biết chỗ nương tựa, hiện tại làm người cũng chẳng biết chỗ nương tựa, cho nên đối với việc làm người ở vị lai cần phải xét kỹ. Chỉ cần siêng năng tham cứu không có kỳ hạn trước sau, một mai triệt ngộ, bỗng lai diện mục là người ấy, bỗng địa phong quang là chỗ ấy. Từ đây khóc to ba ngày, kêu oan mấy bữa “Khổ thay! Tại sao trước kia mê muội quá vậy!”

Người hành đạo đời đời kiếp kiếp trừ cái tu huệ nghiệp này ra, tất cả đều là hành si nghiệp. Cho nên nói “Tu phước chẳng tu huệ như bạch tượng đeo chuỗi ngọc” là vậy.

16. CHẴNG MUỐN THƯỜNG TRỤ.

Thường trụ (*ở mãi*) thật là khó làm. Như chỗ rạp hát rất là vui vẻ hấp dẫn, ở mười ngày hai mươi ngày còn lưu luyến, chứ ở lâu thì cũng chẳng chịu nổi. Sao vậy? Chỗ không vừa ý, khó trụ là lẽ đương nhiên, tại sao chỗ vừa lòng mà cũng chẳng thể thường trụ? Trong đó có cái việc kỳ đặc mà phàm chẳng thể hiểu, thánh chẳng thể hội. Kỳ đặc ra sao? Một niệm ban đầu của chúng ta y vào gốc vô trụ mà sanh huyền trụ, như chẳng thể thường trụ là chẳng phải hiện tại chẳng thường trụ. Thế giới có tướng thành, trụ, hoại, không, con người có tướng sanh, già, bệnh, chết, tâm có tướng sanh, trụ, diệt, đều chẳng phải tướng thường trụ. Mọi người đều theo tướng này sanh, theo tướng này diệt, chẳng thể nào chạy ra khỏi tướng này một bước. Cho nên nói “Pháp đó trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trụ”. Ngộ được tướng này, tất cả các tướng thấy đều thường trụ.

Người tham thiền trước tiên lập ba hạnh đến chết cũng chẳng đổi dời, tự có thể phát minh sự chân thật thường trụ. Ba hạnh là:

1. Trụ chỗ này thì chỗ này phải là thường trụ.
2. Trì pháp này thì pháp này phải là thường trụ.
3. Chuyên tâm này thì tâm này phải là thường trụ.

Có ba thứ thường trụ này chẳng đổi dời, thật là chuyển sanh diệt thành tịch diệt, chuyển khó trụ thành thường trụ vậy.

Hiện nay, dù trụ lâu thiền đường mà vẫn bất an muốn đi nơi khác, bệnh ở tại chỗ chưa thâu được cái đạo an ổn lâu dài, chẳng muốn thường trụ là lý đương nhiên. Đầu tiên do chỗ khó quá nhiều cho nên chẳng như ý mình, lại thêm quy củ phép tắc phiền toái, thân tâm khổ nhọc, ngủ nghỉ thất thường, ngữ ngôn khó hiểu, bệnh kín phát tác, ban ngày không có thì giờ nghỉ ngơi, ban đêm ngủ không thẳng giấc. Lại nói “Người này đối với tôi không có duyên, người kia đối với tôi có chướng ngại”. Đủ thứ bức bách khiến cho chẳng muốn trụ.

Nếu có thể quày đầu, chịu khó trụ năm ba mươi năm, thân tâm thanh tịnh an vui, càng ngày càng được sự lợi ích của chánh pháp, nhân duyên thuận thực mọi việc tốt lành, niệm hướng ngoại dứt sạch, trong tâm chẳng động. Lúc ấy mới hận trước kia tại sao có niệm muốn bỏ đi, may sao chưa theo vọng tưởng xoay chuyển. Như vậy càng thêm tinh tấn gấp bội, lập nguyện quyết tử tu hành, thà chết chứ không còn vọng động.

Tóm lại, nếu niệm hướng ngoại cho là tốt, lâu ngày tâm ắt cũng hướng ngoại thì cái niệm thường trụ Tông Lâm cũng tự quên. Nếu có thể đem cái việc hướng ngoại cho là xấu, là rất độc, là hãm cầu, là địa ngục, là tạo tội, là phá giới, là hại mình để đối trị thì cái tâm hướng ngoại tự dứt, cái niệm thường trụ tự móng khởi.

Xin những người vọng động hãy nghĩ tất cả phật sự của thiên đường có rất nhiều điều tốt. Nói “Đánh tôi là trừ nghiệp chướng cho tôi. Nạt tôi là dẹp tập khí cho tôi. Dầu cho chịu khổ nhiều hơn nữa cũng đều là trợ giúp đạo niệm cho tôi”. Dù điều tốt hay không tốt cũng đều cho là tốt thì tâm tự an nhiên chẳng còn vọng động. Cách đối trị này rất là trọng yếu.

17. DỄ PHẠM QUY CỬ.

Như người xưa vẽ vòng tròn dưới đất làm ngục tù, nghĩa là người phạm pháp bị quan bắt được, bắt phải đứng một chỗ, vẽ một vòng tròn xung quanh người ấy, chẳng cho người ấy ra ngoài một bước. Tông Lâm lấy quy củ làm vòng tròn, năm ba mươi năm chẳng ra ngoài vòng tròn một bước, cũng là học cách của người xưa. Nếu phạm quy củ sẽ có cái lỗi phạm pháp. Vì sao? Vua Thuận Trị nói “Ra vào nơi cửa sang, qua lại trong Bảo điện, chuông đánh thượng điện, bản gõ quả đường, chẳng cày cấy mà có cơm ăn, chẳng dệt vải mà có áo mặc, mọi thứ sẵn sàng, các điều như ý”. Lại nói “Trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày, chẳng bằng ông tăng nửa ngày nhàn”. Đúng thay lời này!

Như vậy thân ở chỗ lìa trần, tâm phan duyên đại pháp. Người đời bận rộn chỉ vì một đời này, chúng ta thanh nhàn đều vì mãi về sau. Người đời cả đời bận rộn là vì người khác, còn chúng ta cả đời bận rộn là vì mình, há chẳng sợ thay! Thọ dụng như thế lại phạm quy củ, nên nói "có lỗi". Mới trụ thiên đường thân tâm chưa quen, quy củ chẳng hiểu, phạm thì có thể răn dạy. Nếu trụ lâu năm, hoặc là hàng lão tham, hoặc đã từng trụ Tông Lâm ở nơi khác mà còn phạm quy củ, thật là người xấu của pháp môn.

Người trụ Tông Lâm giữ quy củ theo chúng hành đạo, nếu phạm quy củ thì chẳng cho nhập vào tăng chúng. Người giữ quy củ thì tâm địa khoan nhàn, tất cả tự tại, kẻ phạm quy củ thì thân tâm bất an, gặp việc sanh phiền. Người giữ quy củ, ai thấy cũng hoan hỷ tán thán, làm phép tắc cho Tông Lâm, làm gương mẫu cho Trời người. Kẻ phạm quy củ ai thấy cũng chán ghét, xa lìa, chắc chắn khó trụ lâu, đi đâu cũng bất an. Người giữ quy củ Phật, Tổ vui mừng. Kẻ phạm quy củ quỷ thần tức giận. Người giữ quy củ là pháp khí làm hưng thịnh Tông Lâm. Kẻ phạm quy củ là người xấu phá hoại Tông Lâm.

Phải nghĩ: Người phạm quốc pháp nặng thì bị tử hình, phạm gia pháp nặng thì bị phạt thân, phạm pháp Tông Lâm nặng thì bị trục xuất, đó là lý đương nhiên, không chút sai chạy.

Phải biết chính mình nghiệp nặng, thế nào cũng có cái lỗi trái pháp, cho nên thường lập thế rằng “Thà bị người chặt đầu móc mắt tôi đi, chứ tôi chẳng chịu phạm pháp Tông Lâm”. Nếu quả thật y theo thế này, chẳng những thân mạng được cứu mà huê mạng cũng được cứu, cha mẹ sanh vào ác đạo cũng được cứu. Vậy thì dễ phạm đổi lại thành dễ giữ.

18. HỖ XẢ TẤT CẢ.

Hai chữ Hỷ Xả là việc của Bồ Tát. Người trụ Tông Lâm đối với chữ Xả e rằng thái quá. Sao vậy? Từ khi sanh ra cho đến ngày nay có ruộng vườn đầy đủ, có công danh phú quý, có quan tước phẩm vị, có vợ, có con, tất cả đều đã xa lìa không còn nghĩ đến, mặc đồ tu sĩ thọ giới cụ túc, xả bỏ tục gia, ở trong tăng chúng an trụ chùa chiền hoặc ở hang núi, những sở trường đặc biệt, học thuật hay ho trước kia đều chẳng màng đến, chẳng những đại xả tục gia cho đến tăng tục đều xả. Tăng tục đều xả mới được gọi là xả hết tất cả. Nay nói Hỷ Xả thật là khó hiểu.

Người xưa nói “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?” Chẳng hiểu người này (*phát nghi*) liền gánh lên đi (*giữ nghi tình*). Người tham thiền như thế nếu được lãnh hội (*ngộ*) mới thật phù hợp với sự đại xả của Thiền tông. Người chẳng được cái xả này thì trong hàng ngày, thượng diện thì xả chân, quả đường thì xả tay, mặc áo thì xả thân, ăn cơm thì xả miệng, bị một gậy đánh thì xả tâm giận, bị một tiếng hét thì xả niệm sợ, nghe tiếng khen thì xả vui mừng, nghe người chê thì xả bực tức, đều gọi là đại xả.

Lại, tham thoại đầu thì xả công phu, bỏ trống qua thì xả thời gian, ở chúng đông thì xả nhiều người, trụ Tông Lâm thì xả xứ sở, giữ quy củ thì xả người khác, phạm quy củ thì xả chính mình, cũng gọi là đại xả.

Lại nữa, nói hỷ xả là khi chưa vào thiền đường, đối với các thứ mũ, nón tốt, các thứ y áo, ngọc cụ, khăn lau tốt, các thứ giày dép tốt, vớ bằng tơ lụa, các thứ đồ trang sức như cả rá vàng, đồng hồ đeo tay, bình trà, bàn chải răng bằng xương, kem đánh răng loại tốt, kem thoa da, ống điều hút thuốc, kịch bản, tiểu thuyết, bạn đánh bài, bạn ăn nhậu đều xả sạch trơn, chỉ lưu lại một nhân cách thanh tịnh, một bộ mặt không lỗ mũi, đến trụ thiền đường mới đúng là Hỷ Xả.

19. PHÁT TÂM DŨNG MÃNH.

Việc phát tâm này là người dẫn đường cho thế gian và xuất thế gian. Bằng không, chẳng những phật đạo khó thành mà địa ngục cũng dễ đọa. Sao vậy? Người đời trồng bông vải, trước tiên phải gieo giống, nhổ cỏ, tưới nước sau mới thu hoạch được bông vải, rồi kéo thành chỉ sợi, siêng năng dệt mãi mới thành ra vải. Từ một hạt giống cho đến khi thành một chiếc áo biết bao là khó khăn, qua đó có ba điều quý báu mà người đời không dễ gì biết:

1. Hạt giống lấy ruộng làm quý báu.
2. Vải lấy chỉ sợi làm quý báu.
3. Con người lấy quần áo làm quý báu.

Do ba điều quý báu này làm cho người đời phải dũng mãnh phát tâm. Bằng không thì bỏ dở nửa chừng, một điều quý báu còn khó được hưởng là muốn được cả ba. Vậy không phát tâm thì để thân thể lỏa lồ sao?

Cũng vậy, người xuất gia thọ giới cụ túc, cầu thầy hỏi đạo, ở Tông Lâm, giữ quy củ, tuân lời dạy, bị đánh hương bản, chịu cay đắng, chịu nhẫn nhục, lập đạo niệm, thỉnh pháp yếu, dụng công phu, được chân nghi, khai đại ngộ. Từ một phàm phu thành một thánh nhân, trong đó trải qua muôn phen rèn luyện khó khăn, may mắn được ba điều quý báu cũng không dễ gì biết:

1. Con người lấy tăng làm quý báu.
2. Tông Lâm lấy quy củ làm quý báu.
3. Triệt ngộ lấy dụng công tham thiền làm quý báu.

Cũng do có ba điều quý báu này mà không thể chẳng dũng mãnh phát tâm. Bằng không thì thành kẻ phạm ngu. Một điều quý báu chẳng được thì chư tăng làm sao tồn tại chốn Tông Lâm!

Lại, người hành đạo tất cả đều phải tinh tấn. Người bảo hương có vọng tưởng, ta bảo hương có công phu. Người tọa hương có hôn trầm, ta tọa hương không tạp niệm. Người qua lại có nói thì thâm, ta qua lại không có mình người. Người nằm ngủ có

mộng tưởng, ta nằm ngủ không có giường nệm. Người bỏ thời giờ qua sông mà không hay biết, ta bỏ thời giờ qua sông thì thấy hổ thẹn. Người dụng công phu có gián đoạn, ta dụng công không có thân tâm. Người dụng công có biết đông hạ, ta dụng công quên cả tháng ngày. Người dụng công chấp tinh tấn, ta dụng công không biếng nhác. Làm được như thế là đại tinh tấn, là thật phát tâm dũng mãnh, thì làm sao người này chẳng đạt đạo!

20. THÂN TÂM QUEN THUỘC.

Thân tâm vốn không có lạ quen. Lạ quen là do việc của thân làm, cảnh của tâm duyên.

Thân lạ là việc làm của thân chưa được làm nhiều, lâu lâu mới làm thì khó được quen, cho nên gọi là lạ. Từ lạ tập lâu ngày, mài giũa mãi hoài, nhiều cách lựa lọc, nói làm liền làm, tay tự nhiên làm, trước sau nhất như chẳng còn do dự, đây gọi là thân quen.

Tâm lạ là cảnh sở duyên của thức chưa thấm vào tâm, bỗng muốn nhớ lại mà mờ mịt không biết, cũng gọi là lạ. Từ lạ huân tập lâu ngày, nghĩ nhớ sâu xa, lại thêm xét nét, hễ tưởng đến liền hiện, nói đến liền biết, đây gọi là tâm quen.

Thân tâm tuy quen, nhưng cũng còn có khi quên, tập cho thêm quen thuộc, trở thành thói quen, trải qua vạn kiếp cũng chẳng quên, ở chỗ muôn ngàn sai biệt cũng chẳng động, nắm được liền dùng, nước đến thì thành dòng. Thân làm đi làm lại không còn sai lầm. Tâm tự lực muôn ngàn không còn sơ sót. Đây gọi là thân tâm quen thuộc.

Như người đến Tông Lâm tham học, mới vào Thiên đường mờ mịt không hiểu quy củ, việc phải làm của thân từ trước đến nay chưa từng thấy qua, bỗng bị ép buộc phải làm thì khó làm được quen. Nếu có thể khổ tâm khổ chí, cẩn thận để tâm tìm hiểu kỹ càng mọi việc, học tập ghi nhớ càng ngày càng tinh thông, thì dần dần từ lạ trở thành quen. Chính ngay lúc học quy củ, phải đem toàn thân để ở trên việc làm, chẳng nên sáng siêng năng chiều lười biếng, lập chí quyết định thà chết chứ chẳng lìa pháp này. Người có chí này, chẳng những việc quen mà thân cũng quen.

Lại, như người mới học tu thiền, từ trước đến nay chưa từng dụng công phu, một khi đề khởi thoại đầu, không biết làm sao hạ thủ. Nếu có thể đối với pháp này lập chí thà chết chứ chẳng lìa, đem hết thân tâm tận lực xông vào, chỉ biết có pháp, chẳng biết có tâm. Như vậy lâu ngày chẳng những pháp quen mà tâm cũng quen.

21. CHẴNG TIN THAM THIỀN.

Chẳng tin có hai:

1. Thường nghe người ta nói Thiên tông quá cao, người trung hạ căn không thể nào tu được. Dầu cho tu được, cũng khó khỏi đền trả nghiệp đời trước đã vay, vẫn phải biến trâu biến ngựa. Ôi! Thật ngu làm sao! Người căn cơ cạn bị cơn gió phi báng này thổi rơi xuống biển, hai chữ Thiên tông còn không dám nói thì việc tham thiền đâu còn ai dám tin.

2. Tự đã quyết chí liễu thoát sanh tử mà đến cửa Thiên tông. Lúc đến thì lặn suối trèo non, dầm sương dãi gió, cay đắng vô vàn cũng cam nhận chịu. Nay trụ Thiên đường, tâm nguyện thỏa mãn, dù trong hàng ngày quy củ chưa quen, thân tâm bứt rứt, lại còn phải chịu la hét, ăn gậy của các chức sự rất là đau đớn. Từ khi trụ Tông Lâm đến nay không để ngày giờ trôi qua vô ích, tự nghĩ chuyên vì hành đạo mà ráng bỏ các duyên ngoài. Đã vì sanh tử, nhân chịu khổ đau, dù đến chỗ chết cũng không từ nan. Đối với việc hạ thủ công phu, thường nghe Thiện Tri Thức nhiều cách chỉ dẫn tham cứu thoại

đầu, khẩn thiết khuyến khích để đi đến đại ngộ. Dụng tâm như vậy cũng khó dấy khởi nghi tình, dù là một câu cũng khó đứng vững, nghiệp chương quá sâu, phải làm thế nào?

Như trong túi áo mặc trên thân có của báu mà chẳng chịu tin, người chẳng tin tham thiền cũng giống như vậy. Nếu tin nơi thân mình có của báu thì dầu cho chết cũng quyết phải tìm cho ra, mới là xong việc. Người xưa nói “Minh châu trong áo tự chẳng tin, đâu cần hướng ngoại khổ công tìm” là vậy.

22. NGHI PHÁP.

Người tu hành chân thật, vì đạo chịu khổ chịu đau đều chẳng màng đến. Đối với pháp môn tham thiền là pháp phải làm suốt ngày, không ngờ một câu thoại đầu một thời gian dài chẳng đề khởi thì dường như cảm thấy khinh an. Vừa đề khởi lên một chút thì phiền não liền nổi dậy, thân tâm khoảnh khắc cũng chẳng yên, khi tịnh thì như ngồi trên đồng lửa, muốn đi ra ngoài giải buồn. Thêm vào đó các vị chức sự thấy cử chỉ oai nghi của ta khiếm khuyết bèn chỉnh lại khiến cho tâm ta như lửa đổ thêm dầu, lập tức phần nộ tràn hông. Xét kỹ trước sau đều do đề khởi câu thoại đầu mà ra, nên chẳng ngại gì dùng pháp khác để thử. Ngày trước đã tin niệm Phật hoặc tin trì chú bèn đem ra dùng lại thử. Một khi niệm danh hiệu Phật, hoặc trì chú thì như nước tưới vào lửa thật là mát mẻ. Do đây đối với pháp tham thiền này lại càng cảm thấy nghi ngờ khó tin “Đã hết sức tham mà chẳng thể được nhập, đây đúng là lỗi của pháp vậy!”

Thử hỏi: Ông thầy giáo hàng ngày thanh nhàn, thân tâm khỏe khoắn, bỗng phải gánh đồ nặng khổ sở muôn phần.

Có người hỏi ông ta: Sức gánh đồ của ông như thế nào?

Ông đáp: Dạy học không đủ ăn nên phải gánh đồ nặng để sống mà gánh chẳng muốn nổi.

Chính đang lúc trù trừ, bỏ gánh nặng xuống, rồi lại cảm quyền sách như cũ, so với lúc trước cảm thấy khoan khoái gấp bội.

Người có tri thức mới hỏi: Muốn có ăn, không gánh không được, sao chẳng từ từ đun đây lâu ngày cái khó tự hết.

Người nghi pháp hãy suy nghĩ điều này. Nay đặc biệt giải thích một chữ Nghi, bằng không ắt sanh lầm lẫn. Cũng như tham câu "Khi chưa có trời đất ta là cái gì?" chẳng biết mình là cái gì, muốn rõ bản lai diện mục của mình mà không hiểu được thì phải sanh khởi thắc mắc tại sao muốn hiểu mà hiểu không được. Lúc ấy trong tâm tự nhiên móng khởi nghi tình. Có nghi tình tức là tham thiền vậy. Những đoạn văn sau nói hai chữ công phu tức là nghi tình, chẳng cần lập lại nữa.

Thế nên biết, nghi người, nghi pháp là hồ nghi, còn cái nghi này tức là công phu tham thiền cũng gọi là chánh nghi vậy.

23. NGHI NGƯỜI.

Người dụng tâm ở Thiền đường, ban đầu y theo lời dạy của người, nhận sự chỉ dẫn, nghe người khai thị hiểu được phương pháp, y theo đó mà làm, chẳng dám thiếu sót một chữ, chẳng dám khinh thường một lời, xem đó như pháp bảo, kính đó như Phật sống. Sáng lễ bái chiều nghe dạy, suốt ngày không chút lười mỏi. Sự ân cần kính người, trọng pháp thật khiến cho người tin. Đến khi thực hành lâu ngày pháp đã được trao, tự cảm thấy sự chỉ dạy của người này rất đích xác còn lời giảng của người kia

dường như chẳng đúng. Vì thấy có đúng có sai nên trong tâm sanh ra nghi ngờ chẳng biết người nào đúng người nào sai.

Lại nữa, hoặc lời giảng trước kia, lúc mới dụng công thì đúng, dụng công lâu thành sai. Hoặc pháp của mình dụng công thì phù hợp với kinh Phật, lời Tổ, nghe lời người giảng chẳng những không đúng với chỗ dụng công của mình mà còn rất khác xa với lời Phật Tổ. Do đó, cái niệm nghi người càng sâu, cái tâm tin mình càng lớn.

Lại nghi, nghe người ngoài nói người kia khai đại ngộ rồi, hoặc đã phá bốn tham, hoặc khai tiểu ngộ, đích thân nghe thì trái lại chẳng bằng mình. Hoặc thấy mấy người ấy trong cuộc sống hàng ngày đều không có hành vi khai ngộ mà dường như còn tập khí nhiều. Do đó, đến lúc người ấy khai thị, chẳng phải ho hen ngăn trở thì đổ thừa bận việc chẳng đến nghe. Hoặc nghi người ấy không xứng đáng làm thầy mình, đến giờ người ấy giảng thì trốn tránh ra ngoài chẳng về. Hoặc sợ người ấy khiển trách mà giả bệnh tạ từ. Cái lỗi nghi người thật chẳng phải ít. Thử hỏi: Ông muốn đến nhà ất phải tìm đường về. Sự sai biệt ở giữa đường phải hỏi người đã đi qua. Đã chỉ đường rồi, đi phải do mình. Thiện Tri Thức chỉ có thể chỉ đường chứ chẳng đi giùm mình được. Nay đường chánh chẳng đi mà lại nghi người chỉ đường tầm bậy. Đâu nên như vậy!

24. TOAN TÍNH THỐI LUI.

Người tu hành bị có cái nghi người, nghi pháp, thường thâm giận tức rằng tuy nhiều năm phát nguyện, nhiều năm lưu tâm mà vẫn chưa dám quyết định đến ở Tông Lâm, lại còn nghi mình không đủ sức toạ hương nên ở nhà tập thử trước. Toạ hương dài thì đau chân cảm thấy sợ, toạ hương ngắn mới cảm thấy vui. Khi tập thử xong, dẹp y phục ngày thường, thay áo tay rộng, sửa soạn hành lý, y bát và những vật cần dùng, chọn ngày khởi hành. Bỗng nghe quy củ của Kim Sơn khó, sợ đến đỏ mặt. Lại nghe Cao Môn toạ hương lâu, trong tim đập mạnh. Tiến thoái hoang mang, thật khó quyết định phải đi nơi nào. Nay may mắn đã đến đạo tràng, tu pháp liễu thoát sanh tử, đã học được pháp rồi mà không trọng pháp, lại xem người trên, người khó vừa ý. Nghe pháp thì tâm phiền, nghe tiếng thì niệm động, chẳng những duyên pháp chưa kết mà duyên người cũng không. Muốn trốn đi chỗ khác để thân cận bậc cao nhân, nghĩ đi nghĩ lại cũng khó quyết định.

Tôi nói: Dẫn cho ông chạy đến chân trời, chỉ nhọc công vô ích. Thật ra, nói đến việc cầu cao nhân, người xưa thấy bầy vịt trời liền ngộ đạo, bầy vịt trời tức là cao nhân. Muốn cầu đại pháp, người xưa nghe tiếng chuông liền ngộ đạo, tiếng chuông tức là đại pháp. Cái đại của đại pháp, cái cao của cao nhân chạm mặt đều là nó, đâu nên toan tính thối lui ư!

25. BIẾT SÁM HỐI.

Người hành đạo ở Thiên đường chưa được chân tham, nghi pháp nghi người đều do tự cao tự phụ. Ông chẳng nghe ư? Người thế gian và người xuất thế gian không có ai bằng Phật. Pháp thế gian và xuất thế gian không gì hơn Kinh. Lúc Phật ra đời, người có duyên với Phật đều được Phật độ. Người có duyên với Pháp có thể theo Pháp tu hành. Cái Pháp của Phật đích thân thuyết cần phải tùy thuận nhân duyên. Cho nên Phật có ba điều chẳng làm được là:

1. Định nghiệp chúng sanh chẳng thể chuyển.
2. Chúng sanh không có duyên chẳng thể độ.

3. Số lượng của chúng sanh chẳng thể biết.

Nay ông là người gì? Người còn ở địa vị học đạo mà chẳng biết sám hối tự trách ư? Cái tội khinh pháp, cái lỗi phi báng Thiện Tri Thức, cái ngu thối đạo, ăn năn hối hận đâu kịp. Cần nên ở trước Phật lập lại thệ nguyện, lập chí hướng mới, cái pháp đang hành quyết tử thực hành, người đáng thân cận quyết tử thân cận, cái lỗi thối lui quyết tử sửa đổi. Thà giữ đạo mà chết chứ chẳng nên thối đạo mà sống. Dù cho Phật, Tổ đích thân bảo ta chẳng tin Pháp, bảo ta chẳng tin Thiện Tri Thức, bảo ta thối đạo tâm, làm cho ta nát xương như tro bụi thì được, chứ bảo ta chẳng tin thì không thể được, thì cái đạo biết sám hối được viên mãn vậy.

26. BIẾT HỖ THỆN.

Hỗ là không cô phụ người, thẹn là không cô phụ mình. Cô phụ người là làm cho người thiện mắc cỡ, chê cười người có sở trường, khinh khi người có liêm sỉ, phụ lòng người có ân đức. Phụ mình là làm cái nhân sai lầm, tham cái quả hư vinh, làm hỏng cái thiện của mình, chôn vùi cái khả năng của mình. Nếu người mà bên trong không thẹn với mình bên ngoài không thẹn với người, thì đó là người tự trọng vậy.

Phàm tất cả việc phải hành theo chánh hạnh, phải làm theo trung đạo, xả thân vì người, cứu người nguy khốn. Rộng lượng đối với người, khen người có đức độ, hiển dương điều hay của người, che giấu điều dở của người. Chẳng màng đến điều hại cho mình, chỉ cầu người khác được lợi. Cho đến công phu được nhập chỗ thâm sâu, phải biết ơn dạy bảo khuyến khích của thầy bạn, lấy tan xương nát thịt mà báo đáp. Chẳng những chẳng hổ với người mà thật cũng chẳng thẹn với mình.

Thường thường người không biết hổ thẹn dù được nghe pháp thâm sâu, được sự giáo dục kỹ, được lợi ích rộng lớn, nhận được ân huệ nhiều, ngẫu nhiên thầy có chút không toại lòng mình liền trở mặt phản đối, xem như kẻ thù, âm mưu tìm cách ly gián, xúi dục chống nghịch đến nỗi tổn thương danh dự. Trái lại, chẳng biết ngậm máu phun người, trước đờ miệng mình. Như vậy hủy hoại già lam, ngõ nghịch sư trưởng, tội lỗi lớn lao không gì so bằng. Tất cả đều từ không biết hổ thẹn mà ra.

27. PHÁT KHỞI LÒNG TIN.

Kinh nói “Lòng tin là nguồn đạo, là mẹ công đức, nuôi dưỡng tất cả thiện căn”. Thành Phật làm Tổ, chẳng phải do lòng tin thì khó thành. Biền trâu biền ngựa, chẳng phải do lòng tin thì khó nhập vào bụng trâu bụng ngựa. Lòng tin là cửa của các điều thiện cũng là cửa của các điều ác. Người đời đối với việc tin tâm hiểu lầm chẳng ít. Đã nói tin tâm, trước tiên phải biết nguồn gốc của tâm, lấy gì làm tâm, diện mục thế nào? Tại sao tin tâm? Người cả thế gian chỉ tin tất cả mà xưa nay chưa tin tự tâm. Người thường nói tin tâm, giả sử bị người hỏi “Ông đã tin tâm ắt biết tướng của tâm, thấy nó là vật gì xin nói ra coi!” Người nói tin tâm thành linh bị hỏi, cứng miệng không đáp được. Tâm còn chẳng biết thì lòng tin từ đâu mà có? Sự lầm lạc sâu xa này chẳng phải chỉ mới ngày nay. Hoặc thấy việc nào đó nổi tâm ưa thích, chẳng gọi là tin tâm, chỉ gọi là tin việc. Đem sự tin việc cho là tin tâm, ấy chỉ là giả tin tâm. Chỉ có người của Thiên Tông, chỗ giảng chính là tâm, chỗ tham chính là tâm, chỗ nói chính là tâm, chỗ dụng chính là tâm, chỗ mê chính là tâm, chỗ ngộ chính là tâm.

Trong cuộc sống hàng ngày, bất cứ lúc nào chỗ nào đều chẳng rời tâm, cho đến trực ngộ tánh lý, tâm đã không thì tín tự tịch, tín tịch tức là tâm không, vậy khắp mặt đất đều là tâm, cả hư không đều là tín. Tín tâm bất nhị, quăng quả đất lên phương trên, bất nhị tín tâm, ném hư không xuống phương dưới, người học đạo tin được tâm này

đối với những việc đó đều không đáng kể.

28. NGHE ĐƯỢC LÃNH HỘI.

Người mới trụ Thiền đường, tánh thô tâm cứng, trăm thứ sai biệt, chạm việc gặp người, nghe không vào lỗ tai, thấy cũng không quan tâm.

Kẻ tánh thô thì thân lỗ mãng, ví như đụng té người khác, tự chẳng biết lỗi, hoặc ho khạc, súc miệng, mạnh tay nặng chân tự mình khó nghe thấy. Cần phải theo chúng huân tập lâu ngày, tánh dần bình hòa, thân dần ung dung.

Người tâm cứng thì thông minh lấp bít, thấy tất cả việc khó nhập vào tâm, nghe tất cả tiếng khó để vào tai. Những việc đã nghe từ trước chất đầy trong bụng nên tất cả việc khác một chút cũng khó lãnh hội.

Hoặc người mới trụ Thiền đường, tất cả mọi việc vội vàng chẳng kịp ghi nhớ, dẫu có ghi nhớ cũng khó lãnh hội. Thân tâm trụ lâu thì cuộc sống hàng ngày, đối với công việc hoặc lời nói nghe qua có thể hiểu. Huân tu lâu ngày chường thô tự trừ, nghe qua liền lãnh hội được.

Người tâm duyên ngoại cảnh lãng xãng, lỗ tai ngăn cách với tiếng, đối với tiếng chưa nghe quen càng khó tương ưng. Nếu tâm để ý nghe, nghe lâu thành quen nên tiếng vừa chạm vào tai thì âm tự thanh, nghĩa tự rõ. Trong Thiền đường nghe giảng khai thị cũng giống như vậy. Pháp thế gian và xuất thế gian, nếu kẻ nghe không vào lỗ tai thì cũng như không nghe, còn loại người nghe lãnh hội được thì tăng cường tín tâm, về sau có thể khai ngộ. Người xưa có nói “Một nghe ngàn ngộ” là vậy. Lại nói, nghĩa cạn thì dễ biết, lý sâu thì khó hội. Người có thể ở Thiền đường năm ba mươi năm xa lìa trần cấu, đối với Như Lai Thiền, Tổ Sư Thiền chẳng nghe cũng tự có thể lãnh hội.

29. THẤY CÓ TƯƠNG ƯNG.

Tương ưng có hai:

1. Cùng đạo tương ưng.
2. Cùng tình tương ưng.

Cùng tình tương ưng: Một chữ tình phạm vi rất rộng, mười phương Phật, Tổ là hữu tình, loài sâu bọ hàm linh là hữu tình, thiên đường địa ngục là hữu tình, đất đai hư không là hữu tình, sỏi đá gạch ngói là hữu tình, hữu tình vô tình là hữu tình (*có sự tương ưng với vô tình tức là hữu tình*), tứ sanh lục đạo là hữu tình, người và phi người đều là hữu tình.

Cùng đạo tương ưng: Một chữ đạo phạm vi bằng với chữ tình. Tình lớn bao nhiêu thì đạo cũng lớn bấy nhiêu. Cùng đạo tương ưng thì lìa tình, cùng tình tương ưng thì lìa đạo. Tình với đạo đồng như băng lửa. Nay người ở chốn Tông Lâm dụng công tuy có phần tương ưng, nhưng còn xa với đạo. Sao vậy? Vì giữ quy củ, dụng công phu, khai đại ngộ, liễu sanh tử đều thuộc về tình. Vậy thế nào là đạo? Không thấy có sự tương ưng và chẳng tương ưng mới được gọi là đạo. Người mắt chưa sáng (*chưa ngộ*) hãy chớ nên tự làm tài khôn! Lại nữa, lìa tục gia thì tương ưng với xuất gia, bỏ nghiệp chường thì tương ưng với người hành đạo, bỏ tập khí thì tương ưng với công phu, bỏ phiền não thì tương ưng với thanh tịnh. Những tương ưng này mặc dù là tốt song chẳng bằng không tương ưng còn tốt hơn. Cần phải xét kỹ! (*Tự tánh bất nhị có cái này tương ưng với cái kia là nhị*).

30. TỰ NGUYỆN DỤNG CÔNG.

Dụng công có hai:

1. Người khuyên dụng công.

2. Tự nguyện dụng công.

Người khuyên dụng công: Ban đầu dẫu người phát tâm đến trụ Tông Lâm cũng chỉ mang cái hư danh, chứ chẳng có thực lòng, giả hình thức bề ngoài, chỉ đến xem thử gia phong, tự biết thời gian trụ chẳng lâu mong đi qua nơi khác làm đại nhân vật, nên suốt ngày chẳng màng đến việc khác. Sau này có người đồng đạo khuyên rằng “Làm trụ trì chẳng thể liễu sanh tử, làm Quốc sư chẳng thể liễu sanh tử, trụ danh sơn chẳng thể liễu sanh tử, làm quản chúng chẳng thể liễu sanh tử. Chỉ có tham thoại đầu mới liễu được sanh tử, sao chẳng chịu học tập?” Người ấy được sự khuyên khích liền bỏ tất cả chuyên lo hành đạo. Như vậy đạo niệm vững chắc, dụng công miên mật, hốt nhiên đạt vỡ Thiên đường (*ngộ*), mới biết là Thiện Tri Thức đều từ dụng công hành đạo mà ra.

Tự nguyện dụng công: Người đã ở Tông Lâm, trước tiên phải biết những điều phải làm hàng ngày, tất cả quy củ phép tắc, ăn gậy, bị hét, chịu các thứ khổ đều là để thành tựu cho thân tâm người hành đạo. Nếu chẳng hành đạo thì chịu khổ đâu có lợi ích gì! Cho nên biết, chẳng phải hành đạo thì không trụ Tông Lâm. Như vậy chăm chăm lấy đạo làm niệm, lâu ngày đạo niệm thuần thực, công phu đắc lực, mới biết cái việc hành đạo chẳng phải việc thế gian có thể sánh được. Người chẳng biết hành đạo thì luân hồi trong lục đạo, qua lại trong bốn loài tự chẳng hay biết. Nay đã thấy đến một chữ Đạo này siêu Phật vượt Tổ, tôn quý hơn tất cả pháp, nếu chẳng hết lòng tự nguyện dụng công thì chẳng thể đến được chỗ này.

31. QUÊN MỆT NHỌC.

Quên mệt nhọc có hai:

1. Người xuất gia mà chuyên lo phục vụ thế pháp, ứng phó kinh sách, ham được tiếng khen, để tâm nơi lợi dưỡng, hạnh Phật hoàn toàn thiếu sót, đi sâu vào hạnh thế tục đến chỗ cực điểm, khiến cho quên cả bốn phận làm người, đâu phải là quên mệt nhọc vì hành đạo ư? Thật đáng buồn thay!

2. Thân ở Tông Lâm, tâm thường lo âu ăn cơm, uống trà lãng phí của thí chủ, nếu chẳng tu hành, nợ này làm sao đền trả. Như vậy, chẳng màng thân tâm, chẳng kể đêm ngày, trước giữ thanh quy, kế kính chức sự, một khi được kêu gọi làm công tác, liền xung phong đi trước, để người khác theo sau, mau mắn như đi rước châu báu. Tự thẹn không có tài năng, nên đem sức bản thân ra đóng góp, chỉ biết có công việc làm chứ không kể đến thân, từ sáng đến chiều, ngày nào cũng thường làm như thế. Lại nữa, thân bận rộn vì phước, tâm tu hành vì huệ, suốt năm rất ít nói chuyện, hàng ngày ít làm sai trái. Oai nghi tế hạnh cử chỉ hơn người. Công phu miên mật chẳng có giờ rảnh. Niệm sanh tử thiết, khổ hạnh càng sâu, ngày chẳng đủ thời giờ phải nói tiếp đến đêm. Áo rách không rảnh may vá, bệnh nặng không dùng thuốc trị. Thường nói “Một hơi thở chẳng hít vào, thân này thuộc về ai?” Thống thiết như thế, ngày đêm quên mệt nhọc, chỉ lo đạo nghiệp khó thành, chẳng lo thân tâm an toàn. Nhân cách người này làm gương mẫu cho hiện tại, là kim chỉ nam cho đời mạt pháp. Mong người học đạo hãy bắt chước theo, chớ nên bắt chước những kẻ giả quên mệt nhọc, sáng siêng năng chiều lười biếng.

32. NGHI TÌNH CHẶNG ĐẮC LỰC.

Đây là bệnh lớn của người dụng tâm, chẳng dễ gì chữa trị. Sao vậy? Như người phạm tội nặng bị phán tử hình. Kẻ phạm biết tánh mạng khó giữ, vội tìm cách thoát nạn. Như vậy, chẳng sợ mất mặt, dập đầu lạy người, chẳng tiếc của cải, cầu người đảm bảo. Lúc nào cũng bồn ba, tất cả chẳng màng, chỉ cần cứu mạng, chẳng từ cực khổ.

Thử hỏi: Kẻ tội phạm này còn có giờ rảnh để xem hát, vui chơi được chăng? E rằng chậm trễ một chút tánh mạng khó giữ.

Chúng ta dụng tâm chẳng đắc lực, nếu y theo cái thí dụ trên đây mà làm thì cái bệnh lớn chẳng đắc lực đó có thể lập tức trừ được. Sao vậy? Đang khi dụng tâm, phải nghĩ mình phạm pháp sanh tử, ắt phải chịu báo, nếu trễ một chút bị Diêm Vương bắt đi, bỏ vào chảo dầu sôi. Người phạm pháp thế gian đang bị đui bắt, mình thấy rõ ràng còn có thể lẩn trốn được, hoặc may mắn được miễn xá. Người phạm pháp sanh tử bị đui bắt chẳng cho ông thấy, một phen bị bắt rồi tức là thân tiêu, so với việc phạm pháp khác thật là nghiêm khắc, tất khó trốn thoát. Như vậy phải mau mau đem câu thoại đầu để ở trên tâm, quên thân quên mạng mà tham để liễu sanh tử đi! Việc tham này buộc phải bỏ người bỏ mình, nhanh chóng như lửa nháng điện chớp, đắc lực hay chẳng đắc lực đều chẳng màng đến, mặc áo ăn cơm cũng chẳng màng đến, cái chẳng màng đến cũng chẳng màng, cứ như thế hành đi đâu còn gì chẳng đắc lực ư!

33. THÂN TÂM BỰC BỘI.

Như người đi xa quê hương, sống khó khăn một mình làm việc cực khổ, chẳng những chưa dành dụm được chút tiền mà lúc bình thường bụng cũng khó được no. Tình cảnh khổ sở như thế, nếu chẳng làm thì không có chỗ ở, nếu làm thì đời sống khó khăn. Suy nghĩ trăm cách cũng không giải quyết được, buồn bực vô cùng, tiến thoái lưỡng nan. Chi bằng lấy việc cực khổ làm vui, lấy thân đói miệng khát làm no. Thử nghĩ, nhà giàu sang mùa đông ngồi bên bếp lửa sưởi ấm, kẻ nghèo hèn mùa lạnh xuống nước bắt cá, người ấm mà thêm lửa còn có cái lo sợ lạnh, kẻ mùa lạnh mà xuống nước có cái vui của quên lạnh. So sánh như thế, thì bực bội ở chỗ nào?

Người ở chốn Tông Lâm dụng công để sanh bực bội là tại sao? Vì mới trụ Tông Lâm phát thệ nguyện lớn, lập chí hướng lớn, thề suốt đời ở chốn Tông Lâm, hàng ngày lấy đạo niệm làm thân, chẳng những phát nguyện trước Phật mà còn tuyên bố với người. Nhưng một mai thân bị thiệt thòi, quy củ vượt hơn chí nguyện, hoàn cảnh luôn luôn trái ý, khiến sanh bực bội nên muốn thôi chí. Nhưng có thệ nguyện chứng minh, chẳng dám trái với lời thề, rốt cuộc bực bội càng thêm. Sao chẳng tham thiền để giải muộn, tin lập hạnh để bỏ bực bội. Càng bực bội càng khẩn thiết gia công dồn đến chỗ thân tâm đều không mới biết ngàn Phật muôn Tổ đều được sản xuất từ trong bực bội.

34. TÂM THỐI LUI BỔNG NỒI DẠY.

Người đã trụ Tông Lâm nhiều năm, tham thiền dụng công chẳng phải một ngày, thấy người mới trụ công phu sâu và kiến giải cao, tự nghĩ “Mình tuổi cao hơn họ, tham thiền cũng lâu hơn, họ đã được ngộ, mình vẫn còn mê, họ đảm nhiệm chức thủ lãnh, còn mình vẫn là thanh chúng. Thật là hổ thẹn biết bao!”

Lại nữa, thấy người buông lung thì tâm phiền, thấy người lén trốn đi thì ý động. Các thứ bức bách, đối với hạnh toàn trái, mọi việc để trong lòng, nơi thân làm sao an tịnh? Chẳng bằng tìm một ngôi chùa tư hoặc trụ một cái cốc nhỏ, thân mình tự yên, ý mình

tự nhàn. Nghĩ như thế rồi sanh niệm thối lui, liền lấy hành lý muốn trốn đi mà không dám đi cửa chánh, lại chui lỗ chó mà ra. Vừa gặp vị chức sự trong chùa thì cứng miệng không trả lời được, liền nói “Xin phép đi chữa bệnh”, hoặc nói “Vì công tác mà đi ra ngoài”. Thảm trạng như thế thật đáng buồn thay!

Nếu người thật có chí vì đạo, thiên tham đã lâu, thân tâm thuần thực, thì đối với quy củ chẳng lưu tâm mà tự hợp, đối với thoại đầu chẳng đề khởi mà tự tham. Công phu lão tham như thế thì đâu cam chịu đi học ở nơi khác, cần phải mãnh tĩnh, chớ phụ cái phát tâm ban đầu. Đường đến nhà chẳng còn xa, thời gian thiết thời sắp hết. Một ngày nào đó, ồ lên một tiếng (*ngộ*), chỗ nào cũng là diện mục của ông? Còn chỗ nào để cho ông thối lui nữa?

35. NHẬN SỰ KHUYẾN THỈNH CỦA ĐẠI CHÚNG.

Từ khi đức Thế Tôn mới thành Phật, quán khắp căn cơ chúng sanh thấy không có một ai đặc độ. Phật nói “Chánh pháp này thật chẳng phải hạng chúng sanh đây có thể lãnh thọ”, rồi tính nhập Niết Bàn. Ngay lúc ấy, các vị cõi trời rơi lệ ân cần khổ thỉnh xin Phật trụ thế chuyển pháp luân, cho đến ba bốn lần, Phật mới chịu nhận lời, vì độ chúng sanh mà lưu lại thế gian. Nhận người khuyến thỉnh, Phật, Tổ đều có.

Vậy mà ngày nay ở chốn Tông Lâm có các chức sự như Đường Đầu, Ban Thủ, Hành Đơn hoặc vì việc nhiều hoặc vì thân bệnh hoặc vì trong ngoài bất hòa hoặc vì trên dưới nghi nhau, khi mãn nhiệm kỳ thì muốn từ chức, làm thanh chúng cho thân an nhàn. Thói quen như thế, xưa nay đều có. Phải biết, người được làm thủ lãnh dù khổ thân mình nhưng cao chí mình, làm gương mẫu cho kẻ hậu lai, làm kim chỉ nam cho người hậu học. Nếu được chúng hết lời khuyến thỉnh ở lại, phải nên nhận lãnh. Nghĩ đến Tông Lâm sắp suy, xem thấy đại pháp đang yếu, có thể chẳng đau lòng ư!

Đại chúng lấy thiên đường làm chỗ tu huệ, ngoại liêu làm chỗ bồi phước. Cần thận gìn giữ thanh quy, nghiêm trì giới hạnh, chẳng trái lời dạy răn, chẳng phạm vào lúa mạ. Dầu có duyên khác cũng chẳng bằng trụ nơi thiên đường. Dầu có chỗ tốt cũng chẳng bằng đạo tràng. Cần phải tin lời khuyến thỉnh, đừng nên chấp lấy cái ngu của mình, chuyển được thân tâm thành pháp khí lớn lao, còn gì vui hơn mà chẳng nhận!

36. VỌNG TÂM TẠM NGHỈ.

Như người đời ngày đêm dụng tâm bận rộn công việc gia đình, chẳng từng nói đến tâm thì đâu thể biết được sự thôi nghỉ của nó. Người học đạo hàng ngày bị vọng lôi đi, khởi rồi lại dừng mà chẳng biết chỗ dừng, dừng rồi lại khởi mà chẳng biết chỗ khởi, vì chưa kịp để ý đến chỗ này.

Phải biết, vọng vốn không có nguyên nhân, như sóng đuổi theo nhau, gió dừng thì sóng lặng, khi biển yên sóng lặng quày đầu lại tức là giác. Người đời trong ngoài lay động, biết rồi lại mất, thấy rồi lại dời, làm sắc làm không, hoặc ẩn hoặc hiện, mam mác chẳng thật, nói chung đều là vọng. Đã biết được vọng ắt phải biết chân, nay cho nhiều tâm là vọng, một tâm là chân, đã kiến lập một tâm, ắt phải trừ vọng. Phương pháp trừ vọng, quý ở tham thiền. Hằng ngày có thiền thì tự có thể thôi vọng. Người xưa nói “Cuồng tâm nhưng nghỉ, ngưng nghỉ tức Bồ Đề”, cổ nhân ngay dưới chữ Bồ Đề quở là “thằng chết”, đến đây một tâm cũng bất khả đắc. Đã là Bồ Đề, tại sao nói là “thằng chết”?

Nay thử hỏi: Các ông thích Bồ Đề hay thích thằng chết?

Nếu muốn ngừng nghỉ vọng tâm, hãy gánh Bò Đề đi! Muốn tiến tới nữa thì hãy trả thàng chết lại cho ta!

Chỗ thấy như vậy, phải hiểu như thế nào? Còn nói “Ông hãy đem vọng tâm ra cho ta xem, ta mới nói với ông” và đừng bắt chước công án của nhị Tổ “Con tìm tâm trọn chẳng thể được. - Ta đã an tâm cho người rồi”.

37. NGOÀI THÂN TẠM QUÊN.

Nói ngoài thân tạm quên, thật trái với đạo. Trong thân quên hết cũng trái với đạo. Ở giữa còn khó rõ thì làm sao nói là trong là ngoài! Người học đạo nếu được quên thân thì trong, ngoài và giữa, ba cái đó còn đặt ở chỗ nào?

Tuy nhiên, người mới dụng tâm đối với vườn tược, ruộng nương, danh lợi, tiền của muốn chẳng để nơi lòng, không chút động niệm cũng chẳng phải việc dễ. Còn kẻ đạo nhân ngày nay dù đã trụ Tông Lâm ba năm, có cơ hội gần gũi thể tục, hoặc lấy có đi cúng mả, hoặc lấy có có việc về quê, một phen thấy mặt thì buồn vui lẫn lộn, thật là kẻ tục trọc đầu.

Lúc dụng công đặc lực, việc ở ngoài thân như mặc áo, ăn cơm, đi đại, đi tiểu không chút nhớ đến, chính là quên việc ngoài thân. Cho đến người ta hỏi trên chánh điện thờ bao nhiêu vị Phật, cũng chẳng thể đáp. Lại hỏi mỗi ngày đến trai đường mấy lần, cũng chẳng biết. Phương hướng của cửa chùa cũng chẳng rõ. Nhà cầu tiêu ai ở cũng chẳng biết. Chính ngay lúc công phu tất cả đều chẳng lưu ý. Cái tâm quên việc ngoài thân này chính là gần gũi với đạo. Quên việc ngoài thân mới được thoát thế tục, dần dần trở về đạo. Song cần phải dũng mãnh tinh tấn cho đến lúc cả cái tâm quên cũng chợt vỡ, thân thể nghiệm nhiên, đâu còn gì trong, ngoài nữa!

38. CẢM THẤY THÂN KHINH AN.

Người hành đạo chẳng nên lấy cảnh ngoài thân hơi giảm bớt cho là khinh, lấy tướng trong tâm tạm ẩn cho là an. Nếu cảm thấy thân mình khinh an là điều lầm lớn vậy. Cần phải ở tại nghi tình chân thiết, chỉ đem một câu thoại đầu để ở trong lòng, thắc mắc nơi tâm, ngoài tâm cũng là thoại đầu, trong tâm cũng là thoại đầu, chẳng cho gián đoạn trong khoảnh khắc. Ngoài chẳng thấy có cảnh, trong chẳng biết có tướng, chỉ một câu thoại đầu rõ ràng minh bạch. Ngay trên một câu thoại đầu này chẳng huờn chẳng gấp, thân bình khí hòa thâm thâm tham cứu. Ngoài có sắc tướng thì thâm nhãn thức. Ngoài có âm thanh thì thâm nhĩ thức. Thấy nghe chẳng quan tâm, sắc thanh tự tịnh. Ngay trong lúc tham, ngoài có thấy nghe thì thức làm sao thâm? Phương pháp thâm thức là cứ một mạch tham đi, chẳng màng đến cái khác thì thức tự thâm. Nếu đạt được đến chỗ tâm duyên bên ngoài chẳng thấy một vật, cũng chẳng phải không vật, tâm duyên bên trong chẳng thấy một niệm, cũng chẳng phải không niệm, đây tức là trong thức không có phan duyên (*đeo đuôi*). Như thế mới là chân thật khinh an, tức là trong ngoài và giữa đều khinh an vậy. Một thân khinh an, mười phương thế giới thấy đều khinh an.

39. TRỤ CHỖ KHÔ TỊNH.

Khô như cây chết, nhánh là khô héo, gió thổi chẳng lay động, không có bóng mát. Người thích tịnh, chấp lấy chỗ tịnh, cũng giống như cây khô vậy. Nếu cây tươi tốt, cành lá sum xuê, gió động thì nghe có tiếng, khi bóng người hiện thì thấy có sắc, khiến cho tai mắt không chút tịnh. Đây là chỗ người ưa động chấp lấy.

Nếu người lúc dụng công, đạo tâm kiên cố, nghi tình thân thiết thì bên ngoài chẳng bị trần cảnh làm nhiễu loạn, bên trong chẳng bị thân làm biến đổi, ở giữa chẳng bị thức trói buộc. Trong ngoài thanh u, an nhàn tự tại. Đây tuy do công phu làm đến song chỗ này chẳng nên trụ. Nếu trụ ở chỗ này thì nghi tình bị tịnh cảnh che lấp, công phu ngưng nghỉ chẳng tự biết. Lại còn tham đắm tịnh cảnh, ở chỗ rảnh rang tự cho đó là thù thắng. Chẳng những không biết chỗ khô tịnh là bệnh, trái lại còn cho là tốt. Thật ra là do đánh mất nghi tình, chẳng theo động ắt trụ tịnh. Vậy người học đạo có chí khí phải biết hổ thẹn, một phút không có công phu phải tự thống trách, tự đánh vào mình, tự tát vào mặt, hổ thẹn nói rằng "Người xưa dụng công còn không có thời giờ cắt móng tay. Ta là người gì mà tẻ thế này!" Khóc lóc thấm thiết, ở trước Phật lập thế "Chẳng đến đại ngộ, dù chết cũng mang câu thoại đầu theo. Sau khi chết cũng chẳng bỏ tham".

40. BÀY ĐẶT BẬY BẠ.

Tự bày đặt bậy bạ là bệnh lớn đối với Thiên Tông. Người mới vào Thiên đường thấy câu "Niệm Phật là ai?" liền nói: chữ Niệm là tâm, chữ Phật là giác, chữ Là là ta, Ai chẳng hỏi ai. Lại thấy câu Chiếu Cố Thoại Đầu, liền nói: Chiếu tức là chiếu mà thường tịch, Cố là chăm chăm không dời, Thoại là trước lời nói tiến thủ, Đầu là trên đầu chông thêm đầu. Bệnh bày đặt này rất sâu, thuốc của Dược Vương cũng khó trị.

Thấy đến cái bản bằng gỗ gọi là hương bản, tưởng là để cảnh sách cho sự tọa hương. Thấy đến cái bản bằng trúc gọi là trúc bệ, tưởng là đồ dùng của sự đi hương. Lại nói: chuông treo trên là thụ (*đọc*), bản treo dưới là hoành (*ngang*), chẳng phải là "Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương" sao! Còn đối với Ban Thủ thì cho rằng đó là người cầm cái đầu của hương bản. Đối với Duy Na thì cho rằng Duy là duy hộ, Na là na chấp. Tự mình tỷ dụ bậy bạ, bày đặt vô lý. Thật đáng thờ than!

Nếu bảo họ ở trên câu thoại đầu tha thiết tham cứu, thì tâm họ lập tức buồn bực, thân họ mệt mỏi, trong lòng bất an. Nhưng nếu trụ lâu ở Thiên đường, cuối cùng sẽ có ngày phát minh đại sự, mới biết sự bày đặt bậy bạ trước kia tức là diệu dụng của sai biệt trí mà thôi.

41. CHUYÊN THÍCH THƠ KỆ.

Tham thiền cực khổ nhiều năm, cảm thấy công phu tự nhiên thâm nhập, thỉnh linh ngay nơi ngôn cú của cổ nhân có chỗ giải ngộ, hoặc ở trên bốn phận công phu cũng có chỗ thú vị. Người trước kia đã biết chữ nghĩa nhiều thì ngâm thơ, người biết chữ nghĩa ít thì làm kệ.

Người biết chữ nghĩa nhiều, thân ở chỗ thanh u, tâm đắm thiền tịch, tình buông thả theo cảnh huyễn, nghĩa vị uyên thâm, ban ngày lấy vịnh thơ làm nghiệp, ban đêm lấy Lý Bạch, Đỗ Phủ làm thầy. Cho đến tọa hương thì thân lay đầu lắc, ngâm thơ cũng có thể thành bài. Người chữ nghĩa ít, chữ nghĩa bị tắc nghẽn thì miệng đọc rồi tâm đuổi theo, kệ mới thành vần. Sao chẳng nghĩ thời giờ rất quý mà nở để trôi sông, nhân duyên lớn được ở Thiên đường mà cũng để luống qua vô ích. Danh hèn của thi tăng sao chẳng tránh, nghiệp xấu của văn tăng sao lại tạo!

Người xưa đại sự sáng tỏ, việc mình đã xong, sau đó mới quán sát căn cơ mà lập giáo, dùng văn để tiếp hàng trí thức, dùng thơ để tiếp người học rộng hiểu sâu. Lấy thơ văn làm phương tiện để dẫn người nhập đạo, đều do lòng từ bi làm lợi ích thế gian, chứ chẳng phải như bọn phù phiếm ưa thích ý vị của văn thơ mà tự xưng là người xong

việc (đã ngộ).

42. CHẴNG NGUYỆN TIẾN SÂU.

Người hành đạo chí chưa kiên cố, gặp sự ràng buộc hơi nhiều, chẳng được lợi ích, chẳng nguyện tiến sâu thì có thể đúng. Người đã được lợi ích mà chẳng chịu tiến nữa, ắt có hai thứ chướng. Theo Thiền tông, hai thứ chướng ấy là gì?

1. Thân chướng là cái chướng trong thân, ngoài thân.

2. Tâm chướng là cái chướng trong tâm, ngoài tâm.

Chướng trong thân là lục căn khiếm khuyết, bệnh nặng dây dưa, tuổi già sức yếu, thường sanh bệnh hoạn, chẳng chịu nổi sự ăn uống cực khổ và sự lạnh lẽo.

Chướng ngoài thân là các việc lớn nhỏ phiền rộn, hoặc vì việc khác làm chướng ngại, hoặc vì thói quen từ trước lôi kéo, tuy thân đặt nơi đạo mà bị chướng ngại nên khó tiến sâu.

Chướng trong tâm là đạo niệm đương đi thẳng, công phu thuần tịnh, ngẫu nhiên bị phiền não đến nhiễu loạn tâm, khiến cho vọng tâm tương tục sanh khởi, cảm thấy khó dừng nghỉ cho thanh tịnh.

Chướng ngoài tâm là lúc công phu đặc lực, nghe tiếng thì chạy theo tiếng, thấy sắc thì chạy theo sắc. Vì chẳng có thiền sâu, nên thiền lâu cảm thấy hơi động. Tuy phát giác được động đang nhiễu loạn nơi tâm, song vì mệt nhọc sức kém nên công phu khó dừng được niệm, ngày lại qua ngày chẳng nguyện tiến sâu, khó mong kiến tánh.

Nếu tất cả chẳng màng, trong ngoài đều sạch, xả thân xông vào, thẳng đến chỗ huyền vi thì mới biết công phu cần phải tiến sâu mãi mãi.

43. CÁI DỤNG ĐỀ KHỞI.

Người tham thiền dụng công đến chỗ tâm cùng lực tận, cảnh lui, thân nhọc, chẳng những công phu khó đề mà cho đến vọng tưởng cũng khó khởi. Nói chuyện với người, hỏi cái này thì đáp cái kia, làm việc trong chúng thì nhớ trước quên sau, như si như ngốc. Người không biết, cho là đạo nhân vô tâm. Người biết thì cho đó là thiền nhân cạn cợt.

Phải biết, công phu hành đạo cũng giống như người đi đường, nếu một ngày siêng mười ngày lười thì ắt bị kẹt ở giữa đường không bao giờ đến nhà được. Nếu biết giữa đường chẳng phải chỗ an thân, chẳng cố gắng thì đâu hy vọng được về đến nhà! Do đó đem công án sẵn sàng, tận sức đề khởi khiến cho quý lười biếng phải giấu hình, ra sức tham cứu cũng như người xa quê dưng mảnh lên đường trở về nhà. Dầu cho trời long đất lở cũng luôn luôn đề khởi, luôn luôn tham cứu, cho đến thân quên, tâm lặng. Người tham thiền dù mười năm lạnh băng băng nhưng có thể một mai lửa phát dậy trong tro lạnh. Cái đạo dưng mảnh đề khởi công ở chỗ huân tập lâu dài, mới tránh khỏi sự lầm lỗi.

44. CÔNG NĂNG TRỪ VỌNG.

Công phu trừ vọng tưởng chẳng phải là chánh hạnh. Vậy muốn trừ vọng phải dùng công phu gì? Nếu lấy trừ vọng làm công phu, thật sai lầm lớn. Sao vậy? Vì đối với vọng tưởng, người chưa liễu ngộ thì không thích, còn người đại ngộ thì không chê.

Tại sao không thích? Vì lúc không dụng công, tâm cảm thấy thanh nhàn, niệm không phiền nhiễu. Công phu vừa khởi thì các vọng chạy đến, việc buồn vui yêu ghét lằng

xăng hiện tiền làm cho nghi tình bị vọng niệm đánh mất. Nghĩ đến giận mà phát khóc, tức nó hận mà rơi lệ, bệnh này nặng thấu xương, chẳng trừ thì không được. Thực ra, đối với việc này nếu giận nó là lầm vậy.

Phải biết, vọng tưởng hay tạo sanh tử mà liễu sanh tử cũng là nó. Vọng tưởng hay làm chúng sanh mà thành Phật cũng là nó. Vọng tưởng hay xuống địa ngục mà lên thiên đường cũng là nó. Sức của vọng tưởng hơn sức Phật. Công của vọng tưởng hơn công Phật. Xin mời các Thiên sư muốn trừ vọng tưởng hãy suy nghĩ kỹ xem! Đáp rằng "Lời này rất đúng, vậy phải dụng công phu như thế nào?" Mau đem cái công phu trừ vọng tưởng đối ra tham câu thoại đầu mới được.

45. CÔNG NĂNG TRỪ NGỦ.

Công phu trừ ngủ này lại cũng lầm nốt. Như sáng là trời sáng, tối là trời tối, trong lúc đi đường, ban ngày đi chẳng đủ, tiếp tục đi luôn cả ban đêm. Lúc thức dụng công phu chẳng đủ, tiếp tục dụng luôn cả lúc ngủ.

Phải biết, niệm có dấy lặng, tâm có thức ngủ, chỉ lo dụng công, chẳng lo thức ngủ. Đi đường như vậy, dụng công cũng như vậy, cùng một cách thức, thì hai chữ Trừ Ngủ đặt ở chỗ nào? Nếu nói ban ngày đi đường thì vui vẻ, ban đêm đi đường thì lo âu, toan muốn tìm cách trừ bỏ đêm tối để thấy trời sáng, có lý này ư? Dụng công cũng vậy, thức ngủ vốn là điều tự nhiên, người ngu thì theo cái niệm dấy lặng, người trí thì thức ngủ đều là lúc dụng công. Thế dụng song song, đâu thức đâu ngủ. Thế dụng bất nhị, tức dấy tức lặng. Đừng lo lúc ngủ không có công phu, chỉ lo lúc thức không có nghi tình. Lại, ngủ là ban đêm, thức là ban ngày, tối sáng qua lại đâu ngại hư không, thức ngủ thay nhau đâu quan hệ gì đến công phu tham thiền. Nếu hiểu được như vậy thì ngủ cũng không ngại gì!

46. LẠC ĐƯỜNG TỰ TẠI.

(Lạc đường là công phu đến thoại đầu).

Trước đã trừ vọng tưởng, kể lại trừ hôn trầm. Công phu "lạc đường" thân tâm tự tại, nếu cảm thấy vui mừng là lầm lớn vậy! Như người mang gánh nặng tính về đến nhà mới buông gánh xuống, nhưng ngất vì thân thể mỏi mệt, sức lực kiệt quệ cần nghỉ ngơi, nên ở giữa đường làm nhà, tự cho là thanh cao, thích thú trụ chỗ vui đó. Nhưng đây là giữa đường đâu phải là nhà. Muốn đi suốt con đường về nhà đâu thể dừng lại ở đây.

Người tham thiền cũng vậy, ban đầu ở trong trần thế hạ thủ công phu, kể ở trong huyền thân hạ thủ công phu, rồi ở trong phiến não hạ thủ công phu, từ thô đến tế thân tâm trải qua đủ thứ cực khổ, như vậy được đến chỗ trần không, thân tịch, tâm tịnh, ý nhân, nhìn trước không có đường đi, nhìn sau không gì lo âu, gọi là công phu "lạc đường" thân tâm tự tại, lầm tưởng là khổ buông thân an trụ. Phải biết, con đường phía trước rất lớn, lớn hơn núi sông, căn nhà thuở xưa rất rộng, rộng hơn hư không. Hãy bỏ nhà lá, mau lên nhà xưa. Từ đây cúi đầu đi thẳng, chẳng chút quay đầu ngoái lại, từ "đầu sào trăm thước" (*thoại đầu*) tiến lên một bước liền được kiến tánh.

47. VỌNG TỰ THỪA ĐƯƠNG.

Công phu của người tu hành đã đến thân tâm tự tại, an thân ở chỗ vui, cho rằng không sai lầm. Nếu tiếp tục ở lâu nơi chỗ sai lầm, đương nhiên sẽ nổi lên rất nhiều vọng kiến, tự cho "Đại địa chỉ là con mắt của ta", "Hư không trong nắm tay ta", "Cá dưới đáy biển thò tay bắt được", "Chim ở trên trời gọi nó liền đến", "Tay Phật cùng tay ta

đồng nhau, mặt chó cùng mặt ta chẳng khác", "Nhuống mảy là làm phật sự độ người. Trợn mắt là hoàng dương pháp chân truyền của Phật, Tổ", "Tằng háng thì tiếng vang khắp mười phương, khiến người nghe ngộ đạo. Nhỏ đàm thì tự, tha tánh không, khiến người thấy trở về chân", "Lời nói đều là hiển tánh, nín lặng ngay đó truyền tâm". Buồn thay! Lý luận sai lầm thật là to lớn, ý vọng thật là u mê, mà không biết hổ thẹn! Đâu biết mình cùng với kẻ ăn xin làm bạn, bàn luận về vàng bạc châu báu, một lát nữa đây đói khát cũng y như cũ, vẫn phải đi từng nhà xin ăn. Thật rất là ngu mà không tự phát giác. Vậy cần phải phấn chấn tinh thần. Hễ còn một chút chưa liễu ngộ thì cả thân đều sai lầm, chẳng chết trong hầm thường kiến, cũng rơi vào hố đoạn kiến. Hãy mau đem bốn phận công phu ra sức cố gắng đề khởi tham cứu đi, mới có thể đến chỗ không còn lo âu.

48. GIỚI LUẬT SAI TRÁI.

Người dụng công đã thừa đương được tự kỷ, lại có thể ngộ đến người khác, bỗng bị người mắt sáng quờ là kẻ ăn xin, mắng là thằng ngốc. Đến đây không biết mình phải làm sao, hoang mang không biết đường tiến thối. Muốn tiến tới lại trở thành thối lui. Muốn thối lui lại sợ trở về quê hương dục vọng, làm cho tiến thối lưỡng nan. Như vậy, nghiệp cũ nổi lên thì yêu ghét rõ ràng, tâm dâm hơi động hai má đỏ bừng, phần nộ bùng dậy toàn thân tím ngắt, tự mình không biết, lại làm cho người khác sợ hãi chạy trốn. Phải biết, đã quét tâm trần từ lâu mà tro dâm dục vẫn còn, thường lau chùi bụi ý mà sân si chưa sạch, người chân thật cầu đạo đến đây mới biết khi đèn sáng chiếu khắp một căn nhà, quay đầu nhìn lại mình, vẫn là người đen tối, mới rõ tâm thô dù hàng phục mà vọng vi tế còn ẩn sâu, do đó tâm giới bị tổn thương, rất sanh hổ thẹn. Từ đây chuyên tu tế hạnh, không cho mây may ẩn giấu, tiếp tục dụng công, vùi đầu tiến tới. Lại nghĩ "Chẳng nổi tâm nghiệp thì đâu biết được mình quấy". Cho nên nói "Bất đắc ngư phủ dẫn, chằm đắc kiến ba đào" (*Chẳng nhờ ngư ông dẫn, đâu thể thấy sóng to*).

49. TÂM PHÁP ĐỀU TỊCH.

Người dụng công phu, trước đã tâm pháp đi đôi, không còn đối đãi. Đường đạo xa xôi, từ bước tiến hành, thẳng đến chỗ đường cùng, vắng vẻ, muôn tiếng đều lặng, quày đầu chẳng thấy thôn làng, nhìn quanh không biết xứ sở. Ngước lên nhìn trời, trời chẳng ở trên. Cúi xuống nhìn đất, đất chẳng ở dưới. Thấy vật như ánh sáng trong mặt trăng. Thấy mình như ánh sáng trong mặt trời. Tương tự như thân quang minh ngồi chỗ quang minh trọn không chỗ thấy cũng không chỗ nghe. Kiến giải như vậy rất dễ mê hoặc người. Nên biết, trần hết thì quang minh sanh chẳng phải kỳ lạ, bụi sạch thì ánh sáng hiện ấy là việc bình thường. Tâm và pháp toàn ẩn chưa phải chơn liễu ngộ. Sao vậy? Tịnh niệm hiện tiền thì tâm tự tịch, cầu trần tạm sạch thì pháp tự quên, chớ nên vì chẳng thấy người mà vọng nói là nhân không, chẳng thấy pháp bèn nói là pháp mất. Tâm bị tịch làm mê, chỉ nhận cái tịch mà chẳng thấy tâm, chẳng biết tâm vẫn tồn tại. Pháp do tịnh mà ẩn, chỉ biết cái tịnh mà quên cái pháp, thực ra pháp đâu có mất. Cái đạo tâm pháp đều tịch, chẳng phải là tin tức đến nhà. Người hành đạo cần phải mãnh tĩnh, đối với cảnh giới thâm sâu chớ nên có chút lưu luyến. Tham thiền đến chỗ không có biệt niệm cần phải tiến thêm một bước mới là chánh hạnh. Bằng không, lâu ngày như cầu bông dảy trở tay không kịp.

50. ĐƯỢC CHỨT ÍT CHO LÀ ĐỦ.

Công phu dụng đến lúc trần hết thì quang minh sanh, bụi sạch thì ánh sáng hiện, day mặt khạc nhỏ đều là tự kỷ, chấp tay cúi đầu đều là phật sự. Mặc dù mỗi bước đều đi

trên đỉnh đầu của tự tánh Phật, mỗi vật đều hiện dưới ánh sáng mặt trời của mình, đến chỗ này chẳng muốn tiến tới chính là được chút ít cho là đủ. Đức Thế Tôn quả hàng Duyên Giác, Thanh Văn rằng trên chẳng học Phật thừa, dưới chẳng độ chúng sanh, tiêu dao ngoài tam giới, tự cho giữa đường là nhà ở, chẳng chịu bỏ Hóa thành để đi đến Bảo sở, trụ nơi Niết Bàn Tiều Thừa, cam làm hạt giống cháy mà chẳng tự phát giác. Sao ngu vậy!

Thử xem: Phật quả La Hán được chút ít cho là đủ, La Hán còn có mười tám thứ thần thông, có thể hiện ở hư không, ẩn dưới đất, hiện ở trong nước, ẩn trong lửa, trên đầu phun nước, dưới chân phun lửa, cộng chung mười tám thần thông mà còn bị nói là "phần ít"! Bị quả trách nặng là trên không có Phật đạo để thành, dưới không có chúng sanh để độ, tự hưởng an lạc, chẳng cầu tiến lên, chán các khổ, chẳng nguyện độ chúng sanh, cho nên nói "chẳng đủ".

Hướng chi chúng ta còn là phàm phu, thiên tham chưa thông, đạo chưa tiến sâu, dấu cho có nhập chút ít nhưng chưa đến cùng tột lại tự ngưng tu. Vậy được chút ít cho là đủ há chẳng hổ thẹn trong hổ thẹn ư? Hãy mau đem cái công của được chút ít đó buông xuống đi, cái đạo của chẳng đủ đó hành lại đi, thì sự lớn lao của tiền đồ, sau này sẽ tự biết.

51. KHỞI TÂM DỤNG.

Đã nhập thiên sâu, tâm pháp đều tịnh, trọn không trở ngại, làm không chỗ làm, muốn dụng tâm nữa lại sợ khó tiến bộ. Chẳng nghĩ tâm dụng công tham thiên chính là pháp tham thoại đầu. Pháp ấy, do nhiều đến một, do một đến chuyên. Tâm ấy, từ loạn đến định, từ định đến thiên. Pháp với tham đều hết, tâm với thiên đều tiêu, còn muốn khởi tu nữa, chính là trên đầu lại chông thêm đầu. Một chữ Dụng từ đâu hạ thủ?

Như người dụng công hiện nay biết được kẻ nghe tiếng trước mắt, kẻ thấy sắc trước mắt, cho là người chân thật bản lai (*tự tánh*) là sai lầm lớn. Vì một cử một chỉ nếu không có niệm thì không thể động, vì có nói mới có nín đều là tác dụng của vọng tâm, chẳng phải là vọng tâm không sanh khởi. Ấy là cái kiến chấp của tâm đã thâm sâu. Thực ra, bất cứ cử động nào cũng đều từ tâm sanh khởi, nếu chẳng do tâm thì làm sao có lý sanh khởi này? Những việc kể trên đều là tương đối, có tương đối đều thuộc về kiến chấp, có kiến chấp thì làm sao dụng công? Như thế, một bậc nhân tài rất tốt cam làm kẻ lỗ mãng. Cần phải mau đem tất cả những kiến chấp trước kia từ trong xương tủy nhổ ra, trừ sạch, diệt hết, rồi lại như người sơ học dụng tâm (*giữ nghi tình*) cho nó (*cái biết của bộ óc*) chết đi ba mươi năm rồi hãy trở lại gặp ta nói chuyện Phật pháp.

52. HỮU TÂM DỤNG.

Do trước dụng tâm, không có gì để mò nắm, sau thêm tham cứu hình như khó vào cửa, cho nên lập chí bắt chước người sơ tham làm lại từ đầu như người mới học. Lúc ấy dụng công so với lúc sơ tham khó hơn gấp bội, vì trước kia chưa tham, thân tâm thô phù, chỉ là cái cảnh động trước mắt. Nay đã tham lâu năm rồi, tâm pháp đều tịch, lại thêm một lớp tịnh cảnh, do đó lúc dụng công phải lưu tâm nơi động tịnh, phòng ngừa khi chưa phát sanh. Dù là thượng diện quả đường cũng có tâm tham cứu, mặc áo ăn cơm cũng dụng ý kiên trì, đi đường cũng khẩn thiết đề khởi, nói chuyện cũng lưu tâm vì sợ bị đánh mất, toan nằm xuống thiên sàng, lấy công phu làm mền, sáng sớm thức dậy, lấy nghi tình làm áo, dùng câu thoại đầu rửa mặt, đem câu thoại đầu uống trà. Nơi nào cũng có tâm dụng công, ngày nào cũng không có lúc ngưng nghỉ. Ngày kia đập vỡ khối nghi, chẳng những chẳng tham đắm tiểu ngộ mà đại ngộ cũng chẳng chịu trụ. Người hữu tâm dụng cần phải có tâm này.

53. TÁN TÂM DỤNG.

Tán tâm dụng này chẳng phải là tâm tán loạn của người sơ tham dụng. Người tu hành cần phải kỹ lưỡng. Tuy sơ tham với lão tham có khác mà tán loạn vốn đồng, chỉ khác ở chỗ khéo dụng hay chẳng khéo dụng mà thôi.

Sơ tham dụng công, dụng thì có tâm dụng, tán thì không có tâm dụng. Tâm dụng đã không thì công phu làm sao có được, đây gọi là sơ tham. Công phu lão tham, dụng chẳng phải không, nhưng tán cũng vẫn có. Tán tâm đã có thì hữu tâm có thêm, đây gọi là lão tham.

Xét kỹ tán tâm chẳng ra ngoài hai thứ :

1. Tâm nghiệp thức thuần thực.
2. Tâm công phu thuần thực.

Tâm nghiệp thức thuần thực là tâm tán ở nơi nghiệp thức. Tâm công phu thuần thực là tâm tán ở trên công phu. Tâm tán ở nơi nghiệp thức thì tâm ấy khó thu nhiếp. Tâm tán ở trên công phu thì tâm ấy dễ thu nhiếp. Đem câu thoại đầu, một miệng cắn chặt, một chân đè cứng, một tay nắm đứng, nhất tâm ghi nhớ, muôn ngàn sai khác đồng thời tiêu hết, muôn ngàn nhánh lá quét một chổi hoàn toàn sạch trơn. Quý ở chỗ tham cứu thâm sâu chứ không tham luyện công phu đặc lực, một phen ló đầu ra (*ngộ*) thì hiện bực đại nhân (*tự tánh*).

54. NẮM GIỮ DỤNG.

Dụng công từ tán tâm đến nhất tâm, bỗng từ nhất tâm đổi ra tán loạn, vì không nắm giữ được.

Như người nuôi rắn, ban ngày đem đồ ăn cho nó ăn, ban đêm đem giường cho nó nằm, muốn cho nó tạm ở yên một chỗ cũng chẳng được. Vì rắn sẵn có tánh động, chẳng động chẳng được. Khi đi thì cùng tánh đi, khi ở thì cùng tánh ở, khi ngồi thì cùng tánh ngồi, khi nằm thì cùng tánh nằm, đầu đánh chết vẫn e khó làm cho không động được. Cần phải bắt lại, nắm giữ nó thật chặt mới miễn cưỡng ngưng lại được, dù cho qua lại ra vào cũng chẳng rời chỗ nắm. Cái dụ nắm giữ này, với cái nắm giữ dụng công cũng giống như vậy.

Phải biết, tâm của dụng công còn độc hơn nọc rắn, nó có thể hại người xuống địa ngục, có thể hại người thành Phật, Tổ, có thể hại người trồng gốc phàm, có thể hại người gieo giống Thánh, có thể hại người liễu sanh tử, có thể hại người chứng Niết Bàn (*xem lược giải*). Cái hại của rắn rất lớn, cái độc của rắn rất sâu, nay đã bị ta nắm chặt trong tay, thề rằng “Mi sống ta sống, mi chết ta chết, chẳng phải mi độc làm chết ta, mà là ta nắm chết mi”. Một mai rắn chết, người mất, mới biết kẻ nắm giữ vốn là cái này (*tự tánh*). Hê! Chớ nên nhận lầm!

Lược giải: Phật, Tổ là đối với chúng sanh, Thánh là đối với phàm, Niết Bàn và đối với sanh tử, đều là tương đối, tương đối là nhị, ấy là nghịch với tự tánh vốn bất nhị cho nên nói bị hại.

55. ĐẮC LỰC DỤNG.

Được nắm giữ dụng, đi đứng ngồi nằm ngày đêm không có gián đoạn. Dù biết câu thoại đầu công phu sâu nhưng chẳng biết hết được sự thọ dụng và chẳng biết đặc lực hay không? Công phu như thế nào, nay cần phải xét kỹ xem!

Như thân ngồi ngay thẳng, nghi tình tự khởi, vọng tưởng chẳng thể đến gần, hôn trầm cũng tránh xa, đây là công phu đặc lực. Lúc đi hương, trong tâm nghi tình dù chẳng thân thiết song chánh niệm vẫn còn, nghi tình niệm niệm chẳng gián đoạn, là đặc lực. Lúc cùng người nói chuyện, trước động cái niệm dụng công, sau mới động cái niệm nhân sự, là đặc lực. Lúc ăn cơm, niệm của công phu ở trước, niệm của cầm bát ở sau, là đặc lực. Lúc ngủ, trước tiên biết có công phu, chẳng biết có mừng mèn, là đặc lực. Làm mọi việc, biết được cái niệm công phu ở trước, cái niệm làm việc ở sau, dù như thế cũng chỉ là đặc lực được một nửa. Nếu người thật đặc lực thì động tịnh, nhàn vội, thức ngủ, nói nín đều có công phu, cùng với việc làm không trái, cũng không có trước sau, cũng không uổng phí một chút thời giờ, đây là bằng chứng vững chắc của công phu đặc lực.

Người chẳng đặc lực, ban đầu nghi tình được miên mật, bỗng nghe tiếng động hoặc nói chuyện với người liền bị âm thanh và người lôi kéo đi mất, mất rồi không biết đã qua bao lâu quày đầu tự hỏi “Công phu miên mật ở chỗ đặc lực dụng, rốt cuộc bị ngoại cảnh lôi đi”. Xét kỹ như thế mới biết là chẳng đặc lực. Câu thoại đầu vừa đề lên, ngay đó chẳng nghe tiếng, chẳng thấy sắc, bỗng gặp gỡ người quen, chỉ biết nói chuyện nhà, chẳng còn nhớ đến công phu.

Buồn thay! Người dụng công nên lấy chỗ đặc lực làm pháp thực hành mới được.

56. PHÓNG TÂM DỤNG.

Công phu dù có đặc lực, song chưa dám buông tay đi thẳng. Sao vậy? Như công phu thân thiết, khi làm việc sinh sống, một mặt lưu tâm công phu, một mặt lưu tâm làm việc. Nếu việc làm chẳng tốt sợ bị quả trách hoặc đánh hét, trong tâm bất an. Cho nên tạm buông công phu trong giờ khắc làm việc, đợi việc làm xong mới đề lại công phu, há chẳng lợi ích cả hai ư! Nếu người thật nghĩ đến liễu thoát sanh tử thì chẳng phải như vậy. Vì sao? Chúng ta vì liễu sanh tử mà tham thiền, chứ chẳng phải vì làm việc mà tham thiền. Sanh tử chẳng liễu thoát thì bị sanh tử làm chướng, khi đang dụng công tùy thuận sanh tử luân hồi chẳng có kỳ hạn.

Nay cần phải lập thế “Quyết thống thiết dụng tâm, không chút ý lại, thân thân thiết thiết, miên miên mật mật, gặp lúc làm việc, công phu càng thêm mật thiết. Dầu cho việc làm không tốt, bị đánh bị mắng thì được, buông công phu thì không được. Ngày đêm tinh tấn, thế chẳng thay đổi, đem tâm đặt ở trên công phu mà dụng. Thân đến chỗ nào thì dụng cũng theo đến chỗ đó. Khi động, tịnh, nhàn, vội thì ở trong động, tịnh, nhàn, vội dụng công phu. Khi thấy sắc, nghe tiếng thì ở trong thấy sắc, nghe tiếng dụng công phu. Khi nói chuyện, ăn cơm thì ở trong nói chuyện, ăn cơm dụng công phu. Đây gọi là phóng tâm dụng.

57. THÂN THIẾT DỤNG.

Nhân vì trước dụng công nắm giữ đặc lực, dù có thể phóng tâm dụng, song còn chưa tránh khỏi gặp đầu thì chướng ngại đó. Cái tâm của dụng tâm duyên theo một tướng, dù chẳng bị lôi mất, nhưng có thể bị tướng ấy kích động hoặc làm ngăn cách, đầu bằng tịnh cũng như vậy, động cũng như vậy, sắc cũng như vậy, không cũng như vậy. Dầu cho sự vật lớn cũng chẳng thể ngăn cách, nhân sự quen cũng chẳng thể ngăn cách, tiếng của âm thanh, động của tâm, biến đổi, sống chết của thân, cho đến thức ngủ, khen chê đều chẳng thể ngăn cách, luôn cả cái chẳng thể ngăn cách cũng chẳng ngăn cách, chính cái ngăn cách ấy cũng chẳng thể ngăn cách.

Thế giới, thân, tâm, còn mắt, mộng寐 đều chẳng ngăn cách gọi là Thân, chân thật làm được gọi là Thiết. Hai chữ Thân Thiết, người chưa liễu ngộ nên theo đó thực hành, còn người dụng công đã đến cùng tốt thì phải diệt trừ cho sạch. Sao vậy? Phải biết, người hành đạo nếu công phu cạn mà thường quên, ấy là chưa hành đến chỗ sâu, thì phải nhờ hai chữ này để hạ thủ công phu mới dễ nhập đạo. Nếu công phu đã đến thoai đầu thì thân thiết hay không thân thiết đều không màng đến mới có thể đi đến kiến tánh. Việc này trong quá trình dụng công cần phải lưu ý.

58. GIÁN ĐOẠN DỤNG.

Công phu dù rất thân thiết, song cũng có lúc gián đoạn mà chẳng tự biết. Vì sao? Chính ngay lúc dụng tâm biết được thanh tịnh tự tại, hoặc biết được rỗng rang an nhàn, hoặc biết nghi tình đặc lực hay chẳng đặc lực, biết chỗ đặc lực là chỗ nào, chỗ chẳng đặc lực là chỗ nào, cũng gọi là gián đoạn. Ngay trên câu thoai đầu tham cứu, biết tham đến chỗ tịnh, tham đến chỗ sáng sủa hoặc tham hiện ra tướng Phật, bảo tháp, núi sông, đất đai, nam nữ, già trẻ, mình người, tất cả đều gọi là gián đoạn.

Sự gián đoạn trên khác hẳn với công phu của người sơ tham. Người sơ tham, đề thì có tham, quên thì hoàn toàn quên, chẳng biết quên ở chỗ nào.

Còn người lão tham, có lúc trong miệng nói chuyện, tâm biết tham thiền, có lúc tâm đang tham thiền, miệng biết nói chuyện. Hoặc thân làm việc, công phu vẫn còn, hoặc lúc dụng công, thân vẫn làm việc. Hoặc công phu với làm việc đều quên, hoặc công phu với làm việc đồng làm. Hoặc lúc ngủ, công phu thân thiết chẳng biết là mộng, đến khi thức giấc mới biết. Hoặc lúc mộng, trước thấy việc khác, sau thấy dụng công phu, do thiền mà tỉnh. Hoặc đang ngủ không công phu, không mộng tưởng giống như ban ngày. Ấy đều là sự gián đoạn của người lão tham.

Người tham thiền phải khéo tự dụng tâm mới được.

59. THÔ TÂM DỤNG.

Tâm có định loạn, thiền có đắc thất, sự gián đoạn đều do thô tâm này gây ra.

Thô tâm là gì? Như gói nhiều đậu nành trong bao, dù để ở đâu, bên trong ắt cũng lỏng lẻo, hở mở bao ra thì đổ vãi đầy đất. Nếu đem bao đậu ngâm nước, đậu nảy mầm nở ra thì làm bao bị bể. Dụ như thô tâm duyên cảnh, tâm cảnh đồng thô, dù thu lại thành một khối, cũng chưa quên các thức. Hơi có chút giải đãi thì thân tâm tán loạn, nghi tình tiêu mất, tâm thiền cũng tan.

Nếu đem đậu trong bao xay nát hòa với nước nhồi thành một khối, ắt từ bên trong bỏ được đậu, bên ngoài diệt được mầm, chẳng còn sanh ra đậu nữa. Cũng như vậy, các vọng lãng xăng thu về một niệm, ngay ở trên niệm ấy, dùng sức của câu thoai đầu tham cứu quét sạch hết trần lao, cặn cẩu chẳng còn, tham thành một khối, ắt từ bên trong khử vọng, bên ngoài khử trần, tự chẳng phát sanh thô tâm vậy.

60. MIÊN MẬT DỤNG.

Công phu gián đoạn ở trước rõ ràng là do thô tâm làm thành. Đã nói là thô tâm thì cần phải tiến thêm một bước nữa. Công phu miên mật, miên như sợi tơ, mật như vải bố. Do một sợi tơ mà thành miên, từ một đường chỉ mà thành mật. Công phu do một pháp mà thành phiến, từ một niệm mà thành khối.

Cũng như đem tơ dệt thành vải bố, sợi dệt dày (*miên*) chẳng thông gió tức là xuất thế vô lậu, như vải bố dệt kín (*mật*) chẳng lọt mưa tức là thế giới vô lậu. Nếu tham được

đến chỗ pháp thể gian và pháp xuất thể gian cùng câu thoại đầu đồng một pháp, tâm thể gian và tâm xuất thể gian cùng câu thoại đầu đồng một tâm, là cái đạo miên mật sâu vậy.

Người làm được công phu miên mật thì quy củ thuần thực, oai nghi nghiêm túc, cử chỉ đoan chánh, ngữ ngôn giản thiểu, người đời đều tôn là Thượng Tọa.

Xin gửi lời nói với người tham thiền rằng: Chớ nghi tham thiền có nhiều chỗ khó, chỗ vi tế của tham thiền làm cho người ta sợ thế này thế nọ. Than ôi! Nếu có thể như con tầm nhả tơ, bắt đầu từ một sợi cho đến cuối cùng làm thành một kén, khoảng giữa không có gián đoạn, đó là công phu miên mật rõ ràng. Bằng không, há người chẳng bằng vật ư!

61. CHẴNG GIÁN ĐOẠN DỤNG.

Gián đoạn đều là thô tâm. Do miên mật mà thành chẳng gián đoạn. Đó là quá trình dụng công.

Công phu dụng đến chỗ ngoài không có trần cảnh để quên, trong không có thân tâm để giữ. Một câu thoại đầu quên ngày tháng, tuyệt sớm chiều. Từ công phu mà ngủ, từ công phu mà dậy, mộng cũng từ công phu mà thức tỉnh, đây gọi là chẳng gián đoạn.

Người công phu đến chỗ chẳng gián đoạn thì Long Thiên chẳng thấy thân họ, Quỷ Thần chẳng thấy tướng họ. Họ không nghe như người điếc, không thấy như người mù, nghe tiếng mắng mà chẳng biết duyên cớ, bị đánh đập mà chẳng biết đau đớn. Thoại đầu làm cho giận hờn chạy mất, nghi tình làm cho yêu ghét trôn mất. Bất cứ cái gì hiện trước mắt đều chẳng màng đến. Dù Phật cùng ngồi với họ, họ cũng quên đó là Phật. Phật ma đều chém, phạm thánh đều hất bỏ. Người đầu đồng trán sắt thấy được thì đầu trán cũng bị vỡ, người ba đầu sáu tai nghe được thì tâm ý cũng thành tro. Công phu chẳng gián đoạn thật có sự thần diệu như thế.

62. TẾ TÂM DỤNG.

Công phu chẳng gián đoạn, đầu tiên thần diệu, kể đó toàn chân, dù nói phi phạm song vẫn còn nhiều thô.

Nay nói tế tâm dụng, tất cả pháp dụng tâm trước kia như ném đại địa ra ngoài hư không, như một chổi quét sạch bụi bậm khắp thế giới. Ngược lên chẳng thấy hư không, cúi xuống chẳng thấy đại địa. Công phu của tế tâm có sức như thế, người mộ đạo sao chẳng làm thử!

Người sơ tham thường khi có thô niệm chưa dừng, lúc ấy đối với công phu tế tâm, miễn cưỡng dụng lưu tâm tế, hữu tâm tế, đề nén tế, tạo tác tế. Các tế dụng này đều do toàn thô làm thành. Do thô mà thành thì chẳng phải tế, là chọi với cái chân tế.

Cái tế của người lão tham thì quên thô quên tế, tế đó lại thêm tế.

Mặc dù nói tế mà chẳng gọi là chân tế, vì chân tế tức là vô tế vậy. Người xưa nói "Một niệm bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên sanh lục thô" là nghĩa này vậy. Cũng như đem đại địa chia làm bốn phần, bỏ ba phần còn lại một phần, rồi lại chia phần này làm bốn, bỏ ba phần còn lại một, cứ thế tiếp tục chia mãi cho đến thành lân-hư-trần, các trần kia thấy đều bỏ hết. Lân-hư-trần này tức là tế tâm vậy. Cái tế của tế tâm đâu thể tỷ dụ, chỉ khi công phu dụng đến chỗ này mới biết lời tôi chẳng sai.

63. LÌA PHÁP DỤNG.

Trước dụng công phu tế tâm còn có một lân-hư-trần, đến đây phải lia nó, cho nên gọi là lia pháp dụng. Pháp này tức là pháp tham thoại đầu, tại sao phải lia nó? Vì tâm tức là pháp, pháp tức là tâm. Ban đầu thì tâm pháp khó được nhất như, kể thì tâm pháp được nhất như. Nay tâm pháp chẳng được nhất như, là vì câu thoại đầu còn lạ. Ra sức tham cứu, từ lạ thành quen, cứ đi thẳng đến chỗ cùng tột cội nguồn, đường về quê cũ sẽ chẳng còn xa. Do đây, dụng pháp của tự tâm, chẳng dụng pháp khác. Nói lia pháp là lia cái pháp ở ngoài câu thoại đầu (*lân-hư-trần*), chứ chẳng phải lia câu thoại đầu. Như tự mình không có tiền, phải mượn tiền người khác dùng, tự mình đã có tiền, phải dùng tiền của mình. Cho nên lia pháp bên ngoài, dùng pháp tự tâm (*pháp thoại đầu*), chứ chẳng phải lia pháp mà không có pháp để dùng. Đến đây dù pháp quên mà người chưa quên. Pháp tức là thiền tham, người tức là tâm tham. Chẳng nhờ pháp tham cứu, chỉ dùng tâm tham cứu. Tham thẳng chẳng ngừng, chẳng chút tạm trụ. Khi ấy, Diêm La thấy liền chấp tay, Quỷ Thần thấy bèn quy y. Ngàn Thánh muôn Hiền đều đi đường này mà thành tựu. Công năng của quên pháp làm kinh hải trời đất, ai chẳng hâm mộ!

64. VÔ TÂM DỤNG.

Người xưa nói “Hữu tâm dụng đến chỗ vô tâm, vô tâm còn cách một lớp rào”. Trước lúc vô tâm thì mưa gió sấm chớp đều ở trong hư không. Sau khi vô tâm thì gạch ngói sỏi đá đều quy về đại địa, đây gọi là chân vô tâm.

Nói vô tâm, chẳng phải không có tự tâm, cũng chẳng phải không có đạo tâm, chỉ là không có tâm muốn thành Phật làm Tổ, không có tâm muốn mình tâm kiến tánh, không có tâm thế gian, xuất thế gian, không có tâm yêu ghét lấy bỏ, không có tâm thế pháp, Phật pháp, không có tâm hữu vi, vô tri, không có hai tâm, không có một tâm, tức là chỉ cái vô tâm dụng này, cũng là chỗ Thiền Tông nói "lia tâm ý thức tham" vậy.

Cái công của vô tâm có trước khi Phật chưa thành, trước khi chúng sanh chưa sanh. Đạo vô tâm này là pháp Thiền trực tiếp truyền từ Phật Thích Ca, có thể khiến cho người gõ nhảy múa, hồ đá nuột dề, ấn thân trong bầy trâu đất, cướp thức ăn trong động rắn sắt. Dẫn cho muôn Tổ đồng thanh ngợi khen đạo nhân vô tâm này, mà ngàn Phật ra đời cũng khó thấy được.

65. CHÂN TÂM DỤNG.

Chân tâm cùng với giả tâm đều đồng một dụng. Tối sơ (*ban đầu*) dụng công đến tối hậu (*cuối cùng*) dụng công không có một chút thay đổi. Nên cái pháp sơ hậu đồng nhau, cái tâm sơ hậu chẳng khác, cái dụng sơ hậu cũng vậy. Như người đi đường vạn dặm, bước đầu tiên lên đường và bước cuối cùng đến nhà đều dùng chân đi, chẳng dùng cái khác, thế nên nói sơ hậu đồng nhau. Chẳng qua người căn khí lớn thì một bước đến nhà, dọc đường không bị trở ngại, niệm trước có thể nói là phàm phu, niệm sau có thể nói là bậc thánh. Sự sai biệt của thánh phàm chỉ cách một niệm, đầu nhọc đi xa, đây là thượng căn.

Người căn hơi cạn, sức tin nếu mạnh, tối sơ ôm chặt một câu thoại đầu dù chết chẳng buông, cho đến chỗ tối hậu dụng tâm, dọc đường bị chướng ngại đều không màng đến, đây là trung căn.

Người căn nhỏ hơn nữa, đầu tiên từ trên câu thoại đầu dụng tâm, gặp việc bị trở ngại, cứ chỉ trái phạm, biến đổi như gió mây, thay đổi như trời tạnh chuyển mưa, lúc tiền lúc thoái, mất hết ngày giờ. Dù cho ra sức tiến tới, sau cùng đến chỗ đầu sào trăm

thước còn dễ, tiến thêm một bước nữa thì khó. Người tử thủ chỗ này xưa nay rất nhiều.

Chân nghi, nghi là nhân của ngộ, ngộ là quả của nghi. Nhân tiểu nghi khai quả tiểu ngộ. Nhân đại nghi khai quả đại ngộ. Nhân chân nghi khai quả chánh ngộ. Nhân chẳng nghi cảm quả chẳng ngộ. Người phát chân nghi, lúc nghi giống như đi ngồi bất an, không ăn mà quên đói, không tỉnh mà quên ngủ, ngoài như ngu ngốc, trong như người si. Lúc thời tiết đến (*đại ngộ*), kinh thiên động địa, cùng Phật, Tổ sánh vai, cùng chúng sanh bình đẳng, há chẳng vui ư!

66. CHUYỂN THÂN DỤNG.

Như từ đất bằng đi lên núi cao, ngay lúc động chân, bùn đất dính giày, thân thể như nhóp. Người sức tin đầy đủ chẳng màng đến thân. Người sức tin hơi yếu rửa sạch rồi mới đi. Lúc đi đường qua hầm qua hố, bị gai gộc, sỏi đá ngăn trở giữa đường, cất bước khó khăn. Đói khát bức ngặt, cô độc không có bạn bè, trông xa núi cao chót vót mà khiếp đảm chân run. Sức đi đường bằng không nhiều, tâm muốn lên cao lại yếu. Đi lâu ngày đến chân núi, bị cọp sói rắn beo đón đường làm cho kinh sợ. Bước từng bước một, tay chẳng thể buông, chân lại bước nhanh, có người ở giữa đường dừng nghỉ, có người đi thẳng lên trên, hễ gặp tảng đá chặn đường, đường đi chật hẹp, hễ tay buông thì thân lảo đảo xuống đất bằng. Than ôi! Đau đớn thay! Trở lại y như cũ, uổng chịu cực khổ mà không tiến được bước nào. Nghĩ đến mà chẳng đau lòng ư! Dù là bước lại dấu cũ cũng rất khó vậy.

Nếu có thể một phen dừng mãi lên núi thẳng đến chót đỉnh, nhìn ra bốn phương không có đường đi, đây gọi là:

Người ngồi tại đầu sào trăm thước,

Mặc dù được nhập chưa phải chân.

Tự nghĩ: Ở lại lâu thì không thể được, ẩn giấu thân cũng không có chỗ, tiến thêm một bước nữa, ngay đó thừa đương, đây gọi là:

Đầu sào trăm thước tiến bước nữa,

Mười phương thế giới hiện toàn thân.

Lại như mang thai đủ tháng, đến lúc lâm bồn, ồ lên một tiếng (*ngộ*) như thùng sơn lũng đáy. Lỗ mũi trước khi chưa sanh cùng diện mục sau khi đã sanh cách nhau chẳng xa. Ngay đây chuyển thân rồi, rất cần lưu ý. Khi chưa chuyển thân là phàm phu, đã chuyển thân rồi thành bậc thánh. Dầu cho đổi phàm thành thánh nhưng vốn là chính mình, chẳng phải người khác.

Hê! Trên đầu còn thiếu ba mươi gậy!

67. ĐỒNG THỂ ĐẠI BI.

Trước khi chưa ngộ cùng là phàm phu mà không biết, sau khi đã ngộ mới biết là chúng sanh. Như Đức Thế Tôn thấy sao mai mọc ngộ đạo, ba lần than rằng “Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng Như Lai, đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”! Rồi Ngài tuân theo nguyên tắc độ sanh của chư Phật quá khứ, việc mình đã xong, lấy hồng pháp lợi sanh làm sự nghiệp.

Ngoài ra không có việc ước mong hàng Bồ Tát từ Sơ địa đến Thập địa quét sạch vô minh, người trong quả La Hán mau hết tập khí, các vị Thiên Vương bỏ thú vui mà cầu ngộ đạo, các loài Tu La bỏ sân hận mà phát thiện tâm. Xin thỉnh tứ Thánh, chư Thiên,

Bát bộ hải chúng, tôi cùng mọi người đồng chung một thể phát tâm đại bi cứu khổ chúng sanh gấp chó đẻ huân.

Lại xin đồng học đại nguyện của chư Phật, hư-không-giới-tận, chúng-sanh-giới không, tâm độ chúng sanh của tôi không có cùng tận. Nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, bi nguyện này của tôi bằng số chúng sanh chưa thành sanh vô biên, nguyện của tôi vô biên. Dù thường đi trong lục đạo, qua lại trong bốn loài, một ngày còn chúng sanh là một ngày còn nguyện của tôi. Xin thỉnh mười phương đại đức sao không vui lòng lái thuyền đại nguyện, cùng dạo biển chúng sanh, há chẳng vui ư!

68. THAY CHÚNG SANH CHỊU KHỔ.

Kinh Phạm võng nói “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. Đâu chẳng lo hiếu dưỡng, phải nên thay thế chịu khổ. Đã là cha mẹ, sao lại gọi là chúng sanh.

Phải biết, hai chữ "chúng sanh" là đương nhiên để cho Phật, Bồ Tát gọi. Chúng ta gọi "chúng sanh" dường như chẳng cung kính, vì chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ là chư Phật vị lai. Từ nay, về sau, có người đánh ta là cha mẹ quá khứ đánh ta, có người mắng ta là chư Phật vị lai mắng ta. Ta thấy người gánh không nổi cái gánh nặng, ta mau đến gánh giúp. Thấy người đẩy xe không nổi, ta mau đến đẩy giúp. Thấy người giết heo de gà chó, ta khuyên người sát sanh hãy dừng tay. Nếu họ chẳng, dừng ta có tiền thì chuộc con vật, nếu không tiền thì khuyên họ. Khuyên chẳng được thì dùng tâm cung kính quy y cho con vật, tìm mọi phương tiện để cứu độ. Thấy người té xuống sông, mau đem thuyền bè cứu vớt. Thấy người gặp tai nạn mau đem tiền giúp đỡ. Thấy trâu ngựa heo dê, lấy bi tâm truyền giới quy y cho chúng. Thấy con trùng con kiến, mau dùng tâm thông thiết quy y cho chúng. Thấy người phỉ báng Tam Bảo thì dùng lời lành an ủi họ. Thấy người khinh khi Tăng Ni, liền hết sức khuyên giải họ. Lại phát đại nguyện thay người địa ngục để họ thoát khổ sanh lên trời, người, thay thế naga quỷ để chúng hết đói được no, thay thế mọi người chịu khổ để họ được vui. Đây gọi là thay thế chúng sanh chịu khổ.

69. ĐẠI TỪ TẠO VUI.

Phải biết một người dù có làm hết sức mình cũng chẳng dễ gì thực hiện được sự an vui trọn vẹn cho loài người. Sao vậy? Vì gốc của sự an vui chẳng ra ngoài hai con đường đạo và đức. Ngoài đạo đức thì không có biện pháp nào khác. Đạo là lia sự chống trái của đời. Đức là cảm được người sùng kính tin cậy. Người đủ đạo đức thì đối với người đời bất cứ lúc nào tâm cũng vô trụ (*không bị dính mắc*), nên gặp gì cũng vui.

Lại nữa, nghèo lấy tiền của làm vui, bệnh lấy mạnh làm vui, không có con lấy sanh con làm vui, đắm chìm lấy ra khỏi nước làm vui, bị tù đầy lấy ra khỏi ngục làm vui, đói khát lấy no nê làm vui, xuất gia lấy ngộ đạo làm vui, khổ lấy hết khổ làm vui. Đây là nhu cầu của con người ở thế gian, thật chẳng dễ gì có được cái vui lớn!

Nếu người được chí chân thường lạc, đối với tất cả người thế gian khiến cho bỏ ác làm thiện, tránh sự xảo trá giết hại, cứu giúp kẻ bệnh nghèo, cúng dường Tam Bảo.... Đây là khéo tạo vui cho người vậy.

70. XÓT THƯƠNG CHÚNG KHỔ.

Bạc La Hán và Bồ Tát từ sơ địa đến thập địa còn có cái khổ của sanh tử biến dịch, tất cả Chư Thiên có cái khổ của năm tướng suy, A Tu La có cái khổ của giận hờn tranh

đầu, người khắp thế gian có cái khổ của sanh già bệnh chết, địa ngục có cái khổ của thiêu đốt, ngạ quỷ có cái khổ của đói khát, súc sanh có cái khổ của ăn nuốt lẫn nhau. Cái khổ của chín giới lớn nhỏ bất đồng. Sai biệt của một niệm đưa đến sự thăng trầm riêng khác.

Ở đây chỉ những điều người ta có thể thấy nghe trong loài người và loài súc sanh. Giàu có cái khổ sợ nghèo, nghèo có cái khổ muốn giàu, đi học có cái khổ khó tiến thân, làm ruộng có cái khổ thất mùa, buôn bán có cái khổ bán ế, làm thợ có cái khổ thất nghiệp. Lại, thú rừng có cái khổ bị bắt, gia súc có cái khổ bị vô nòi nước sôi, loài chim bay có cái khổ bị giăng lưới, loài dưới nước có cái khổ ăn nuốt lẫn nhau. Ta nghĩ chúng khổ, ai có thể làm chúng thoát khổ, lòng đau xót rơi lệ đầm đề!

Muốn làm cho tất cả thoát khỏi khổ, trước hết cần phải trị tận gốc. Pháp trị tận gốc là khuyến thỉnh chư Thượng-thiện-nhân tu pháp xuất thế gian, chứng quả xuất thế rồi dạy loài người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*) vượt ra thế gian, đây là thiện pháp tối thượng. Pháp trị ngọn là người có trách nhiệm độ chúng sanh, mắt thấy cái khổ nào cũng hết lòng tìm cách cứu giúp, tai nghe đến cái nạn nào cũng liều mình thay thế cho người được thoát. Khuyến mọi người kính tin Tam Bảo, sau khi quy y trồng nhân xuất thế. Thấy tất cả sinh linh, đem pháp âm của Tam Bảo rót vào tai khiến cho chúng được nghe thì nhân xuất thế cũng trồng sâu dần. Đây là tận cùng đạo cứu khổ vậy!

71. HỌC HẠNH BỒ TÁT.

Ở địa vị phàm phu cứ lấy tham lam không chán cho là khoái, chẳng lấy "biết đủ" để làm vui. Tham lam là tổn người lợi mình, khoét thịt người để bồi bổ mình, chẳng màng đến người nghèo, chỉ lo ta giàu, cho đến tổn thương mạng người để nuôi dưỡng mạng mình. Do nhân ác này, mình người trả báo lẫn nhau. Nếu suy rộng ra, một xứ như thế, một nước như thế, cho đến phổ biến khắp nơi, khi nhân quả chín mùi, bỗng nổi một niệm hung ác tạo ra tai biến lớn lao, đây là do nhiều đời nhiều kiếp tạo nhân mà thành. Muốn tránh khỏi tai kiếp lớn trước hết phải bỏ tham lam. Cái hành vi tham lam đều do tâm niệm con người phát khởi. Muốn biến tai kiếp thành an vui phải học gương đức Phật ở trong nhân địa, lúc hành đạo Bồ Tát đối với loài người đã xả bỏ đầu mắt não tủy, mặt mũi lưỡi răng để cứu người tai ách. Những trồng con mắt Phật xả bỏ, trải khắp đất của tam thiên đại thiên thế giới đến nỗi chẳng còn chỗ trống để cắm mũi kim.

Đối với loài chim bay, Ngài đã cắt thịt cho chim ưng ăn. Đối với loài thú chạy, Ngài đã xả thân cho cọp đói. Có một đời vì thương loài côn trùng, Ngài biến thành một con ếch để cho bầy kiến bao vây ăn thịt. Lúc ấy, có một con quạ vội quắp con ếch bỏ xuống nước. Con ếch không chịu và nói "Thà tôi chết để cho lũ kiến no. Tôi nếu xuống nước, cả bầy kiến đều chết". Đó là ngài ở trong loài sống dưới nước hành đạo Bồ Tát. Con quạ lúc đó là tiền thân của ngài A Nan. Bầy kiến là tiền thân của chúng La Hán. Con ếch là tiền thân của đức Phật.

Ước mong người học Phật đều ra tay xung phong tiến tới học hạnh Bồ Tát độ các hữu tình. Nếu có thể làm đến hai ngàn Bồ Tát độ một ngàn chúng sanh thì có gì là khó!

72. BỒ THÍ.

Bồ thí là một hạnh trong lục độ. Muốn hành đạo Bồ Tát độ tất cả chúng sanh, trước hết phải độ bằng cách bồ thí.

Phải biết, tâm bệnh của chúng sanh, dù là Phật sống hiện ra ở trước chúng sanh, nếu chúng sanh ấy vô duyên cũng chẳng muốn gặp Phật, dù Phật hiện các thần thông trước chúng sanh, chúng sanh cũng không muốn tin Phật. Sao vậy? Vì họ tưởng rằng đối với gia đình họ vô ích, đối với bản thân họ cũng vô ích. Dầu cho tướng hảo, thần thông của Phật mà gặp chúng sanh vô duyên, họ cũng khó sanh lòng kính tin nên bỏ qua chẳng màng đến. Người hành đạo Bồ Tát đối với kẻ vô duyên thì gieo duyên cho họ, họ không tiền thì cho tiền, họ không vật thì cho vật, họ không áo thì cho áo, họ không có ăn thì cho ăn. Các chúng sanh ấy nhớ đến cái ân đức cứu giúp, chẳng những đời này không quên mà đời đời kiếp kiếp cũng khó quên. Thế nên muốn độ chúng sanh cần phải hành bố thí để gieo duyên.

Người hành đạo Bồ Tát phải dùng Vô Tận Thí:

Như có người hận ta thì bố thí hoan hỷ. Có người phỉ báng ta thì bố thí vui vẻ. Có người trộm cắp của ta thì bố thí tiền của. Có người hại ta thì bố thí thân mạng. Có người đánh mắng ta thì bố thí nhẫn nhục. Thấy người không áo liền cởi áo trên thân mình để bố thí. Thấy người đói liền đem phần cơm mình cho ăn. Thấy người không tiền xe liền đem tiền giúp đỡ. Thấy người đánh nhau bèn vội khuyên can. Thấy cha đánh con liền dùng lời khéo an ủi. Thấy con ngỗ nghịch với cha liền ngăn trở. Thấy mẹ chồng độc ác đánh nàng dâu liền khuyên can ra cho nàng dâu chạy thoát. Thấy nàng dâu hỗn với mẹ chồng liền ngăn cản. Người hành đạo Bồ Tát không phân biệt tăng tục, nam nữ, chỉ cần trong thân ngoài thân đều bố thí hết. Ấy mới là cái hạnh bố thí của đại Bồ Tát.

73. TRÌ GIỚI.

Một chữ Giới chẳng những Tăng ni phải hành mỗi ngày, không được tạm lìa một khắc mà ngay cả mọi người ở thế gian cũng chẳng được tạm lìa. Sao vậy? Người tại gia có giới cờ bạc, có giới hút thuốc, có giới tà dâm, có giới lừa gạt, có giới sát sanh, có giới bất hiếu, có giới bất trinh, có giới uống rượu, có giới bắt từ (*bi*), có giới ngỗ nghịch, có giới bất chánh. Một chữ Giới này, đối với người tại gia thông dụng không thiếu, thiếu một điều không Giới, liền thành tệ hại.

Bậc xuất gia chúng ta đã thọ Tam đàn đại giới đàn hoàng, mười điều của Sa Di, hai trăm năm mươi điều của Tỳ Kheo, mười trọng bốn mươi tám khinh của Bồ Tát. Nếu giữ giới kỹ lưỡng, một chữ cũng không sót, không chút vi phạm thì công cũng chưa lớn. Phải từ giới vào định, do định phát huệ, phá ngu si, mở trí huệ, dựng pháp tràng, lập tông chỉ, mới là công lớn của Giới.

Ước mong người học Phật chúng ta mau đem Tam đàn giới bỏn ra xem qua nhiều lần, xét nét kỹ lưỡng, nghiên cứu sự quan hệ trong giới, danh nghĩa trong giới tướng, thấu triệt đúng như pháp thì mới biết trong cuộc sống hàng ngày của mình, ngoài việc giữ giới ra không có việc nào hơn nữa. Nếu lỡ phạm thánh giới, phải nói thật là phạm, chẳng nên che giấu. Che giấu ắt phạm thêm một giới vọng ngữ. Người lỡ phạm cũng chẳng nên sợ, chỉ sợ chẳng biết mình phạm hoặc biết mà chẳng sám hối, thì ngàn Phật cũng chẳng thể cứu. Nếu phạm liền sám hối, sám hối rồi vĩnh viễn không còn tái phạm thì sám hối mới diệt được tội. Nếu sám rồi chẳng hối cải, vẫn tạo tội phá giới như cũ thì không cứu được. Phải biết, cái công tự mình trì giới còn là nhỏ, cái công khuyên người trì giới mới là lớn.

74. NHẪN NHỤC.

Người đời thường nói “Chữ Tha Thứ cao không bằng chữ Nhẫn Nhục, chữ Nhẫn Nhục trên tâm như một cái dao”. Lời này thật không sai.

Phạn ngữ Ta Bà, Trung Hoa dịch là Kham nhẫn, nói thẳng tức là thể giới nhẫn nhục. Nếu có thể nhẫn được mọi việc, nhẫn được mọi nơi mọi lúc thì tự có thể từ nhẫn vào đạo, Phật ở nhân địa bị vua Ca Lợi chặt cắt thân thể ra từng mảnh được thành hạnh nhẫn, được gọi là nhẫn nhục tiên non, chứng được hạnh nhẫn nhục trong lục độ. Chúng ta đang hành đạo nhẫn nhục, như muối đậu trên đầu cần ta đau chẳng thể nhẫn, phải nhịn cho nó cần no rồi bay đi, còn sẵn sàng muốn nó đến cần nữa, đó là nhẫn nhục thành. Lúc tọa hương hoặc lạnh hoặc nóng chẳng màng, chỉ muốn nắm chặt công phu không để mất, đó là nhẫn thành. Hoặc người ở đơn bên cạnh hôi nách, mồ hôi chua, thân hôi, miệng thúi, chân hôi, nên xem là mùi hương, nghĩ là hương vị lâu ngày chẳng chán, đó là nhẫn thành. Trụ Tông Lâm, bị các vị chức sự ức hiếp, càng ức hiếp chẳng những thân không vọng động mà ngay cả niệm cũng không vọng động, đó là nhẫn thành. Vị chức sự hoặc đánh ta mắng ta, chẳng những ta chẳng nổi phiền não, lại còn sanh tâm hoan hỷ, một khi qua rồi thì thôi, đó là nhẫn thành. Quần áo, đồ vật bị người ăn cắp, thà mặc áo rách hay ở trần cũng không nổi phiền não, không thấy lỗi người, đó là nhẫn thành. Như tâm dâm nổi dậy mạnh mẽ, liền cần chặt hàm răng tham thiền, thề rằng:

"Nếu ta dùng tâm dâm dục với người, nguyện sanh xuống địa ngục, hoặc mù hai mắt, hoặc thô huyết mà chết". Lại, hoặc có người muốn phá giới thể của ta, thà đưa đầu cho người ta chặt, chứ ép ta phá giới thì chẳng được, đây gọi là đại nhẫn. Hoặc có người dụ dỗ ta ăn thịt uống rượu, ta thà ăn cứt, uống nước đái chớ chẳng ném một chút rượu thịt, đây cũng gọi là chân nhẫn vậy.

75. TINH TẤN.

Hai chữ Tinh Tấn quan hệ rất lớn, tinh tấn của hành đạo, tấn đạo mà hành ắt thành Tứ thánh, thoái đạo mà hành ắt thành lục phàm. Như người đi đường, bắt đầu từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người, tu la, cõi trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, mỗi con đường một trăm dặm, mười con đường là một ngàn dặm. Chúng ta ở cõi người, trước có sáu trăm dặm, sau có ba trăm dặm, hướng tới trước tinh tấn đi vào chỗ vui, hướng về phía sau tinh tấn đi vào chỗ khổ. Hướng về phía trước hay phía sau đồng một tinh tấn, người tu hành cần phải xét kỹ mới được. Chẳng gắng tinh tấn ắt nhiều biếng nhác. Cái tệ của biếng nhác, không tiến tới thì sẽ thụt lùi, lâu ngày như con thuyền bị nước cuốn trôi xuống phía dưới (*địa ngục*), cho nên cần phải xét đúng sự thật, lựa chọn hành vi.

Chư Tăng chúng ta đối với các việc trái phép, phá giới, chẳng nên làm, việc lợi người giúp vật phải nên làm. Náo loạn Tông Lâm, trái phạm với chức sự chẳng nên làm. Tham thiền sâu, phát khổ hạnh phải nên làm. Điều chẳng nên làm phải răn chừa, điều nên làm phải cố gắng thì đối với hai chữ Tinh Tấn mới chẳng dùng lầm. Bằng không thì đối với giới sát, thấy con rệp chẳng dùng nước sôi dội nó thì cũng dùng dầu lửa để tưới nó, thật là tinh tấn của người phá giới sát. Kẻ tinh tấn phá bốn giới sau, theo đây suy ra thì biết.

Đạo niệm của người tu hành, thế nào là tinh tấn? Thế nào là biếng nhác? Người dụng tâm niệm niệm không gián đoạn, chẳng cho có một máy may tạp niệm, thực hành lâu ngày như thế gọi là chân tinh tấn. Nếu ban đầu đạo niệm kiên cố tinh nhuệ, kế đó lười biếng lơ lửng, rồi đến gián đoạn thôi nghỉ, đây gọi là biếng nhác. Nếu tinh mà chuyên tâm, tấn mà chẳng thôi, tức là tinh tấn vậy.

76. THIÊN ĐỊNH.

Chỉ tu thiên-duyệt sanh lên cõi Trời Tứ Thiên, chỉ tu không-định sanh lên cõi Trời Tứ Không, tu cả hai thiên và định sanh lên 18 lớp của cõi trời sắc giới.

Thiên định của Thiên Tông, tiếng Phạn là Thiên Na, Trung Hoa dịch là Tịnh lự. Phải biết, tịnh lự tức là thiên, toàn thiên tức là định. Công của tịnh lự chẳng phải cạn cợt dễ thấy, dễ biết đâu! Cần phải trước tiên trong thân, ngoài thân chẳng khởi tướng động, rồi sau đó trong tâm ngoài tâm chẳng sanh tâm động. Tâm động chẳng sanh, tâm ấy tự tịnh. Tịnh này do thân tịnh tâm tịnh rồi sau đó là tịnh lự, do lự rồi sau mới được định, chẳng phải đình chỉ cái tịnh lự rồi mới thành định, lại cũng chẳng phải thân tâm bất động mới gọi là định. Chân tướng của định này là do công của tịnh lự làm đến. Toàn tịnh lự tức là định, toàn định tức là tịnh lự. Thiên Tối Thượng Thừa của Tổ Đạt Ma và Lục Tổ nói là thiên này vậy.

Thế nên người tham thiên chẳng được ngưng niệm, ngưng niệm tức đồng quán chiếu. Công phu của quán chiếu là không cho một niệm khởi. Công phu của tham thiên là không cho một niệm ngưng (*giữ nghi tình*).

Phải biết, một chữ Thiên như cha sanh ra Phật, Tổ, một chữ Định như mẹ sanh ra Phật, Tổ, cho nên Kinh nói “Mười phương chư Phật huệ đều do thiên định sanh” là vậy. Kẻ bàng quan nhìn thấy người khắp thế gian trần lao lẫn lộn, nghiệp thức mê mang, làm sao cho nó hết được? Nếu có thể quay đầu, ngay đó liền giác (*phá Sơ Quan*) thì mới là nhập vào biên giới của thiên định. Lại giác nữa (*phá Trùng Quan*) ắt biết việc làm trước kia đều quấy, ngày nay đều phải. Nếu mọi người nếm được một chút ý vị của thiên định thì e không muốn làm người thế gian nữa!

77. TRÍ HUỆ.

Trí hay phá ngu, huệ hay phá si. Ngu tức là tâm của người, si tức là thân của người. Trí như mặt trời, huệ như ánh sáng. Trí là cái thể mặt trời, huệ là cái dụng ánh sáng. Hai chữ Trí Huệ, đem đồng vàng bạc thất bảo đầy cả hư không đổi nó cũng chẳng thể được. Trí huệ tuy quý hơn thất bảo đầy cả hư không, song chỉ có một mình Phật có thể nói là đầy đủ, ngoài ra ai cũng kém hơn. Đạo của trí huệ cố nhiên người đời chẳng so bằng. Hàng chư tăng chúng ta là những người phải tu huệ nghiệp mà còn chẳng biết trí huệ là vật gì, thật chẳng đáng than thở ư!

Phải biết, trí huệ này hư không chẳng thể bao bọc nó, đại địa không thể chứa đựng nó, nhà cửa không thể nhốt nó, cơm ăn áo mặc không thể nuôi nó. Dầu cho hư không có thể treo một hạt bụi, trí huệ cũng chẳng dính một vật nào. Ở đây hai chữ Trí Huệ là mượn làm đề mục để lập ngôn, ngoài ra, thiên đường, địa ngục, các loài sống dưới nước, trên đất, trong hư không, hữu tình, vô tình, đều là mê trí huệ, theo ngu si, tùy nghiệp tạo thành, vốn không có căn cứ chân thật, cho nên Phật nói “Nếu người phát chân quy nguyên (*kiến tánh*) thì mười phương hư không thầy đều tiêu mất”. Thử hỏi “Hư không còn phải tiêu mất, tất cả các thứ đặt để ở chỗ nào?”

Muốn biết cội nguồn của trí huệ, thực không thể chỉ ra vì da mặt lỗ mũi của ta, xương của con chó, đuôi của con bò, lỗ tai của Phật, cho đến gạch ngói sỏi đá đều là chỗ ẩn thân của trí huệ, muỗi mòng rận rệp đều là chỗ cội nguồn của trí huệ. Người ngộ trí huệ thành chư Phật, kẻ mê trí huệ thành chúng sanh. Người còn ở địa vị học đạo cần phải chú ý.

78. HỖ XẢ.

Hỷ xả là một trong Tứ-nhiếp-pháp (*bổ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự*) của Bồ Tát. Xả cần phải hỷ xả, nếu xả mà chẳng hỷ, chẳng gọi là chân xả, nếu hỷ mà chẳng xả, cũng chẳng gọi là hỷ xả.

Người hành đạo Bồ Tát, như có người muốn xin một tròng con mắt ta để làm thuốc, ta liền vui mừng móc tròng con mắt ra, dùng giấy gói lại, hai tay đưa cho họ, chẳng thấy đau đớn, còn an ủi họ rằng “Nếu ông cần thêm xin hãy đến, ta sẽ biếu ông một tròng nữa”. Khi ấy, dù thí hai con mắt mà xem như việc bình thường, không tỏ ra một chút tương khổ hay khó chịu đối với họ. Lại chẳng nên nói với họ là ta học đạo Bồ Tát. Tự hành cũng dạy người hành, dần dần dạy khắp người thế gian hành. Có thể làm đến mức người thí mắt nhiều, người xin mắt ít, như thế thì chúng sanh khắp mười phương thế giới có hy vọng độ hết.

Pháp xả của hỷ xả tròng con mắt như vậy, pháp xả tất cả các căn cũng như vậy. Ta xả như thế, ước mong tất cả Phật tử cũng xả như thế.

Phải biết, chúng sanh dù vô biên nhưng chẳng ở ngoài hư không, chúng sanh nhiều đến mức nào chúng chỉ ở trong một hư không, nếu thêm một người xả tròng con mắt thì bớt đi một chúng sanh, thêm ngàn người xả tròng con mắt thì bớt đi ngàn chúng sanh, lâu ngày sẽ bớt đến hết vậy.

79. ÁI NGỮ.

Ái ngữ là đạo của Bồ Tát phát tâm mang hình thức của các loài để độ chúng sanh. Thật ra khẩu nghiệp của con người có bốn thứ đều đưa mình xuống địa ngục. Bốn thứ này là: Vọng ngôn (*nói láo*). Ý ngữ (*thêu dệt*). Ác khẩu (*chửi mắng*). Lưỡng thiệt (*chia rẽ*). Bốn thứ này ở trong loài người không thiếu một thứ nào. Cho nên Bồ Tát muốn cho tất cả chúng sanh tròng hạt giống lành của Phật, thường dùng lời từ ái để lợi ích hữu tình. Cuộc đời làm việc của chúng ta thành công ít mà thất bại nhiều đều do không có ái ngữ. Như người học thính khai thị không có ái ngữ, lạy ba lạy xong, nói “Thầy hãy nói cho tôi nghe cách dụng công phu”. Lời này chẳng cung kính, làm động niệm Thiện tri thức. Người có ái ngữ sẽ nói “Xin Hòa Thượng từ bi con là kẻ hậu học khổ não chẳng biết dụng công, thỉnh Hòa Thượng dạy bảo”. Đây là ái ngữ, là lời cung kính thính pháp.

Bậc trên đối với cấp dưới không có ái ngữ, dụ như có người xông vào liêu phòng, thấy mặt liền mắng “Cái thằng này làm loạn liêu phòng, bắt gặp mi một lần nữa, ta đánh cho một trận”. Lời lẽ thô ác, tướng mạo hung hăng, làm cho người phạm lỗi sợ hãi chạy trốn.

Nếu người có ái ngữ, thấy người xông vào liêu phòng, sẽ nói "Ông nên ở lại liêu phòng mình dụng công, siêng năng học tập, chớ phạm quy củ, lần sau không nên xông lạn vào liêu phòng người khác nữa". Lời lẽ ôn hòa tiếng nói êm tai khiến cho người phạm lỗi nghe qua vừa buồn vừa ửng, tự biết hổ thẹn.

Đạo của ái ngữ, chẳng phải ái ngữ của tình dục thế gian có thể so sánh. Người học đạo chớ nên hiểu lầm.

80. LỢI HÀNH.

Lợi hành là đạo của Bồ Tát làm việc lợi ích chúng sanh. Người ngộ đạo là Bồ Tát, người chưa ngộ đạo mà làm cái hạnh đồng với hạnh Bồ Tát cũng được Bồ Tát. Theo thứ lớp, đầu tiên hỷ xả, dùng tài vật để kết duyên, kế dùng ái ngữ để kết duyên, rồi dùng lợi hành để kết duyên.

Lợi hành có hai thứ :

1. Trợ giúp người hành đạo là lợi hành.
2. Lợi tất cả người là lợi hành.

Trợ giúp người hành đạo: như người muốn ở Tòng Lâm, không có y áo, không có lộ phí, thiếu giới điệp, thiếu hành trang, Bồ Tát tìm cách cho họ áo chăn của mình, bán y bát của mình cho họ làm lộ phí, đem giới điệp của mình cho họ dùng, đem cả gánh hành lý của mình cho họ. Chỉ lo cho người ấy đầy đủ, chẳng màng đến sự cần dùng của mình, thành tựu cho người ấy đầy đủ hành lý vật dụng không chút bòn xén. Nếu có người khác cũng phát tâm ở Tòng Lâm thì cũng thành tựu cho họ giống người trước không có một niệm chán nản.

Lợi tất cả người: Bồ Tát vì lợi tất cả chúng sanh khiến cho mọi người hoan hỷ an vui, lấy cái lợi của mình để làm lợi cho người, lấy cái pháp của mình đã ngộ đem dạy người, lấy cái hạnh của mình làm tập cho người làm. Người có trái đạo, khuyên họ hồi cải. Người có biếng nhác, khuyên khích họ siêng năng. Người có phá giới, an ủi họ giữ giới. người có lui sụt, khuyên họ tiến tới. Gặp người chán đời thì khuyên giải họ, khuyên người làm con hiền thảo, khuyên người hiểu sắc giới sắc khuyên người phân nghịch quy chánh.

Phải biết, tự mình hành đạo là công nhỏ, khuyên người hành đạo là công to, thế nên cái đạo lợi hành vô tận vậy.

81. ĐỒNG SỰ.

Bồ Tát muốn độ tất cả chúng sanh phải dùng Tứ nhiếp pháp để nhiếp họ.

Đồng sự có hai:

1. Tự làm việc độ chúng sanh và giáo hóa người khác làm việc độ chúng sanh, đồng là một sự.
2. Dùng pháp giáo hóa mà chúng sanh chẳng nhận thì phải tùy hình hóa độ tùy vật hóa độ, đồng là một sự.

Cũng như muốn độ người ăn xin thì phải cùng người ấy làm nghề ăn xin để độ họ, muốn độ người làm nghề hạ tiện thì phải cùng người ấy làm nghề hạ tiện để độ họ, cho đến muốn độ con heo thì cũng đầu thai làm con heo để độ.... gọi là đồng sự nhiếp. Ngoài ra, những việc độ chúng sanh khác, theo đây suy ra mà biết.

82. LẬP CHÍ HƯỚNG THƯỢNG.

Chí hướng thượng của người đời chẳng qua đi học sách thánh hiền. Chí hướng thượng của sự đi học chẳng qua được làm quan. Chí hướng thượng của làm quan chẳng qua được lên chức. Đây nói hướng thượng, chẳng nên hướng hạ vì hướng hạ không có con đường tiến thân.

Lại như người đi xin cơm nếu có chí hướng thượng thì thà chết đói bên đường chứ chẳng chịu ăn trộm ăn cắp. Do có chí này nên tự nhủ “Ta học hành vi của người tốt, thà chết đói dọc đường chứ không xin cơm”. Người đời thấy gã nghèo cùng này tâm niệm chánh đại, thân không làm bậy ắt thuê làm công, dần dần tiến lên, chẳng bao lâu thành người giàu sang. Sao vậy? Vì tuy là kẻ nghèo đi xin cơm nuôi sống nhưng có chí hướng hơn người, nên có sự quang vinh này. Nếu hướng hạ thì tệ hại không thể tưởng.

Hàng tăng sĩ chúng ta nếu hàng ngày chỉ biết ứng phó kinh sám, đến lúc làm Phật sự một chút cũng không biết bị người chủ trì cảm thức đập mạnh xuống bàn, liếc mắt một cái thì người ấy biết rằng cái chùa nhỏ này không ở lâu được, rồi liền lập chí quyết định đầu chết chẳng những không làm kinh sám, mà cả mào Tỳ Lư cũng chẳng còn muốn đội nữa. Thà ở Tông Lâm mà chết, chứ chẳng ở chùa tu mà sống, đây là chí hướng thượng vậy.

Lại có người trụ Tông Lâm suốt ngày để thời gian trôi qua, lâu ngày đạo niệm mỗi ngày một giảm, tập khí mỗi ngày một tăng. Kẻ tiểu căn khi nghiệp thức nổi lên thì trời đen đất, nên phạm quy củ, liền bị đuổi ra, nghĩ lại sao mà ngu quá, hận mình không có chí hướng thượng. Người đại căn ở lâu ngày thấy đối với mình vô ích, với đạo toàn trái, một mai mạnh mẽ lập chí xung thiên, nhờ một chén cơm của Tông Lâm nuôi ta tu đạo. Như vậy, dù chết cũng chẳng theo tập khí lưu chuyển, triệt để sửa lỗi, suốt ngày lấy đạo làm niệm. Bằng không cứ ý lại Tông Lâm nuôi thân mình mà không có chút đạo niệm, thành kẻ hướng hạ. Nay quyết tử vì đạo, đó là lập chí hướng thượng.

83. TRỪ BIẾNG NHÁC.

Trừ biếng nhác là điều thế gian xuất thế gian đều phải có. Biếng nhác là chất độc của thành công. Muôn việc ở đời nếu dính nhám hai chữ Biếng Nhác thì việc làm đó giả sử có thành công cũng nhất định là không tốt đẹp, người ta thường nói là chưa đạt đến mức hoàn mỹ.

Lại như lên núi lấy ngọc báu, phần chần tinh thần còn chẳng phải dễ đến, giả sử có biếng nhác chẳng những của báu thuộc về tay người mà tánh mạng cũng bị vùi chôn dưới núi, đâu có cái kho nào bằng! Phải biết hai chữ Biếng Nhác là vật độc ác hơn hết của thế gian. Làm việc gì, hễ có biếng nhác kề cận thì chắc chắn việc ấy hỏng.

Chúng ta học hành đạo Bồ Tát, ở trên việc lợi sanh chịu khổ giống như trên thân bị giao nhỏ cắt thịt hằng ngày, mỗi việc đau đớn, mỗi ngày đau đớn còn chẳng chán sự khổ não, đây đủ tinh thần chẳng màng đến thân, làm cho người vui, khiến cho người tin. Hơi có đáng lười mỗi chẳng những việc độ người chẳng được mà tâm độ sanh cũng khó phát khởi.

Việc tham thiền cũng vậy lúc mới bắt đầu, sức tin chân thiết, sức thân hùng tráng, ngày ăn một bữa, đêm không nằm ngủ, trải qua ba năm lại kết bạn cùng quý biếng nhác, tự mình làm chướng ngại mình. Chẳng nói “Đạo chẳng phải là việc một ngày”, thì cũng nói “Phải đều thân cho tất rồi thùng chẳng hành đạo cũng được”. Lại nghĩ rằng “Còn thời gian dài ba mươi năm lo gì chẳng xong”. Chẳng dè đã bị quý Biếng Nhác làm mê, tự chẳng hay biết, trái lại còn cho cái tư tưởng thôi đạo là phải. Đâu chẳng nghe sách Nho nói “Đạo, chốc lát cũng không thể rời, rời được thì chẳng phải đạo”. Thử hỏi “Người tham thiền nên biếng nhác ư? Nên tinh tấn ư?” Cổ Đức nói “Sáng siêng năng, chiều biếng nhác, chẳng những đạo chẳng thành mà người cũng bị cuốn theo dòng thể tục”.

84. CUNG KÍNH.

Cung là lễ phép với người, Kính là trọng lời người dạy, ấy gọi là Cung Kính. Người đời không có cung kính thì không có lễ độ. Lễ độ thiếu thì luân thường ắt rồi loạn. Hai chữ Cung Kính là cái chìa khóa rất lớn trên thế giới, an nhân tâm, chẳng nên có khoảnh khắc lơ lửng. Chúng ta phải gắng sức thực hành hai chữ Cung Kính, chẳng nên bỏ qua. Sao vậy? Người xưa nói “Chúng sanh khắp mười phương đều là cha mẹ

quá khứ của ta, cũng là chư Phật vị lai, ta lại là cha mẹ quá khứ của họ, là chư Phật vị lai của họ". Người biết được ái lý làm cha mẹ lẫn nhau, làm chư Phật lẫn nhau thì thế giới này thành thế giới Phật, đâu có kiếp nạn chiến tranh, nước lửa xoay vần, lại đâu có tội lớn sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ để tạo. Nếu ai cũng nhận định mọi chúng sanh đều là cha mẹ của ta, đều là chư Phật vị lai thì đời nào mà chẳng thiện, người nào mà chẳng tốt.

Chúng ta là người học hạnh Bồ Tát, cần phải học gương của đức Thích Ca lúc ở nhân địa làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, thấy người đang bắn chim, ngài liền lễ bái nói "Tôi chẳng dám khinh ông, ông sẽ thành Phật". Chư Phật, Ngài nói rất to tiếng. Người săn bắn thấy ngay lại mình, khâu súng bắn chẳng trúng đích, giận thấu xương tủy, xua đuổi vị Bồ Tát này. Con chim nghe tiếng súng bay đi mất, như vậy cứu được hai mạng. Vì sao? Người săn bắn nghe được tiếng Phật thì huệ mạng được cứu, con chim nghe tiếng súng bay đi nơi khác, thì thân mạng được cứu. Lại gặp có nhiều người đánh lộn, Bồ Tát liền nhảy đến ôm, nói "Xin các ông hãy đánh tôi". Những người đánh lộn nghe nói như thế bèn giải tán. Nếu có người đánh Ngài, Ngài đập đầu lại nói "Tôi chẳng dám khinh ông, ông sẽ thành Phật". Nếu có người dùng đá ném Ngài, Ngài cũng nói "Tôi chẳng dám khinh các ngài, các ngài sẽ thành Phật". Người khắp thế gian học được hạnh của vị Bồ Tát này thì đạo cung kính thông đạt vậy.

85. CÚNG DƯỜNG.

Cung phụng thức ăn nuôi dưỡng thân tâm cho nên gọi là cúng dường. Lúc Phật tại thế, Ngài giáng sanh dưới cây Vô Ưu, thành đạo dưới cội Bồ Đề, thị tịch ở giữa hai cây Sa La, tiêu biểu một đời thành Phật chưa từng ở quá phòng tư của mình, giảng đường, tịnh xá đều do vua quan cúng dường. Mỗi ngày vào thành khát thực hiện thị một đời thành Phật tự mình chẳng dự bị bếp núc, mà đều do cư sĩ, Bà La Môn cúng dường. Tự chẳng cất nhà ở, chẳng trồng trọt ăn, chẳng dệt vải mặc, mà đều để cho người cúng dường cầu phước huệ.

Chúng ta là người học hạnh Bồ Tát phải cúng dường như thế nào? Người không có cơm áo, giảng cho họ biết về báo ứng của không có cơm áo, ấy là chân cúng dường. Người chết yểu hoặc nhiều bệnh khổ, giảng cho họ biết về nhân duyên giết hại. Người nhiều nghèo nàn khốn khổ, giảng cho họ biết về nhân duyên tham lam bòn xén. Người nhiều ái dục giảng cho họ biết về quả báo thân thể xấu xí. Người nhiều tai nạn nước lửa giảng cho họ biết về quả báo giận hờn. Người phỉ báng Tam Bảo, giảng cho họ biết về quả báo đọa địa ngục. Người tin xuất gia, giảng cho họ biết về nhân duyên tam thế (*quá khứ, hiện tại, vị lai*). Người chẳng tin trụ Tông Lâm, giảng cho họ biết về nhân duyên bỏ mất cơ hội. Người nhiều niềm tin trụ Tông Lâm, giảng cho họ biết về nhân duyên Phật pháp.

Đã nói chân cúng dường, sao chẳng dạy người xả thân cúng dường, hoặc lóc thịt cúng dường. Phải biết, trong các sự cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết. Thân cúng dường chỉ đem lại cái vui nhất thời, còn pháp cúng dường khiến thành Phật đạo. Lại, La Hán thần thông rộng lớn vô cùng mà chẳng thể làm cho người liễu sanh tử, thoát luân hồi. Thế nên, thần thông chỉ có thể lợi mình mà chẳng thể lợi người. Bồ Tát thuyết pháp, đã có thể lợi người, lại có thể lợi mình, mình người đều lợi, đây là chân cúng dường vậy.

86. TÁN THÁN.

Tán là ca tụng công, Thán là ngợi khen đức, ấy gọi là Tán Thán. Công của tán thán lớn không gì so bằng. Sao vậy? Như Phật xuất hiện trên đời, người nêu chẳng tin, làm

sao chịu cho Phật độ. Vì thế cần phải có người ca tụng công đức của ngài, khiến cho người tin thì mới được độ. Dù Phật phải khổ hạnh trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp cho đến thành Phật, người đời cũng chẳng biết Phật là ai, làm sự nghiệp gì. Cho nên cần phải nhờ Chư Thiên và loài người tán dương ca tụng, người đời mới biết tướng Phật tốt, tiếng Phật hay, do đó tin phục, rồi sau Phật chuyển pháp luân, những người có duyên mới được độ thoát.

Như hai người đi ra ngoài hóa duyên, đến chỗ dân cư đông đúc, phải có một người khen đạo của người này, đức của người này, sau đó mọi người mới quy y, kính tin, cúng dường, lễ bái. Lại như Tông Lâm hưng thịnh cũng phải nhờ người mà thành, ví như có nhiều người khen lịch sử Tông Lâm rất tốt, người trụ trì giỏi, dẫu cho có người muốn khuấy phá nhưng đương nghe qua những điều hay đó ắt sanh chút lòng tin, phải ngưng ý xấu thì Tông Lâm ắt được bảo toàn, đây đều do công tán thán.

Lại như chỗ dở của người kia như thế nào không biết, mà có người khen rằng “Người đó tốt như thế này, tốt như thế nọ”. Người ác nào nghe nói người kia, dù một điều tốt, thì việc ác của họ ắt bỏ, tâm ác ắt đổi. Dù nói vậy, nhưng hai chữ tán thán không phải đùng ai cũng dùng, người có công thì tán thán, người có lỗi thì im lặng, chẳng nên đều tán thán. Như người muốn phá giới, làm ác, chẳng nên tán thán, chỉ nên cản ngăn, chẳng nên chê bai, vì chê bai thì mình cũng có lỗi vậy.

87. ẨN GIẤU ĐIỀU ÁC, PHÔ DƯƠNG ĐIỀU THIỆN.

Ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện là thành tựu cái đức hạnh cao tột cho người. Duy có một mình Phật là người đại thiện, kể đến Bồ Tát, rồi La Hán còn những người khác dù tận thiện mà chẳng thể tận nỹ.

Như người có tâm ác, vội đem tâm ác ẩn giấu lâu ngày không cho nó động, hễ động đều là niệm thiện.

Một người như vậy, người khắp mười phương cũng như vậy, thì đâu có người ác. Nếu một người có việc ác, mọi người thấy đều giấu cho, mọi người nghe đều ẩn cho lâu ngày thì chỗ người ta thấy đều là việc thiện, chỗ người ta nghe đều là tiếng lành. Một người như vậy, mọi người cũng như vậy thì đâu có việc ác. Việc ác của một người được người khác ẩn giấu thì việc ác của mọi người đều được ẩn dấu lẫn nhau, khắp thế gian chẳng thấy có một việc ác. Cái thiện của thế gian chẳng phải tự nó thiện mà trước tiên phải từ tâm người chuyển tâm ác thành tâm thiện, hóa việc ác thành việc thiện, do đó khắp thiên hạ đều được thiện vậy.

Chúng ta là người học hạnh Bồ Tát, như có người muốn bắt kẻ giết heo để định tội, người thân của mình để báo thù, kẻ giết heo trốn ở chỗ Bồ Tát. Người đi bắt hỏi “Có kẻ giết heo trốn ở đây chăng?” Bồ Tát đáp “Không”. Rồi hỏi “Giết heo phạm tội gì? Bắt hẩn để làm gì?” Người đi bắt đáp “Giết heo quá nhiều, cho nên định tội”. Bồ Tát đáp “Tội giết nhiều heo thì nhỏ, tội giết một người thì lớn. Tôi khuyên ông chẳng nên bắt hẩn thì mới khỏi có người khác bắt ông”. Bồ Tát khuyên giải hai người như thế khiến họ hối cải xuất gia tu đạo. Đây là đại Phật sự ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện.

Người ở chốn Tông Lâm thấy người có tập khí xấu, ẩn giấu đi mà chẳng nhớ. Dẫu cho có người hỏi cũng chẳng nói. Người nếu trách thì cũng cứ ẩn giấu điều ác của người kia, mà chỉ phô dương điều thiện. Như vậy, người trên phô dương điều thiện của kẻ dưới, kẻ dưới ẩn giấu điều ác của người trên. Ẩn giấu lẫn nhau, phô dương lẫn nhau chẳng những đạo thành, Tông Lâm hưng thịnh, mà đạo Bồ Tát được thực hành mãi. Lại thường nói “Muốn được Phật pháp hưng thịnh thì tăng phải tán thán tăng”.

Đây là yếu tố khiến cho Tam Bảo trụ lâu ở đời.

88. TRỪ PHỈ BÁNG.

Phỉ báng là điều bất thiện hơn hết. Đề Bà Đạt Đa phỉ báng Phật, chưa chết mà bị đọa địa ngục A Tỳ, tỳ kheo Vô Văn phỉ báng pháp đang sống mà bị đọa địa ngục, vua Luru Ly hại tăng chưa chết mà bị đọa xuống hầm lửa, tỳ kheo ni Bửu Liên phỉ báng giới, chưa chết mà bị đọa địa ngục A Tỳ. Chưa chết mà bị đọa nghĩa là việc ác vừa làm xong, hoặc lời nói ác vừa nói xong thì ngay chỗ đang đứng đất nứt ra, rơi xuống đáy sâu vô biên, toàn thân xuống thẳng địa ngục A Tỳ như quả cân rơi xuống biển một mạch thẳng đến đáy.

Luận về mức nặng nhẹ của sự phỉ báng, như thấy người thật có vi phạm cấm giới của Phật, hoặc làm việc trái nhân quả, thấy rồi lại thấy, nghe rồi lại nghe, nhiều lần chỗ thấy nghe không chút lầm lẫn, im lặng chẳng nói thì không có lỗi. Nếu phỉ báng cũng chẳng phạm tội đọa, chỉ phạm tội phá hòa hợp tăng, tội này nhẹ hơn tội đọa A Tỳ. Nếu người thật không vi phạm mà phỉ báng họ thì người phỉ báng ấy nhất định bị đọa địa ngục.

Phật pháp hiện thời mọi người đều tán thán còn có chỗ âm thầm lo lắng, hưởng là phỉ báng mù quáng, khiến cho mình trong tương lai không có đất an thân. Xin người ưa phỉ báng hãy mau tỉnh ngộ.

89. DỨT TRANH CÃI.

Dứt tranh cãi là việc làm cần kíp trước mắt. Hiện tại cách Phật sau hai ngàn năm trăm năm, chính là lúc mở đầu cho thời kỳ đấu tranh gay gắt, làm cho thế giới cùng thế giới tranh, người với người tranh, tranh lâu ắt loạn. Xét tận gốc của nó chẳng ngoài tự tâm, do vì tâm đạo đức càng kém, tâm nhân ngã càng to. Nếu có thể xem việc đời như mây trong hư không lúc tụ thì có, khi tán thì không, quán mình, người như hoa mùa xuân, mới nở thì đẹp đẽ, tàn rụng thì như bùn nhơ, hễ đối xử người như mây như hoa thì người nào chẳng nhường nhịn được, việc nào chẳng bỏ qua được. Đến đây, có được bậc thượng sĩ xuất sắc khéo hòa giải đấu tranh, thấy người cãi cọ đánh nhau, dịu dàng khuyên giải. Hoặc người vu oan ta quấy, ta phải tùy họ để xử trí. Người cả đời chẳng thích đấu tranh, nếu người khác muốn tranh thì cho hết phần mình để họ khởi đầu tranh. Người nói ta tốt, chẳng thấy vui, người nói ta xấu chẳng thấy buồn. Người chê bai ta, ta chẳng chê bai người. Người tìm ta đấu, ta chẳng tìm người đấu. Như vậy, danh tiếng lợi dưỡng đều nhường cho người, ta chẳng tranh giành. Danh tiếng lợi dưỡng của ta có, người muốn tranh với ta, ta đều cho họ. Hai bên nhường nhau, làm gì có tranh!

Người nói ta phá giới, ta chẳng đỏ mặt cũng chẳng giải thích, trái lại coi người ấy là bạn tốt giúp tăng đạo niệm cho ta. Người muốn y bát đồ đạc của ta, ta lượng sức xả cho. Người muốn tánh mạng ta, ta xả cho họ, nếu không thể xả thì cũng không động niệm. Buồn thay! Do vì chấp ta nên mới chấp người, giả sử người tranh, ta cũng tranh, ắt bị thế gian chuyển. Người tranh ta không tranh thì chuyển được thế gian. Muốn đập vỡ sự tranh cãi, trước tiên phải vô ngã. Thử hỏi: Ngã làm sao mà vô? Thực ra, chẳng phải diệt ngã rồi thành vô, mà chỉ cần xem mọi người như ruột thịt, nguyện người hữu ta vô, người giàu ta nghèo thì tâm ta mới. Ngã là cái nhà của đấu tranh. Vô ngã là then chốt để dứt đấu tranh. Mọi người đều vô ngã thì đấu tranh làm sao có? Người làm được như thế đến chết không thay đổi thì đến giai đoạn làm được như thế đến chết không thay đổi thì đến giai đoạn cuối của thời mạt pháp, trở lại thế gian này dùng Phật pháp giáo hóa khắp nơi, dầu thời thế như thế nào cũng chẳng bị chuyển.

Thật là đứa con ngoan của Phật Thích Ca.

90. BA ĐIỀU THƯỜNG KHÔNG ĐỦ.

Ba điều thường không đủ là: Mặc không đủ, ăn không đủ. Ba điều này thường sung túc thì trái với đạo. Ba điều này thường không đủ thì tương ứng với đạo.

Người tham mặc đẹp là trọng thân, yêu thân. Cái thói quen thích đẹp mắt xưa nay chẳng thay đổi là cái tập khí căn bản. Thử nghĩ: Thời thượng cổ lấy vỏ cây, lá cây làm quần áo, mọi người đều như vậy, đối với thân sao mà nhẹ thê, đối với dục sao mà khinh thê! Dầu cho kiếp giảm, thân người yếu đuối cũng chỉ nên giữ cho thân chẳng bị lạnh nóng là đủ rồi. Như vậy chẳng những hợp với đạo mà cũng ít tốn tiền, tốn công thế gian. Chẳng nghĩ, ta mặc đồ đẹp người thấy ta mừng, mừng rồi thì ra sao? Ta mặc đồ xấu, người thấy, ta buồn, buồn rồi thì thế nào? Buồn thay! Con người thường tình chỉ biết cái vui trước mắt mà chẳng biết sau khi vui rồi ra sao? Thật là một sự đau khổ lớn lao ở trong tương lai mà họ không hiểu. Nếu quả mượn thân này tạm dùng để lo hành đạo thì đâu có ưa mặc đồ tốt!

Ăn chẳng đủ, chúng ta ở chỗ chẳng cấy trồng mà có ăn thì phải nghĩ đến chỗ sản xuất. Người xưa nói:

Hạt gạo của thí chủ,
Lớn bằng núi Tu Di.
Nếu người không liễu thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Việc này rất đáng sợ hãi. Nghĩ đến đó, chẳng những không ăn đồ ngon mà đồ dở cũng chẳng dám ăn nhiều. Sao vậy? Ăn nhiều ắt phải trả nợ nhiều. Người hành đạo suốt ngày chuyên tâm khắc khổ tham cứu, lấy đạo làm niệm, người xưa nói “Tác hương (tọa hương, đi hương) tiêu được đầu vàng” cũng chẳng hư dối. Bằng không thì máy may hệ niệm là nghiệp nhân của tam đồ (địa ngục, ngã quỷ, súc sanh). Than ôi!

Ngủ chẳng đủ, chính là phòng theo quy củ thiên đường. Từ khởi nén hương dưỡng tức đến khai đại tịnh là đầu hôm, chẳng được ngủ. Từ sau khai đại tịnh đến đánh bốn bản là giữa đêm, được ngủ. Từ thời tụng niệm sáng sớm đến nén hương báo đã sáng là cuối đêm, chẳng được ngủ. Giữa đêm ngủ say một giấc, bằng không thì ngày đêm chẳng phân sẽ làm chướng đạo. Nếu đúng lúc ngủ mà chẳng ngủ thì thân thể bị lao nhọc. Chẳng phải lúc ngủ mà ngủ là chướng đạo. Cho nên ngủ phải đúng giờ mới hợp với quy củ, nếu trái phạm thì một giấc ngủ một ngàn năm cũng chẳng nghe được danh hiệu Phật. Buồn thay!

91. KHUYẾN DỤ TÒNG LÂM.

Tăng sĩ khắp thế gian lên đến lưu lạc không có chỗ ở cố định, thật đáng thương xót! Phải biết, Tòng Lâm là hàng pháp hoằng đạo lợi sanh, là đạo tràng của mình tâm kiến tánh, như áo có bầu, như lưới có giềng. Thân tâm an lạc, ăn uống đều hòa, người có đạo thì khuyến khích họ, dụng công sâu thêm, người không có đạo thì cảnh sách họ tiến lên như tre đầy rừng, tranh nhau mọc cao, như từng của rừng lớn, thi nhau hùng dũng vương lên, chẳng phụ bốn ân, làm quan vinh ba cõi, thật là đất tăng bảo của tăng sĩ vậy.

Lý do khuyến chúng ta nên trụ lâu ở Tòng Lâm như sau :

Người tham thiền ở Tông Lâm cùng chúng tăng làm bạn đồng tham, giúp ích lẫn nhau, khuyến khích lẫn nhau, một mai ngộ đạo, biết ta đã lia thế gian khổ não. Do thế gian khổ trợ giúp ta khai ngộ, nên ta chẳng bỏ Ta Bà. Ta lia được khổ não là nhờ người khổ não giúp ta minh tâm, cho nên ta chẳng bỏ tất cả chúng sanh khổ não. Sau đó, lấy thế giới này làm chỗ hoằng đạo, lấy loài người này làm chúng hóa độ. Chúng sanh ở thế giới mười phương thì nhiều, chỉ cho dùng một chữ nhiều chứ không có số nào khác để nói. Trong Thiên đường chúng ta, nếu một người minh tâm làm giáo chủ một thế giới, độ người của một thế giới, nếu hai người minh tâm, làm giáo chủ hai thế giới, độ người của hai thế giới. Thế giới nhiều, giáo chủ nhiều, cuối cùng phải tiến đến mức giáo chủ nhiều mà thế giới ít, thì muốn độ hết chúng sanh trong mười phương thế giới cũng chẳng khó.

Sự trọng yếu của Tông Lâm rất sâu, rất lớn, là ngọn đèn sáng của đời ô trược, là chỗ trụ của Tam Bảo. Đại chúng tăng lữ ở đó tu hành, tuân theo quy củ Tông Lâm, tất cả chức sự và thanh chúng quên lao nhọc thích hành đạo, người nào cũng có thể tu đến kiến tánh thành Phật, các chùa tư không thể so bằng, thật là cột trụ vững chắc của dòng đời ô trược vậy.

92. PHÁT TÂM LÀM VIỆC.

Làm việc tức là nhận lấy chức sự. Chức sự ở Tông Lâm tổng cộng có 48 đơn vị. Mỗi đơn vị đều có phạm vi riêng biệt, không được vượt qua phạm vi người khác. Làm mọi việc trong chúng, cần phải bảo hộ Tông Lâm như nhà mình, coi vật nhà chùa như vật nhà mình, xem đại chúng như ruột thịt. Người có chí này, ai chịu làm người tán gia bại sản. Mọi người đều có tri thức này thì Tông Lâm ngày càng hưng thịnh, nhiều nhân tài giỏi cộng sự giúp nhau thì lo gì không có đạo!

Điều khẩn yếu nhất là việc làm phải y theo pháp Tông Lâm mà làm, lời giảng nói cũng phải y theo pháp Tông Lâm mà giảng nói, chẳng nên nói chuyện thế tục, bàn về chính trị. Cảnh tỉnh chúng như võ con thợ, điều phục chúng nghiêm khắc như Diêm Vương. Dùng tâm Bồ Tát thương cái khổ của người, dùng mặt La Sát phá cái ngu của người. Trong tâm tròn mà ngoài mặt vuông, tâm hiền từ mà lời nói dữ mới có thể dứt việc, yên người, để khỏi trái phép, loạn chúng. Oai nghi tề chỉnh, tế hạnh tinh nghiêm, nói nín làm người kính sợ, ngôn từ hòa nhã hay đẹp, lời nói ra đều đúng theo quy củ, thưởng phạt công bằng không có thiên vị. Đại chúng thấy đó sợ mà kính mến. Nếu tất cả người thường trụ đều vui vẻ cho chức sự là quý báu, như thế, lâu ngày sẽ có nhân tài xuất sắc của pháp môn vậy.

93. THÍCH LÀM THANH CHÚNG.

Người không làm chức sự nào trong Tông Lâm gọi là thanh chúng. Thường thường người lập chí cao thượng phải phát tâm chẳng rời Tông Lâm, lấy ngộ làm kỳ hạn, do đó trước tiên xả bỏ quần áo dư, rồi xả bỏ túi bát, tiền bạc để khỏi bận lòng, giảm trừ sự chướng ngại của vọng động. Quét một cái sạch hết, muôn thứ lo nghĩ đều không, nương thân nơi Thiên đường, buông tâm ở trên đạo. Dù cho trời xoay đất chuyển cũng không dính dáng gì đến ta. Quên ngày tháng, quên âm lạnh, đặt thế thái nhân tình ra ngoài thế giới. Lúc tinh tấn thì không nhân không ngã, đâu biết đói khát. Lúc hơi biếng nhác thì có người sách tấn, đâu có lui sụt mà phải ăn năn. Dầu sanh lên cõi Trời Tam Thiên cũng chẳng bằng một niệm chuyên tham. Thiền tham tới vô lậu, thân quên đất mà đất quên trời. Giữ được nghi tinh thì tâm tự đúng như lý, lý tự đúng như sự. Mắt không rảnh để thấy người, đâu phân người đẹp người xấu. Tai không rảnh để nghe chuyện thì đâu biết chuyện dở chuyện hay. Xem chức sự như Phật sống, xem

người bên cạnh như ruột thịt. Cái đạo đại-vong (*quên hết*) hiện tiền, cái công Tiểu ngộ chẳng kể. Thẳng đến đánh mất mặt mũi mẹ sanh (*kiến tánh*), trâu trắng sờ sờ (*tự tánh*) chẳng từ người khác mà được. Ngộ rồi dựng pháp tràng làm giáo chủ ở thế giới phương khác độ chúng sanh khiến cho đức Phật vui cười ở trong Thường Tịch Quang.

94. TÌNH NGUYỆN NHẬN CHỨC HÀNH ĐƠN.

(Người phục vụ việc ăn uống cho tăng chúng)

Trách nhiệm hành đơn thật là việc của Bồ Tát. Trách nhiệm nặng trong Tông Lâm là chức hành đơn. Người hành đơn trước hết phải rõ cái đạo bồi phước, kể đến giữ cái tâm yêu vật. Chánh pháp trụ lâu dài, công ở hành đơn. Tông Lâm an ổn lâu dài, đức quy về hành đơn. Người ta thường nói “Kẻ vô phước bồi phước, kẻ có phước cần phải bồi thêm nữa”. Sao vậy? Chỗ tụ tập của tất cả Thánh hiền trong mười phương pháp giới mắt trần chẳng thấy, chữ chẳng chút dối nhau. Xưa có Phổ Hiền làm hành đơn, Di Lặc làm đại hòa (*đun bếp*), Quan Âm làm phạn đầu (*nấu cơm*), Văn Thù lượm giấy vụn, còn Qui Sơn thì làm thái đầu (*rửa cái*), Tuyết Phong làm phạn đầu, Lâm Tế làm viên đầu (*trồng rau cái*), Mã Tổ quét tước, Bá Trượng thị giả. Các vị hành đơn đều là Bồ Tát, các vị chức sự đều là Tổ Sư, phát tâm làm việc, ra sức chịu khổ đều là cúng dường mười phương chư Phật, chúng Tăng Hiền thánh.

Điều khẩn yếu nhất, muốn hành hạnh này, trước tiên phải dứt tâm giận hờn thì đồng sự với người mới hòa thuận được. Kẻ diệt trừ biếng nhác thì việc của nhà chùa mới có thể làm hoàn chỉnh được. Dù làm hỏng việc bị chỉ trích, phải quy lỗi về mình, chẳng nên đổ lỗi cho người. Ba mươi năm bồi phước, công lao lớn, khổ hạnh cao, thân tâm thuần thực, một mai vo gạo, chụm lửa hoặc thái rau, nấu nước, bồng chạm nhấm cái này (*kiến tánh*) mới biết hành đơn không chướng ngại tham thiên.

Nói chung, tất cả Tổ Sư đều từ khổ hạnh mà ra, tất cả Bồ Tát đều do khổ hạnh mà vào. Nhận chức hành đơn cũng chẳng khoái ư!

95. BIẾT NHÂN BIẾT QUẢ.

Hai chữ Nhân Quả, mười pháp giới đồng nhau. Bất cứ nơi nào lúc nào, người nào, việc gì đều chẳng ra ngoài nhân quả. Như cái nhân tham thiên quyết định cảm cái quả đại ngộ. Nhân niệm Phật quyết định cảm cái quả vãng sanh Tây phương. Tạo nhân phá giới quyết định cảm quả địa ngục. Tu nhân trì giới quyết định cảm quả sanh lên Trời. Nhân trồng mè quyết định cảm quả mè, nhân trồng đậu quyết định cảm quả đậu. Tu nhân Tông Lâm cảm quả ngồi đạo tràng. Tu nhân khổ hạnh cảm quả phước đức. Tu nhân thiên định cảm quả trí huệ. Làm nghiệp nhân chúng sanh cảm quả chúng sanh. Tu nhân giải thoát cảm quả chư Phật. Muốn biết nhân đời trước thì xem chỗ hưởng thụ của đời này. Muốn biết quả đời sau thì xem việc làm của đời này. Tiền nhân hậu quả đều tự nơi mình, thay đầu đổi mặt đều do nhân quả. Một lời nói, một việc làm cần phải xét lợi hại, nhất cử nhất động đều chẳng ngoài nhân quả. Hễ có động niệm cho đến làm việc đều là tạo nhân, có gieo nhân thì phải gặt quả. Kẻ mang quả tu nhân thì nhân gồm biến quả. Kẻ tu nhân cảm quả thì quả suốt nguồn nhân. Ngàn Thánh muôn Phật cũng chẳng thể ra khỏi nhân quả. Thường có người chấp "khoát-đạt-không" (*chấp cái không của tuyệt diệt*) bác bỏ nhân quả, ấy là người mù dẫn cả bọn mù cùng vào hầm lửa. Sự bác bỏ nhân quả thật nguy hiểm thay!

96. PHÁT THỆ NGUYỆN LỚN.

Thế gian và xuất thế gian đều có phát thệ nguyện lớn. Hai người tranh giành đất đai, người nào cũng cầu thắng, Bồ Tát ắt làm mãn nguyện cho người có đạo đức thành tâm tin Phật. Nếu người có đạo đức lại bại, người không đạo đức lại thắng, cũng là do cảm ứng của nhân quả chẳng đồng mà xảy ra như thế.

Chúng ta là người trụ Tông Lâm, trước phát nguyện lớn quyết liễu sanh tử, kể phát nguyện lớn quyết thành Phật đạo, lại phát nguyện lớn độ hết chúng sanh. Hoàng nguyện này là thường khóa hàng ngày chẳng chút gián đoạn ngừng nghỉ. Nếu ngừng nghỉ một chút, có thể bị đọa địa ngục, đây gọi là thệ. Đã lập thệ nguyện, thì không thể trái nguyện một chữ mới là đủ cả hạnh nguyện, lời nói việc làm phù hợp với nhau. Chỉ nói ăn mà chẳng từng nếm thì chẳng thể no, đây là nói suông. Như phát nguyện mà chẳng hành thì chẳng hành thì chẳng thể đến, đây là nguyện suông, bất quá chỉ tu cái nhân phát nguyện mà thôi. Người tu hành chẳng nên chỉ tu cái nhân phát nguyện mà nhất định cần phải hành cái việc của phát nguyện mới đúng.

Lại, nguyện có tà chánh, cũng có lớn nhỏ. Thế nào là nguyện tà? Như phát nguyện cầu tài, tham sắc, học Tiên đắc đạo, đây gọi là nguyện tà. Phát nguyện chánh là phát nguyện độ chúng sanh, phát nguyện liễu sanh tử, phát nguyện học kinh giáo, phát nguyện thành Phật đạo, đây gọi là nguyện chánh. Nguyện lớn là chẳng vì tự độ, phải độ tất cả chúng sanh trên khắp quả đất, chẳng độ một loài mà phải độ tất cả chúng sanh trong lục đạo, chẳng độ chúng sanh trong một thế giới mà phải độ chúng sanh khắp mười phương thế giới, đây gọi là nguyện lớn. Nguyện nhỏ là phát nguyện độ chính mình, chẳng nguyện độ người khác, phát nguyện độ chúng sanh địa ngục, chẳng nguyện độ loài súc sanh, phát nguyện độ cha mẹ mình, chẳng nguyện độ cha mẹ người khác, đây gọi là nguyện nhỏ.

Chúng ta phát nguyện muốn độ chúng sanh, trước hết cần phải có đủ tài năng độ chúng sanh mới có thể làm như lời nguyện. Muốn có tài năng này mà chẳng trụ lâu ở Thiên đường cho đến khai đại ngộ, liễu thoát sanh tử, thì chẳng thể hoàn thành công tác lớn này được. Thế nên, phát nguyện lớn độ chúng sanh, trước tiên phải độ mình. Chỗ để độ mình, nhất định là phải trụ Tông Lâm, ở tại đạo tràng ban ngày tụng công tham thiền, ban đêm dùng đại nguyện huân tu, thì chúng sanh của tự tánh sẽ liễu hết, chúng sanh của đại địa có ngày độ xong. Xin mời chư Thiên đức ở các nơi tập nập kéo về cùng vào lò to (*Tông Lâm*) rèn luyện thân tâm, một mai phát minh đại sự, đạo chơi trong biển đại nguyện. Ngày cuối cùng của chúng sanh sắp hết giờ thành Phật đã đến.

Lành thay! Phật sự viên mãn, đến đây thường giác chẳng mê.

97. SỰ LÝ DỤNG.

Sau khi liễu ngộ như trẻ sơ sanh thân thể trần trụi không có một vật, đói không có ăn, lạnh không có mặc, lục căn dù chưa dùng được nên cần phải có đồ vật để nuôi thân, có người để săn sóc. Cũng như kinh nói “Lý thì đốn ngộ, sự phải tiệm tu”, cho nên cần phải trải qua sự bảo nhiệm để dứt tập khí. Sự bảo nhiệm này cũng giống như việc săn sóc nuôi dưỡng thân thể trẻ sơ sanh vậy. Cho nên người có đạo như ngu như ngốc. Tại sao như thế? Nói ra một lời ắt từ trong tự tánh lưu xuất, làm ra một Sự ắt cùng với Lý không trái. Cảnh duyên thuận nghịch đều từ quyền (*phương tiện tạm thời*) mà đạt biến (*tùy cơ ứng vật*). Hình thái mừng giận cũng từ vuông vào tròn. Mặc dù tâm rộng rãi nhưng cũng không ra ngoài pháp lý. Hằng ngày việc dù nhiều mà đều theo đúng quy củ. Trì Phật giới thì làm cho cái dụng của tự tánh khắp cùng vô biên thế giới. Giữ oai nghi thì làm cho Phật pháp được quảng bá khắp nơi. Hễ niệm thì

niệm Phật tánh, Hễ tri chú thì tri tâm chú. Bất cứ pháp môn nào cũng đều quy về tự tánh, tất cả Phật sự đều nhập vào quy củ, khiến cho sự lý nhất như, tánh tướng bất nhị.

Điều thiết yếu là chẳng nên chấp Lý bỏ Sự, Thiên Tông quở là "kẻ vác bản". Cũng chẳng nên chấp Dụng mà quên Thế, bị mắng là "kẻ lỗ mãng". Thiên về tánh thì chỉ chứng Nhị thừa, thiên về tướng lại thành phàm phu. Cần phải tánh tướng song hành, sự lý vô ngại, mới được gọi là pháp thân trang nghiêm vậy.

98. HÓA ĐẠO DỤNG.

Tự mình đã phát minh đại sự liễu sanh thoát tử, cái lớn của việc này cả thế gian không gì so bằng. Người đời chẳng những chẳng biết việc này mà còn chẳng biết việc này là việc của mình. Vì vậy, ngàn Phật ra đời cũng vì một việc này, muôn Tổ hiện thân cũng vì một việc này.

Muốn làm việc này, thâm sơn cùng cốc, chùa tu, am thất đều chẳng thể làm được chỉ có Tông Lâm mới có thể đảm nhiệm việc này vì Tông Lâm mới có thể tiếp đại cơ, hiện đại dụng, chuyên hoằng đốn giáo, chỉ đạo thiên giả dụng công phu để phòng lạc lối. Nếu không ai chỉ đạo, đi bậy, chẳng phải làm nam là bắc thì cũng cho tây là đông, cho nên muốn lên núi, trước phải hỏi người xuống núi. Pháp tắc của Tông Lâm rất là chánh đại, rất hợp với người tu hành, có đạo để hành, có người để hỏi. Kẻ biếng nhác thì dùng quy củ nghiêm khắc cấm chế ngay. Kẻ muốn thối lui thì cảnh sách khuyến khích an ủi. Mặc áo ăn cơm có người lo dùm chẳng cần quan tâm, chỉ cần lo việc tham thiền của tự mình. Phải biết, làm việc của chính mình, trừ Tông Lâm của Thiên tông ra thì người đủ căn khí lớn mới có thể tùy chỗ mà tu được.

99. THA THỌ DỤNG.

Tha là chỉ tất cả loài hữu tình trong mười phương pháp giới. Thọ dụng là thọ dụng pháp tham thiền. Muốn thọ dụng ắt phải rõ tự tánh.

Than ôi! Cái mê do bất giác làm thay đầu đổi mặt khiến cho Diệu Thọ (*pháp danh của Ngài Lai Quả*) tôi đâm ngực đâm chân đau lòng khóc to, nguyện đem giọt nước mắt này tưới khắp thân tâm của chúng sanh trong lục đạo hóa thành nước cam lồ khử mê.

Tôi thường nghĩ: Pháp của Thiên Tông là một đại pháp hiếm có, một tâm pháp rất quý. Nếu tự bỏ đi tu pháp khác, thì cũng như là người toàn thân đều là của báu lại bỏ của mình mà cầu báu của người khác. Thiên Tông tham thiền tức là tìm của báu nơi chính mình, một mai tìm được, thành Phật còn có dư thừa. Cho nên một pháp này, người đạt đạo bảo tôi chẳng thành Phật thì có thể được, chứ bảo tôi chẳng hoằng đạo này thì chẳng được. Sao vậy? Kẻ nghiệp nhẹ thì phí thời giờ ít. Kẻ nghiệp nặng cần phải tu thời giờ nhiều, cuối cùng là con ba ba trong lu chẳng thể chạy mất. Người hóa đạo cần phải đem cái sở hữu của mình chia cho các loài hữu tình. Tự mình đã được thọ dụng cũng phải khiến tất cả chúng sanh đồng được thọ dụng, cho nên gọi là tha thọ dụng.

100. TỰ THỌ DỤNG.

Mười phương hư không, tất cả vi trần số đồng hư không, trong mười phương thế giới có tất cả chúng sanh, tất cả các địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh muốn thọ nhận sự giáo hóa của pháp tôi, trước tiên ăn thịt thân tôi. Nếu có một chúng sanh chẳng thọ sự giáo hóa của pháp tôi, chẳng ăn thịt của thân tôi, tôi thế chẳng thành Phật. Cho nên ở trong nhân địa hỷ xả tất cả, chỉ biết có chúng sanh, chẳng biết có mình.

Tự nguyện dắt người mù qua cầu, thế người què mang đồ vật, thay người điếc truyền ngôn ngữ, nói chuyện với người câm. Thấy kinh Phật và giấy chữ bỏ bầy dưới đất, lược đem cất và quý trọng, thấy sách vở thế gian rơi rớt giữa đường, lược cất và kính trọng, đừng cho đó là những việc nhỏ mọn phiền phức, công thu dù nhỏ, tích nhỏ thành to. Người xưa nói “Ngộ đại thừa, hành tiểu thừa. Mỗi bước tiểu thừa tức Đại thừa”. Đến nay thấy người trong một thế giới thì dùng thân người trong nhiều thế giới để cúng dường. Thấy người của một hư không, dùng thân người của hai hư không cúng dường. Người ăn thịt tôi sẽ tin pháp tôi. Người ăn thịt tôi là nuôi dưỡng chúng sanh của tôi. Xả bỏ thịt nhiều chừng nào thì độ chúng sanh rộng chừng nấy khiến cho hư không giới tận, chúng sanh giới không độ tha viên tròn tự độ cũng xong gọi là tự thọ dụng vậy.

Đức Phật có nói rằng “Theo quán nhập vào chỗ quyền diệu chỉ thú sâu xa”. Cho nên được ý phải quên lời. Lịch Đại Tổ Sư truyền ý chỉ Thiền tông, Như Lai tiếp căn khí bậc đến. Nay gặp thời mạt pháp như lá rụng mùa thu, ngay lúc này phải có cách nào làm cho Phật pháp hưng thịnh như cá lội dưới ao xuân. Tuy Phật giáo có theo thời gian mà thay đổi, nhưng tự tâm xưa nay không khác. Mặc cho tội lỗi bị phiêu bạt như cánh hoa trôi cũng chỉ là diễn sự, phù trầm. Thấy trăng lặn trăng mọc cũng đều là việc qua lại mà thôi. Nghĩ vật trong thân tựa như vô hình, động niệm thì khiến thân tạo tác. Xem ngoại cảnh kia như dương diệm (*sự huyền hóa không thật*), nhắm mắt khoanh tay quy về ẩn tàng. Lửa giận bốc cháy trời Sơ thiên thành than. Sông ái vọt ra đất Nhị thiên sẽ chìm lĩm.

Than ôi! Thích ở tha hương, địa ngục, thiên đường như ở khách sạn, lại quên quê nhà. Súc sanh, ngựa quý mà khen là bạn lành. Đi khắp lục đạo không sót một chỗ, ở trong tứ sanh không có lúc dừng. Vì vậy kiếp này thọ thân này, kiếp khác thọ thân khác, liên quên thân hình của địa ngục, thay đầu đổi mặt khó nhớ cái tướng của ngựa quý. Mở mắt nhìn ra, buồn thấy sanh linh đầy đất. Chỉ một loài trâu thôi, thăm trạng cũng khó nói hết, sừng dài trên đầu mà quên hình dạng xấu xí, đuôi ở sau đít thích xua đuôi muỗi mòng, bị đánh một roi, hai mắt rơi lệ, bước thiếu nửa bước, thân bị đòn đau. Đừng nói biến thành trâu là khổ, chưa bằng cái khổ địa ngục đâu! Ôi! Đau đớn thay! Khổ vui muôn ngàn sai khác toàn do một niệm, phạm thánh khác xa đều tại chính mình. Đến hôm nay trụ quả tu nhân từ thân phạm mà huân nghiệp thánh. Đến hôm nay trụ quả tu nhân, tu thân phạm mà huân nghiệp thánh. Mang nhân tu quả, ngộ tâm địa mà quét cảnh duyên.

Diệu Thọ tôi trước tác sanh này là việc cần kíp trước mắt, tỏ bày tình thật chỉ lối cho người tu hành. Đầu tiên nêu Giải Báng khử bỏ gai góc bên đường. Kế nói Phù Tông chỉ con đường về bằng phẳng. Người đi đường chỉ cầu đến nhà thì đâu ngại đường xa. Người xem sách này chỉ cầu chánh đạo thì đâu sợ phiền phức. Môn Giải Báng chia Tông, Giáo, Luật, Tịnh (1), Phù Tông Thuyết (2) định một trăm quy điều. Chẳng nên thấy mệnh mông mà vội thôi, xem toàn quyền ngại nhiều, nếu chấp như vậy thì đâu bằng nữa trang kinh trong Đại Tạng. Thử hỏi: Từ Nam kinh đến Bắc kinh, một con đường có cái phiền của hành trình, cái rộng của trạm nghỉ, cái nghiêm của đồ ải, cái nặng của lương thực. Chẳng ngại gì đem việc đi đường này cần thận viết thành một quyển sách, thì số câu văn, số pho quyển so với Thuyết này chắc chắn là còn nhiều hơn.

Buồn thay! Từ hạng phạm phu của chúng ta nói đến địa vị Thánh nhân, trong đó sự thật trải qua, đối với bậc thượng căn im lặng vô ngôn có thể ngộ đạo; đối với hàng trung căn phải nhờ lời nói, hành rồi mới ngộ đạo; đối với bọn hạ căn cần phải chỉ đạo nhiều cách, nói tách nói tướng, nói đồn nói tiệm, lâu lắm mới ngộ đạo. Như lên núi

lấy của báu, người căn khí lớn ngay tại chỗ chuyển thân lấy liền; người căn khí bậc hạ một phen đi lên, lại đi lên, lên mãi mới lấy được. Trong số đó, cũng có người đi tay không trở về, có người tìm chẳng thấy của báu, có người bỏ mạng vì cầu của báu. Căn cơ không phải một thứ, thuyết này hợp với mọi căn cơ thượng, trung, hạ.

Thường thường, người không tin sách này, bệnh ở chỗ là sợ ngôn cú nhiều, đường đi rắc rối, tự nhận mình là kẻ độn căn. Tại sao vậy? Vì pháp môn khác, một câu Phật hiệu, hoặc một câu chú, trì trọn đời xong việc, không có gì thêm nữa. Tại sao Thiên tông nói quá tỷ mỹ phiền toái mà hạnh thì thô tạp. Chẳng tin thì được, còn tin thì bực bội cau mày. Buồn thay!

Xin mời người đọc hãy thí nghiệm một phen xem! Người chưa dụng công cảm thấy dường như vất vả nhiều. Nếu người tiến sâu e trách là nghĩa cạn, chẳng những trách cạn mà còn cho là quá sơ lược. Tôi trước tác sách này chẳng tránh khỏi sự chê trách, song tôi chẳng nệ què mùa đem hết chỗ thấy của tôi để báo ân Phật. Nhưng ân Phật, dùng hư không vi trần, một vi trần là một Lai Quả tan xương nát thịt cũng khó báo hết. Chỉ có học Phật pháp, đem pháp làm lợi chúng sanh, dẫn người nghiệp dày, người khổ sâu, tôi ắt chịu cực theo chúng khổ, khổ đến ngoài mười pháp giới, quày đầu tìm một mây may bùn đất bất khả đắc, thật là quy về vô sở đắc vậy.

101. THIÊN PHÁP. (Tổ Sư Thiên)

Điều quan trọng nhất của người tham thiên là trước tiên phải rõ tông chỉ của Thiên, kẻ đó hiểu cách tham.

Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, chư Phật và chúng sanh chỉ cách một cái vọng tưởng, hữu tâm thì thành chúng sanh, ly tâm thì thành chư Phật. Thiên này chính là ở sau tâm chư Phật, trước tâm chúng sanh. Chư Phật và chúng sanh chỉ cách một chữ Thiên, Thiên ở giữa Phật và chúng sanh. Cửa ải Thiên này chưa mở thì là chúng sanh giới, mười phương hữu tình vô tình bị một cửa ải Thiên này nhốt chặt. Cửa ải Thiên này bị đập vỡ thì thành cảnh giới chư Phật, mười phương chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư một vai chung gánh, một thể thừa đương. Cho nên Thiên Tông lấy câu thoại đầu làm viên ngói gỗ cửa, đời này chẳng mở, đời này gỗ, đời sau chẳng mở, đời sau gỗ, đời đời kiếp kiếp chẳng làm việc thể gian, chẳng hành pháp thứ hai, chuyên môn từ thủ cái cửa ải Thiên này. Gỗ tới một ngày nào cửa ải mở (*ngộ*) thì ông già Thích Ca và Long Thiên Hộ Pháp đều vui mừng khôn xiết, nhớ lại thủa trước rơi lệ khóc to, buồn vui lẫn lộn.

Lại, Thiên là một tờ giấy mỏng giữa định và loạn. Thiên là một mây bụi giữa mê và ngộ. Thiên là một điểm nhỏ giữa Phật và chúng sanh. Thiên là một miếng giẻ lau giữa sạch và nhơ. Thiên là một thanh kiếm báu giữa Phật và ma. Thiên là chiếc thuyền Từ trong biển khổ. Thiên là thuốc hay cho người bệnh. Thiên là cây đuốc sáng trong con đường tối tăm. Thiên là pháp lớn để liễu thoát sanh tử. Thiên đoạt lấy cái ổ Niết Bàn. Thiên là con đường lớn thành Phật. Thiên là cái búa bèn đập phá hư không. Thiên là tảng đá nặng đè chìm đại địa. Thiên diệt tham sân si. Thiên quét kiến chấp nhân ngã. Thiên sanh mười phương Phật. Thiên nói pháp nhiều như vi trần. Thiên nuôi dưỡng thanh tịnh Tăng.

Phải biết, tam thế chư Phật, chư đại Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư, Thiện tri thức xưa nay đều từ Thiên này sanh. Người mê Thiên này thì thành chúng sanh. Người ngộ Thiên này thì thành chư Phật. Lại, Tổ Đông Độ Tây Thiên trụ trong Thiên này. Mười phương đại địa trụ trong Thiên này. Mười phương pháp giới trụ trong Thiên này. Mười phương hư không trụ trong Thiên này. Sum la vạn tượng trụ trong Thiên này. Sự lớn lao của

Thiền bao trùm hư không. Thiền là nhà ở của Phật, Tổ và chúng sanh. Người nghe được một chữ Thiền, thấy một chữ Thiền, nói một chữ Thiền đều gieo trồng hạt giống Phật. Cho nên kinh nói “Xung một tiếng Nam Mô Phật đều đã thành Phật đạo” tức là nghĩa này vậy.

102. TU TẬP HẠNH.

Người tham thiền giữ chắc một môn làm công phu. Chuyên tham thiền này hết một đời còn chưa dễ gì làm xong, đâu nên nay làm việc này mai làm việc khác. Phải như con chuột gặm quan tài, chỉ gặm một chỗ, hôm nay cũng gặm, ngày mai cũng gặm, đời này cũng gặm, đời sau cũng gặm, chịu khó lâu dài, một mai gặm lũng, được thọ dụng như ăn đồ ngon, như vậy mới là tay tài giỏi. Nếu gặm bên đông chẳng lũng, liền qua bên tây, gặm dưới đáy chẳng lũng, lại hướng lên trên nóc gặm, dẫu cho ông gặm ba mươi năm vẫn là một cái quan tài không lũng mà chỉ bị nát vỏ mà thôi. Ngay lúc gặm nếu tâm tư phiền não thì dẫu cho nhịn đói chịu khát, bò tới mà gặm, giồng đất mà gặm, gặm đến chóng mặt trợn chẳng thể lũng, sau mà ngu si khổ não như thế! Như nghe người nói lạy Phật hay, liền lạy Phật, nghe người nói niệm Phật hay, liền niệm Phật, nghe người nói xem kinh tốt, liền xem kinh, nghe người nói tham thiền tốt, liền tham thiền, nghe người nói đi hành hương tốt, liền đi hành hương, rốt cuộc là bị chuyển theo lời của người, chỉ làm uổng phí thời giờ, hỗn loạn pháp môn.

Như thế nào mới chẳng uổng phí thời giờ, chẳng hỗn loạn pháp môn? Thử hỏi “Lạy Phật là ai?” biết chẳng? “Xem kinh là ai?”, “Niệm Phật là ai?”, “Tham thiền là ai?”, “Đi hành hương là ai?” biết chẳng? Ngộ được người lạy Phật, ngộ được người xem kinh, ngộ được người niệm Phật, ngộ được người tham thiền, ngộ được người hành hương, chỗ hành như thế chuyển được tất cả, chẳng bị tất cả chuyển. Đây gọi là chẳng uổng phí thời giờ, cũng gọi là chẳng hỗn loạn pháp môn.

Nếu tu tất cả tạp hạnh, cần phải ngộ tâm tu, chẳng nên mê tâm tu. Ngộ tâm tu tạp hạnh thành lục độ vạn hạnh. Mê tâm tu tạp hạnh thành luân hồi sanh tử. Nếu ngộ tâm tu thì chẳng cần hỏi. Nếu mê tâm tu thì phải mau mau chạy vào cửa Thiền Tông đem tâm tu ngộ, rồi mới có thể tu tạp hạnh.

Có người hỏi “Thế nào là mê tâm? Thế nào là ngộ tâm?”

Đáp “Hễ hữu tâm đều gọi là mê tâm. Tâm vốn vô sanh, mới gọi là ngộ tâm. Người tu hành cần phải xét kỹ!

103. CẦU THẦN THÔNG.

Người tham thiền tham thẳng chẳng nghĩ, tham thông tự liễu ngộ. Ngay lúc tham, chẳng được có tâm chờ ngộ, chẳng được cầu huyền diệu, chẳng được chê pháp chẳng linh, chẳng được sanh phiền não, chẳng được sanh hoan hỷ, chẳng được sanh sợ hãi, chẳng được cầu thần thông.

Thường thường, người học pháp cầu thần thông tính học thần thông rồi có thể bảo hộ quốc gia, gìn giữ phú quý, có thể dạo chơi phương khác, có thể báo oán cừu, có thể được trường thọ, có thể làm phát đạt, có thể mưu sự nghiệp, có thể khỏi bị người hiếp đáp. Như thế đều bị gọi là kiến giải của kẻ ngu. Sao vậy? Quỷ thần ở khắp nơi đều có, hễ cầu thì có thể được thần thông, song rốt cuộc chẳng phải của mình có.

Như đời Đường có ngài Tam Tạng Đại Nhĩ đến Kinh, tự xưng có thần thông. Nam Dương Huệ Trung quốc sư lúc đó ở tại triều, liền hỏi Tam Tạng Đại Nhĩ: Nghe nói Tam Tạng có thần thông phải chẳng?

Vị Tam Tạng này đáp: Phải.

Xin hỏi ông: Tâm tôi ở tại chỗ nào?

Đại sư là thầy của một nước, đâu nên ở trên cầu Thiên Tâm xem hát xiếc.

Quốc sư có nghĩ như thế, nên đáp: Đúng.

Rồi Quốc sư nhập Na-già định, hỏi Tam Tạng.

Tam Tạng câm miệng, không đáp được.

Quốc sư quở rằng: Ông đã hồ tinh (*con chồn hoang*) này đến làm loạn Đường triều.

Bèn đuổi ra.

Thử hỏi: Người đã có thần thông còn bị trục xuất, chúng ta là người tu mù luyện đui, cầu thần thông đã nuốt bao nhiêu khổ, đã tốn bao nhiêu tiền còn khó có lúc đến tay. Dầu cho thần thông đến tay còn chẳng bảo đảm được sự lâu dài của nó. Nghĩ như thế rồi, hãy mau mau tham thiền, đem cái công phu cùng vốn liếng cầu thần thông để cầu tham thiền thì tương lại rất có triển vọng.

Lại nói, người khai đại ngộ đáng lẽ phải có thần thông, thần thông lộ bên ngoài không có, thần thông thâm bên trong cũng phải có. Nếu thật không có thần thông mà nói khai đại ngộ thì người ta không tin. Thử hỏi: Thế gian lấy pháp lợi sanh, chưa nghe nói lấy thần thông lợi sanh. La Hán có thần thông còn chẳng trụ thế. Bồ Tát lấy pháp lợi sanh thường trụ thế gian. Lại, Chư Tổ đời trước đa số có thần thông, chỉ tự chẳng nói tôi có thần thông. Người Đại thừa cho thần thông là đồ bán ế đương cơ.

Người Tiểu thừa thì cho thần thông là kỳ đặc, hy hữu. Thật là chưa biết chỗ trọng yếu của cơ giáo vậy.

104. HIẾU THẮNG.

Người tham thiền chỉ lo chân thật tham thiền, nỗ lực công phu. Lúc đánh mất công phu, lấy đầu đập vào cột, hoặc đập đầu xuống đất, nước mắt tuôn đầm dề trên má, mới có tư cách tham thiền.

Nếu chẳng ở trên bồn tham gấp lo dụng công phu mà chuyển ở ngoài công phu khoe tài, tôi cao, ông thấp, tôi làm được, ông không làm được. Như vậy, thật là uổng phí thời giờ, như tọa hương, người ngồi hôn trầm, ta ngồi tỉnh táo. Người bảo hương cúi đầu, ta bảo hương ngay thẳng. Người đứng dậm chân, ta đứng thẳng như tường vách. Người ngủ duỗi chân, ta nằm kiết tường. Người suốt ngày nói chuyện, ta suốt ngày không mở miệng. Người đi đường quay đầu, ta đi đường oai nghi. Người phạm quy củ bị phạt, ta giữ quy củ tu hành. người gặp người chào hỏi, ta gặp người đưng phải mà không biết (*có nghi tình*). Người thỉnh khai thị nhiều, ta chưa từng thỉnh một lần. Người ngủ mê, ta chẳng nằm. Mỗi ngày người ăn bốn bữa, ta ăn ba bữa. Người thích ra ngoài làm ruộng, ta thích tịnh tọa. Người này nhân cách tuy cường tráng, song chẳng phải tư cách của đạo nhân. Tâm hiếu thắng này, có người ở trên đạo tâm muốn thanh cao, có người ở trên nhân ngã dành hơn thua, cũng chẳng hoàn toàn là phải, cũng chẳng hoàn toàn là quấy. Nếu hoàn toàn là phải thì không có cơ hội khai ngộ. Nếu hoàn toàn là quấy thì tuy hiếu thắng cũng là hiếu thắng ở trong đạo tràng, ở trong chúng tu hành. Cho nên chỉ cho "hiếu tham thiền" chứ không cho hiếu thắng, mới là người chân thật hiếu thắng.

Phải biết, lớn nhất trên trời, không ai bằng Thiên Vương, Thiên Vương lớn nhất cũng không qua khỏi cái chết. Điều lớn nhất của con người là sống. Điều lớn nhất của sống

chẳng qua được cái chết. Dẫn cho người cường thắng nhất, anh hùng nhất của cõi trời cõi người rốt cuộc chẳng lớn hơn sanh tử. Đã biết sự trọng đại của hai chữ Sanh Tử siêu cõi người cõi trời, nếu ở tại cõi trời cõi người giành cường giành thắng thì chẳng phải bậc thượng phu xuất cách. Cần phải trụ Tông Lâm chuyên lo việc lớn sanh tử. Một mai việc lớn này làm xong, thật là thế gian không thể sánh được. Việc sanh tử này, dù ông tu pháp môn nào, muốn liễu sanh tử chỉ là gián tiếp, chỉ có một pháp tham thiền hợp cơ bậc nhất, rất là trực tiếp. Pháp tham thiền không có đại dụng nào khác hơn là minh tâm kiến tánh, liễu sanh tử, thành Phật Tổ, độ chúng sanh đó là chánh dụng của tham thiền. Bỏ pháp tham thiền này ra, đều là pháp môn hàng nhì.

105. DỤNG CÔNG PHU NGOẠI ĐẠO.

Người tham thiền cần phải quyết tử giữ chặt pháp thiền. Người chẳng biết tham, chẳng chịu tham, chẳng thể tham, chẳng nguyện tham, cũng chẳng bao giờ rời bỏ tham.

Thế nào là bỏn tham?

Bỏn tham, người đời có cái tham này, tăng sĩ có cái tham này, người nguyện tham có cái tham này, người chẳng nguyện tham có cái tham này. Thật vì mọi người vốn sẵn cái tham này (*ngghi tình*) nên mỗi người chưa từng rời cái tham này. Người không tham cũng có bỏn tham, người tham cũng có bỏn tham, chưa ngộ là bỏn tham, ngộ rồi cũng bỏn tham, sơ tham là bỏn tham, lão tham cũng là bỏn tham, đều do mọi người vốn đủ tâm này, vốn đủ tánh này, cho nên người hành đạo thiền chính là có đủ bỏn tham. Tâm của mỗi người như vậy, nghĩa của bỏn tham cũng như vậy, đây gọi là cội gốc của sự tham thiền.

Lúc gần đây, có người thu thiền biết rõ tham thiền là pháp môn bậc thượng, là hơn hết các thừa, tự cảm thấy không đủ sức tham thiền, trở lại dụng công phu ngoại đạo của lúc trước, thật đáng thương xót! Tự bỏ Đại thừa, lược Tiểu thừa, bỏ nhân địa Phật, lấy nhân địa thế gian. Người tham thiền tại sao có cái lầm này? Do người tham thiền chẳng biết cội gốc của tham thiền, cho nên chẳng dám dụng công sâu học Phật, vì càng học càng không. Hôm nay thấy được cái không này lại sanh hoảng sợ, vì nhớ lại lúc ở tục gia thường nghe người ta nói: Xuất gia là vào cửa không mà chẳng biết nghĩa không là gì? Ta hôm nay nếu dụng công phu theo thế tục cảm thấy dường như có sức mạnh, lại còn cảm thấy có mùi vị nữa. Nếu dụng công tham thiền, cái này cũng quét sạch, cái kia cũng quẳng hết, khiến cho sắc thân một chút cũng chẳng trụ, vọng tâm một chút cũng chẳng dính mới thật là vào cửa không, chẳng bằng dùng công phu ngoại đạo của mình trước kia mới thực là đúng đắn. Người ấy nghĩ như vậy bỏ chánh đạo theo ngoại đạo. Tu theo ngoại đạo được sanh lên cõi Trời, lúc tuổi thọ ở cõi Trời hết trở lại đầu thai vào thân người, thân heo dê. Chánh đạo thì thành Phật, vĩnh viễn ra khỏi sanh tử luân hồi. Ước mong người dụng công phu ngoại đạo hãy so sánh lại thử xem! Lại nữa, công phu của ngoại đạo, người thế tục dụng có công, tăng sĩ dụng có lỗi. Vì sao có lỗi? Xuất gia tham thiền là để liễu thoát sanh tử, công phu của ngoại đạo thêm sanh tử, chẳng phải lỗi là gì?

106. HIỂU LÀM.

Người tham thiền hoặc do trong đời quá khứ tạo nghiệp ác nặng, nghiệp thiện nhẹ hoặc chưa gieo duyên với Phật hoặc chưa tu tập Bát Nhã, dù được xuất gia, nhưng khó nhập đạo, một phen gặp nghiệp duyên đời trước, chẳng phải tâm cuồng thì thân cũng loạn. Như người đi lạc đường bỗng gặp đồng vàng, hoang mang không biết phải

làm sao, lượm thì chẳng được, bỏ thì thấy tiếc. Lượm thì sợ bị phạm pháp, bỏ thì sợ người khác lấy. Suy nghĩ trăm mưu ngàn kế cũng chưa biết phải làm sao, lâu ngày kết nối tâm dần dần thành ra bệnh nặng. Việc khác cũng lấy đây suy ra mà biết. Do đó, thân điên cuồng, tâm rối loạn, người có ý bài xích Thiên Tông, thấy người đó dường như nhập ma, dường như bệnh tâm thần, vội gán tội cho Thiên Tông, do tham thiên mà có chứng bệnh này. Kỳ thật là do họ không có tri kiến chân chánh về Phật pháp, mù quáng tạo nghiệp địa ngục A Tỳ mà chẳng tự biết. Có bọn người tu đại thừa. Cho nên Chứng Đạo Ca nói “Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn, hận bất diệt trừ như ngỗ toái” nghĩa là “Nghe người nói môn đốn giáo của Như Lai (tức là *Tổ Sư Thiên*), hận thù muốn đập tan nát như gói bẻ”. Vừa nghe có người muốn tham thiên, vội nói “Tham thiên e sợ nhập ma”, chận đầu đốn một nhát, khiến người nghe liền đổi pháp tu, như vậy cứ bài xích cái pháp khác mình. Cái tội phá pháp không có cái tội nào lớn hơn tội phi báng Thiên Tông.

Nhưng bệnh này do hai nhân duyên phát khởi:

1. Trong tiền kiếp, tâm nhiễm yêu ghét quá sâu, tu hành tà đạo hoặc ngộ nghịch với cha mẹ, hoặc phi báng Thánh Hiền, hoặc làm như uế già lam, hoặc phá giới luật, xưng ý thì vui như điên, nghịch ý thì giận phát cuồng, khiến cho thân tâm thác loạn, đều do thức hôn mê thân vô chủ lạc mất chánh niệm, đuổi theo ác cảnh làm những hành vi trái lý, tục gọi là bệnh tâm thần, Tăng gọi là nhập ma. Những việc này với việc tham thiên thật chẳng có mấy may dính dáng.

Thường thường, có người sợ nói “Tham thiên dù tốt, nhưng sợ nhập ma”. Lời này thốt ra khỏi miệng, nhất định bị đọa địa ngục không cứu được. Sao vậy? Tự mình lia đại pháp tham thiên lại dạy người lia đại pháp tham thiên như thấy người té xuống nước, tự mình chẳng chịu cứu, còn bảo người khác đừng cứu. Tội ấy thế nào? Hãy nghĩ xem!

Lại như tự mình chẳng hành Phật đạo, nói Phật đạo sai, cũng khuyên người khác đừng hành Phật đạo, nghiệp ác này cảm hai thứ báo:

- a)- Tự phi báng chánh pháp, bị đọa địa ngục A Tỳ một đại kiếp mới ra, còn phải chịu ở địa ngục hàn băng.
- b)- Đoạn hạt giống thiện của người khác khiến cho người sanh phi báng, phải đọa địa ngục A Tỳ bốn đại kiếp, ra khỏi địa ngục này rồi còn phải chịu các địa ngục khác nữa.

Sao chẳng nghĩ đến điều đó! Chương nặng đời trước chất chứa tới đời này đến nỗi thân tâm lúc nào cũng cuồng loạn, lạc mất chánh niệm, gánh chịu khổ sở. Nếu biết phải tự trách lấy mình, đâu dám phi báng chánh pháp. Cái bệnh nặng này chỉ có tham thiên mới có thể trị, không có pháp nào khác để cứu, sao lại đặt điều vu khống là tham thiên sanh ra cái bệnh nặng này? Đây dù là lời nói không có căn cứ mà đã tạo tội lớn. Vì sao? Người thế tục dù không tham thiên cũng có bệnh tâm thần, có bệnh điên cuồng, nên các nơi đều có nhà thương điên để trị liệu, sao lại gán tội cho tham thiên. Người phi báng tham thiên không có nhà thương nào trị được.

2. Cần phải biết rằng thường thường người mắc chứng bệnh này, vì trong đời trước tạo nghiệp quá thuần thực chưa kịp chịu cái quả báo khổ kịch liệt. Do nhân cảm quả, nay bỗng gặp nhau khiến cho thân tâm đều tối, mờ mịt chẳng tự biết. Vì tạo nhân này nên cảm báo này, như sứt môi là do phi báng Tam Bảo, phi báng Thiện tri thức, lại như lúc còn ở thế tục lén làm tổn thương người vô tội, trộm vật của chúng tăng, dâm với người có đạo, lừa gạt vật quý, phạm các thánh giới căn bản của Phật, nhẹ thì thổ huyết mà chết, nặng thì nhập ma mà chết, có người bị mù mắt, có người bị chết bất đắc kỳ tử. Phạm tội thì phải chịu lấy quả báo, theo lý thì thọ báo đời sau, nhưng vì

nghiệp ác quá nặng nên hiện đời bị giảm thọ. Có người nghiệp ác nặng hơn nên ngay nơi thân đang sống này bị đọa địa ngục.

Người ta thường nói “Nhập ma là ma nhập tâm khiến cho tâm cuồng loạn”. Điều đó chẳng đúng.

Trong kinh Đại Bát Nhã có đoạn Xá Lợi Phất hỏi Ngài Văn Thù: Sức ma rất lớn hay nhập vào tâm phủ của người đặng làm chủ phải chăng?

Ngài Văn Thù đáp: Chẳng phải vậy. Nay Xá Lợi Phất! Phật, Bồ Tát có thể nhập vào tâm của ma, ma chẳng thể nhập vào tâm của Phật, Bồ Tát và người tham thiền.

Lúc ấy, ma tính nhập vào tâm Tỳ Kheo mà không nhập được. Bồ Tát Văn Thù nhập vào trong tâm ma, liền hiện ra ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, thuyết pháp Bát Nhã, Trời, người nghe pháp ngộ đạo rất đông. Sau khi ra khỏi tâm ma, mà ma chẳng biết vừa rồi là Bồ Tát Văn Thù khiến ma làm Phật thuyết pháp, Trời người khai ngộ cũng có, tỳ kheo đắc quả cũng có. Ngài Văn Thù lại nhập vào tâm của Xá Lợi Phất làm Phật thuyết pháp như trước. Thế nên biết rõ ràng ma chẳng thể nhập vào tâm người. Tất cả Thánh hiền có thể nhập vào tâm ma khiến ma cuồng loạn, khiến ma già nua cũng có.

Ước mong mọi người hoặc niệm ác hoặc niệm thiện sau khi thọ quả báo thiện hoặc ác rồi đều có hy vọng liễu thoát sanh tử luân hồi. Nếu miệng nói một chữ Ma, tâm nghĩ một niệm Ma, là lia giòng giống Phật, dần dần thành quyến thuộc Ma vương. Phật tử chẳng làm việc ma, làm thì thành con của ma. Tôi thống thiết khuyên quý vị Tăng tục là phải làm Phật tử chân chánh.

Thế nào là người Phật tử chân chánh? Trì cấm giới của Phật, hành chánh hạnh của Phật, nói lời của Phật, ăn thức ăn của Phật, mặc y của Phật, làm hạnh của Phật, ở chỗ của Phật, ngôi tòa của Phật, nằm giường của Phật, đây là việc lục độ vạn hạnh của người Phật tử chân chánh vậy.

Pháp tham thiền được coi là trên hết, tất cả pháp phạm phu ngoại đạo thì mê tâm, pháp tham thiền thì ngộ tâm. Mặc cho thân bệnh, tâm bệnh, bệnh điên, một phen trị liền lành, khôi phục lại nguồn tâm, thuốc đến bệnh trừ, hiểu lầm đổi thành liễu ngộ. Người phi báng tham thiền, gán tội cho tham thiền là nhập ma, đâu biết bệnh ma ở thế gian chỉ có tham thiền mới trị được. Kẻ phi báng tham thiền chẳng phải là ma, là cái gì? Nhưng cái bệnh phi báng tham thiền, dù phương pháp nào cũng chẳng trị được, rốt cuộc thành ra bị đọa địa ngục.

107. CÔNG PHU CHẴNG BỊ THẾ GIAN CHUYỂN.

Người tham thiền dụng công phu đến chỗ chẳng bị tất cả chuyển, chẳng bị thế gian chuyển, chẳng lẽ không ăn cơm thế gian, không uống trà thế gian? Thực chẳng phải vậy.

Đã biết thế giới vô thường, các hành chẳng phải trường cửu, dù ở thế gian mà thường lia thế gian, chỉ ở đất thế gian mà chẳng nhiễm tình thế gian. Vì sao nói chỉ ở đất thế gian? Phải biết, đất là chỗ sanh là đồ dinh dưỡng con người, đất là chỗ chúng sanh tạo nghiệp, đất là chỗ chư Phật thực hành việc giáo hóa, đất là chỗ Bồ Tát hành đạo, đất là chỗ nhân gian tạo ra vật dụng, đất là chỗ loài người và chúng sanh đứng chân. Ba tai nạn lớn đến thì quả đất bị hủy diệt. Người tu hành chí đạo, cho đất là nhà lửa, cho đất là biển khổ. Cái hại của đất rất lớn mà cái lợi của đất cũng rất lớn. Người có sanh lão bệnh tử, đất có thành trụ hoại diệt. Đại tử của người, đại không của đất, đất cùng người đồng một bản tánh, đất cùng người chung một thứ sanh. Người tham thiền ở

nhờ nơi đất, vì đất cho người ở là trong bốn phận, chẳng phải là ngoài bốn phận, nên dù ở mà không có lỗi.

Tình thế gian là tất cả sự thấy nghe, thủ xả, cảm tình yêu ghét, nhân ngã thị phi, phiền não vô minh, quả báo thiện ác, thiên đường, địa ngục, naga quý, súc sanh, tham sân, thập ác, ngũ nghịch, bất thiện, cho đến tất cả hành vi trong cuộc sống hàng ngày.... Nay chúng ta dụng công phu tham thiền có ngày đập vỡ Lao Quan thì chẳng những tình thế gian không mà đất thế gian cũng không, vật ngoài bốn phận chẳng trụ mà vật trong bốn phận cũng chẳng trụ.

Hôm nay công phu chẳng bị thế gian chuyển là vì luôn luôn chuyên tâm nhất trí dụng công phu, không có mây may dính mắc ngoại cảnh, nên ngược lên chẳng thấy bầu trời, chẳng những chẳng thấy mà cái niệm ngược lên còn bất khả đắc thì đâu có bầu trời để thấy, cúi xuống không thấy mặt đất, chẳng những không thấy mà cái kẽ hở để cúi xuống cũng bất khả đắc thì đâu có mặt đất để thấy. Thậm chí đi chẳng biết mình đi, ngồi chẳng biết mình ngồi, đứng chẳng biết mình đứng, nằm chẳng biết mình nằm, đều là quên thế gian. Các thứ của thế gian đã quên được sạch hết, ấy là công phu tham thiền đã lia thế gian. Nay còn ở thế gian là vì nuôi dưỡng tham thiền, thân dù trụ ở thế gian bất quá là do nghiệp báo của thân tạo từ đời trước. Nghiệp báo còn một ngày thì thân trụ một ngày, lúc nghiệp báo hết thì thân trở về đất. Đất nuôi dưỡng thân ta, thân ta trụ ở trên đất. Cảm cái ơn của đất và nước vun bồi đạo niệm cho ta. Cảm cái đức của thế gian làm cho ta ngộ pháp thân. Mấy mươi năm công phu chỉ lo tham thiền, ăn của thế gian, uống của thế gian mà chưa làm việc cho thế gian, nay mượn hương hoa thế gian để vun bồi phước huệ cho mình. Một mai công phu làm đến nơi đến chốn thì chuyển được thế gian. Đó là:

Tương thử thân tâm phụng trần sát,

Thị tắc danh vi báo Phật ân.

Cũng gọi là tổng báo tứ ân (*ân Phật, ân sư trưởng, ân cha mẹ, ân chúng sanh*) vậy.

108. CÔNG PHU CHẴNG BỊ THÂN CHUYỂN.

Người tham thiền làm được đến chỗ chẳng bị thế gian chuyển là công phu có tiến bộ rồi.

Thế nào là chẳng bị thế gian chuyển? Như ngay lúc tham thiền, bên ngoài có sắc tướng đẹp, không có tâm ngó ngang tới, đây gọi là chẳng bị thế gian chuyển.

Chẳng bị thân chuyển: Thân là gốc của các khổ, thân là kẻ đầy tớ của thế giới, thân là nhang đèn của thiên đường, thân là hòn sắt nóng của địa ngục, thân là rượu ngon của Tu La, thân là yết hầu của naga quý, thân là lông vẩy của súc sanh, thân là túi phân của loài người, thân là thiền định của nhị thừa, thân là hóa thân của Bồ Tát, thân là sự nghiệp của chư Phật, thân là tâm can của Tổ sư. Một chữ Thân khổ phi thường mà vui cũng phi thường. Thân là dụng cụ của việc ác cũng là dụng cụ của việc thiện. Phải biết thân vốn vô tình, bị hữu tình sai khiến tạo nên thế giới, tạo nên nhân gian, cho nên chẳng có thân thì không tạo được. Ngày nay, tham thiền chính là cần phải đập vỡ cái dụng cụ tạo nghiệp này. Sao nói là dụng cụ? Thân dù vô tình, nếu bị người ác chi phối thì người ác làm chủ thân này, người ác muốn ăn cơm, sai khiến cái thân mau mau đi làm cơm, muốn tà dâm, sai cái thân mau mau làm việc xấu. Do đó, thân là người gỗ, người gỗ cho nên là dụng cụ của người ác.

Người tham thiền ngay lúc dụng tâm nếu tùy thân (*dụng cụ*) chuyển động thì lúc đó công phu tham thiền dễ dàng bị thân chuyển. Há chẳng thẹn ư? Nếu thấy sắc đẹp thì

xả con mắt, nghe tiếng hay thì xả lỗ tai, ngửi mùi thơm thì xả lỗ mũi, nếm vị ngon thì xả cái lưỡi, xúc giác êm ái thì xả thân căn, biết pháp hay thì xả ý căn. Thân dụng cụ tạo nghiệp này hoàn toàn xả được hết tức là chẳng bị thân chuyển. Nếu không có sức để xả hoàn toàn, chỉ xả một hai chỗ, rốt cuộc cũng bị toàn thân chuyển. Sắc thân này rất là lợi hại, như người bị con mắt chuyển thì công phu tham thiền bị đánh đổ, tham cái vui chốc lát của thế gian, muốn quay đầu dụng công lại thì tâm vẫn bị chi phối, dù dụng công thế nào đều chẳng nhập tâm như cách lớp giày gãi ngứa. Từ đây về sau uổng chịu khổ một đại kiếp, thân bị lửa đốt thành đồng lửa, vào đất không cửa, kêu trời chẳng thấu. Lúc này phải chịu đau khổ dài lâu, chỉ vì lúc trước thích vui chốc lát, bây giờ chịu khổ tâm nào nhớ đến công phu. Vì thế, người tham thiền hận cái thân này đến thấu xương, vội lo tham thiền, chẳng cho có một niệm nhỏ duyên ở trên thân. Một phen bị chuyển đi rồi khó mà trở lại, dù cho có trở lại cũng chỉ là một bộ mặt giả. Sao vậy? Sau khi bị thân chuyển thì thân liền thọ quả báo hiện tại, vị lai ở nhân gian. Vì thế, dù thân có ngứa, có đau, có nhơ, có sạch cũng đừng màng đến nó là tốt nhất. Vừa để ý đến thân là bị thân chuyển. Ngay lúc bị thân chuyển, phải mau quở lấy mình, mới có thể cứu được.

109. CÔNG PHU CHẲNG BỊ TÂM CHUYỂN.

Người tham thiền dụng tâm, trên tâm là thiền, trên thiền có tham. Có cả ba: tâm, thiền, tham, mới là chánh tham. Người chẳng chánh tham, chẳng biết tâm là vật gì, chẳng biết thiền là vật gì, cũng chẳng biết tham là vật gì. Nếu biết được tâm là gốc vô minh, vọng là gốc của biến đổi, nếu tâm vô sở trụ thì vọng chẳng có chỗ dựa, do đó phàm có tâm chỉ là một lời nói, phàm có vọng chỉ là thể hư vô. Nếu ở nơi tâm chẳng biết vọng, nơi vọng chẳng biết tâm, tâm và vọng đều chẳng biết gọi là nghi tình, dùng nghi tình này mà tham thiền ắt sẽ thành Phật. Sao vậy? Chư Phật ngộ tâm này thành Phật, chúng sanh mê tâm này thành chúng sanh, người tham thiền ở giữa cửa mê ngộ của tâm này giống như tay trái nắm quyền chúng sanh, tay phải nắm quyền chư Phật. Người tham thiền, tâm là thiền, thiền là tâm, có thiền tức tâm, có tâm tức tham. Ba chữ thiền, tâm, tham, vốn là một, vì phương tiện mới phân thành ba. Tâm dụ cho tội của người huỷ. Thiền dụ cho vật của người huỷ. Tham dụ cho tay của người huỷ. Dùng tay người huỷ cầm vật huỷ để phá hoại thân huỷ, thật là lấy huỷ trừ huỷ. Phải biết, tội của người huỷ lớn hơn hư không, tội của người huỷ lớn hơn đại địa, tội của người huỷ lớn hơn nghiệp chúng sanh, tội của người huỷ lớn hơn phước chư Phật. Người tội huỷ này ban đầu chẳng tin mình có tội, tự hỏi "Tôi có tội gì?" Sau này sống lâu trong thế gian, chịu sự bức bách của hoàn cảnh, rồi được người chỉ dạy mới biết thấy một chữ Thấy là gốc tội lớn, nghe một chữ Nghe là gốc tội lớn, giác một chữ Giác (*cảm giác đau ngứa*) là gốc tội lớn, biết một chữ Biết là gốc tội lớn. Tội trạng của tâm, sơ lược có bốn điều là Thấy Nghe Giác Biết, rộng thì vô cùng vô tận. Muốn tránh những tội lớn kể trên thì phải an trụ nơi tâm. Sinh sống nơi tâm thì không gì sánh bằng, vì:

Chẳng vinh nhục, cũng chẳng thân sơ,

Chẳng có ngày đêm và sáng tối.

Đầu đội Phật, đôi chân đạp Phật,

Mỗi tiếng trong miệng đều là Phật.

Ngoài Phật ra, thì chẳng gì khác,

Tâm là cõi Phật Thường Tịch Quang.

Thiền tâm chẳng vỡ khăn thiết tham,

Tham thấu thiên tâm ngộ bản lai.
Bản lai vốn tự không tu chứng,
Tu chứng đâu ngại gì bản lai.
Chính người này, mới là thực chân,
Không đầu không chân không lục căn.
Không nhờ siêng năng khổ tham thiền,
Khó tránh lầm lỗi nhận khía căn.
Dặn dò người chưa phá Thiền quan,
Chẳng nên nhận giặc cho là con.
Đã quyết tham thiền phá Thiền quan,
Chưa đến Thiền quan cần khổ tham.
Khổ tham quên lời lại quên thân,
Cái đạo quên thân chưa phải chân.
Phải mau nhận rõ cái người quên,
Một tay nắm ngã người dụng tâm.
Tâm tức người, thì người tức tâm,
Sau khi quên tâm chẳng sơ thân,
Thẳng đến cõi Phật Thường Tịch Quang.

110. CÔNG PHU CHẴNG BỊ HÔN TRẦM CHUYỂN.

Người tham thiền dụng thẳng xương sống, để tay trên đùi, cổ dựa bầu áo, chẳng chút lơ lửng. Công phu đề khởi câu thoại đầu mỗi chữ rõ ràng, niệm niệm sáng sủa, chẳng gấp chẳng huờn, buông cũng chẳng xuống, đề cũng chẳng lên. Nói buông chẳng xuống là vì công phu thuần thực như vọng tưởng, vọng tưởng không đề khởi mà tự khởi, thoại đầu muốn buông mà chẳng thể buông giống như dòng nước sông Dương Tử ngày đêm chảy mãi muốn ngưng nghỉ chẳng thể được. Nói đề chẳng khởi là công phu miên mật, sức tham dững mãnh không một chút gián đoạn. Không có gián đoạn thì công phu liên tiếp chẳng ngừng, nếu ngừng tức là buông xuống. Buông xuống rồi đề khởi lại thì công phu không khẩn thiết. Tóm lại, không thôi nghỉ thì không buông xuống, không buông xuống thì không đề khởi, vì công phu chưa bị đánh mất thì đề khởi cái gì? Nên nói đề chẳng khởi là vậy.

Nói hôn trầm là hể hôn liền đen tối khiến cho đánh mất công phu, hể trầm thì liền chìm mất khiến cho ngủ gật không hay. Hôn trầm có hai nghĩa:

Thân hôn trầm, là ở trong thế giới này ngày đêm hướng ra ngoài tìm cầu, tùy dòng thế tục sâu vào dòng thế tục không chút hay biết. Chẳng biết thân ta tồn tại không lâu, chẳng những không biết tồn tại không lâu luôn cái chẳng tạm có cũng không biết, giống như mở mắt chiêm bao thì lâu hay chậm, biết hay không biết đều chẳng thật.

Tâm hôn trầm: Bản thể của tâm cùng khắp không gian và thời gian, con người ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết. Dẫn cho biết nó lại lầm cho thân là sở hữu của tâm, và chẳng có người nào không màng đến thân. Cho việc làm của tâm là chủ của thân,

thân hôn bất động thì liền chìm nơi giường chõng, cũng là do tâm hôn làm nên. Than ôi! Đại địa hôn hôn, nhân tâm hôn hôn, nghiệp thức hôn hôn, đợi đến lúc nào mới tỉnh. Đau đớn thay!

Chúng ta là người tham thiền biết rõ tâm là huyền hóa, thân là bóng bọt, đều bị hôn trầm ràng buộc. Tự ta tham thiền đắc lực, thân chẳng bị hôn trầm chuyển, tâm cũng chẳng bị hôn trầm chuyển. Thẳng đến chỗ sâu kín của Thiền, chẳng những thân tâm chẳng trụ hôn trầm mà dầu cho chỗ thanh tịnh sáng sủa cũng chẳng thềm trụ. Lực lượng của công phu này chẳng bị hôn trầm chuyển. Dầu cho chuyển đến chỗ nào thì ngay chỗ đó tiếp tục công phu. Lâu ngày, ở trong công phu, chẳng biết có hôn trầm, trong hôn trầm có công phu đắc lực. Công phu cùng hôn trầm lập thành một khối, mới cho là công phu chẳng bị hôn trầm chuyển, chuyển đi cũng có công phu.

111. LÀM CHỦ SANH TỬ.

Người tham thiền tham đến thân bất khả đắc, tâm bất khả đắc, thân tâm đều bất khả đắc thì người nào tạo sanh, người nào tạo tử? Nếu sanh tử không ai tạo thì sanh tử vốn không, như thế tức là nghĩa vô thủy vô sanh. Tâm đã vô sanh thì sanh tử đâu có? Có tức là sanh, có sanh ắt có diệt, niệm niệm sanh diệt chẳng ngừng thì đâu phải là công phu vô tâm. Nếu cái tâm tham thiền đến chỗ vô tâm thì chẳng cho có một tâm, cũng chẳng cho có hai tâm.

Có người hỏi: Ngay lúc tham thiền, nói hai tâm chẳng cho có thì đúng, tại sao một tâm cũng chẳng cho có?

Đáp: Nếu biết có một tâm thì có năng biết sở biết, tức thành hai tâm. Do hai tâm này đã bất khả đắc nên một tâm đương nhiên cũng bất khả đắc. Sao vậy? Trong Tín Tâm Minh nói "Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ" (*hai do một mà có, một cũng chẳng trụ*), đó mới là thật một tâm, là thật lìa sanh diệt, là thật lìa sanh tử. Phải biết, sanh diệt là nhân, sanh tử là quả. Trước liễu cái nhân sanh diệt, sau diệt cái quả sanh tử. Tại sao có người tâm diệt mà thân chưa diệt, có người thân diệt mà tâm chưa diệt. Ý ấy thế nào? Tham thiền đến chỗ Không tịch, vô niệm vô sanh, gọi là tâm diệt. Nhờ cái thân hữu tận (*tam có*) này hành cái hạnh vô lậu, đây gọi là thân chưa diệt. Có người thân diệt mà tâm chưa diệt, thân này là do cảm quả báo đời trước chịu các khổ vui, báo khổ vui hết thì thân diệt vong, đây gọi là thân diệt. Nhờ cái nhân thiện ác mà cảm cái quả thiện ác, đây gọi là tâm chưa diệt. Tâm diệt, thân diệt lại có hai nghĩa:

1. Tâm diệt thì sanh cũng diệt, hễ có sanh thì mỗi mỗi đều sanh. Than ôi! Có sanh thì có luân hồi, có tánh mạng, có sanh tử, có thế giới. Hễ diệt được cái sơ sanh tử vô thủy thì đủ thứ sanh liền diệt.

2. Tâm diệt thì thân cũng diệt, hễ tâm sanh thì đủ thứ thân sanh. Buồn thay! Thân thiên nhân, thân tu la, thân loài người, thân địa ngục, thân tất cả các loài chim bay thú chạy, nếu làm cho cái sơ tâm tử vô thủy này diệt thì đủ thứ thân liền diệt vậy. Tham thiền dững mảnh một mạch tham thẳng chẳng ngừng nghỉ, dầu cho Phật khuyên ta đừng tham ta cũng chẳng tin, ma buộc ta đừng tham ta cũng chẳng nghe.

Đến đây chẳng những được làm chủ sanh tử mà cũng được làm chủ sanh diệt, thủ phạm của sanh diệt bị cái đắc lực của tham thiền bắt được. Vui mừng biết bao! Người tu hành dụng công phu phải làm chủ sanh tử mới cho là công phu liễu sanh thoát tử, mới cho là công phu minh tâm kiến tánh, mới cho là công phu đại triệt đại ngộ, mới cho là công phu thành Phật làm Tổ. Nói tóm lại, chỉ có công phu tham thiền mới có thể khiến mọi người làm chủ sanh tử. Cảm tạ Phật, Tổ và đại chúng.

112. ĐÀU SÀO TRĂM THUỐC.

Người tham thiền nghĩ thế gian vô thường, quán thân rất khổ, tại sao ở chỗ khổ chịu cái thân khổ này? Thật người tu giống như người đời. Đó là ông khổ, tôi khổ, toàn thân là khổ, cả thế giới là khổ, há chẳng thành cái biển khổ sao! Người ta thường nói “Biển khổ mênh mông, ngày nào dứt. Sanh đến tử đi, bao giờ thôi”. Do đây tức tôi trần hông, dùng mảnh lập chí lớn xuất trần, một chân nhảy ra khỏi cũi lồng phàm phu, xuất gia thọ giới, cầu thầy học đạo, chịu khổ tham thiền ngày đêm không gián đoạn, không rảnh ăn cơm, đầu dám ngủ nghỉ, thu nhiếp thấy nghe, nỗ lực tham thiền, dùng mảnh chẳng màng tất cả, quyết chí muốn thấu tam quan, tế tâm truy cứu cang vi tế đến chỗ vô tâm, sau khi quên vô tâm thì chẳng sanh cái sanh. Cái sanh chẳng sanh, ấy là dụng tâm chân chánh. Chỗ dụng tâm được toàn chân.

“Chân tâm dụng, tuyệt sơ thân,

Chư Phật chẳng thể gần,

Chúng sanh chẳng thể biết,

Tự bước lên quan ai, đến đầu sào trăm thuốc,

Chưa đến nơi, chớ do dự, trên đường đầu sào nhiều lối tẻ.

Chân trước sinh, chân sau bùn, dù bước khó khăn không thấy mệt,

Bắt đầu đông, dần dần ít, đến chỗ vắng người khó hỏi đường.

Chẳng sợ quý, chẳng sợ thân, từng bước từng bước thẳng tiến lên, đường thiền trơn trượt cứ đi mãi,

Qua đất bằng, đến chân núi, chân trái dụng nhằm cọp, chân phải dẫm nhằm rắn.

Núi khó leo, đường khó đi, gai góc rậm rạp tổn thương người,

Đi một bước, giở một chân, tay nắm chẳng kịp thân liền ngã.

Trong bụng đói, mắt rơi lệ, dùng mảnh chạy thẳng lên một mạch, hễ tay buông lỏng mắt mạng ngay,

Chân dụng đá, chân dụng mây, nhân ngã chẳng màng còn ai.

Chẳng thấy trời, chẳng thấy người, chư Phật chư Tổ chẳng quan tâm, Bồ Tát cũng khó độ thân ta.

Phóng mắt nhìn, không một trần, hoát nhiên vượt qua lên đường hết lối, leo đến đầu sào cần tiến tới,

Từ chỗ này, tiến một bước, mười phương thế giới hiện toàn thân”.

113. TRÊN BỜ VỰC THÂM BUÔNG TAY.

Người tham thiền cần phải đến chỗ tuyệt đỉnh của thiền. Ước mong sư tăng trong Thiền Tông và tất cả người đời hãy tìm đường tiến lên, chân bước vào cửa mới được khen là bậc cao nhân cái thế. Nếu ở mãi trong trần ai bị bụi đóng khói xông thì chẳng phải là thượng sách của người tham thiền.

Người có chút tri thức nghĩ trần thế như đôi dép rách, tướng danh lợi như bùn dính chân, thế gian là lao ngục, gia đình là gông xiềng, con cái là quỷ đòi nợ, vợ chồng là

kẻ báo thù. Xem kỹ thế gian không có một cái gì là phải, sao chẳng quày đầu tự hỏi lấy mình. Hỏi rằng "Cái gì là ta?" Đáp "Trừ cái da thịt này ra, hãy truy vấn thật sâu, hỏi đến miệng ăn cơm mà chưa nhai một hạt gạo, thân mặc áo mà chưa dính một tấc tơ". Lại xét kỹ thêm, bậc căn khí lớn một bước lên núi, đã đến đỉnh núi, đều thiết yếu là chớ màng đến mình và người, chẳng nên nhìn các núi ở bốn phía. Cuộc sống trên núi cũng chẳng phải việc của mình huống là việc khác. Theo sự hiểu lầm của người đời, cho "Pháp tham thiền là việc phiền toái, nào là lên núi, nào là đến đỉnh, nào là khởi nghi, nào là thâm nhập. Sao chẳng một ngày, hai ngày, một khắc làm xong, khỏi bị kéo tới kéo lui, cảm thấy đường như quá khó, khiến cho người nghe sợ mà lại ngán". Thật là lầm lớn vậy!

Phải biết: Thân ông sẵn có một vị Phật sống, chẳng ở ngoài thân, chẳng ở trong thân, chẳng ở chặng giữa của thân, chưa lia thân ông một chân, nửa bước. Ông nghĩ có biện pháp nào để thấy được vị Phật sống này? Ông hãy suy xét kỹ lưỡng xem! Nếu chẳng màng đến thì cô phụ tánh linh, chôn mất chính mình, chìm mãi trong lục đạo, không có ngày thoát khổ, có thể nào nhận tâm chẳng màng đến nó chẳng?

Hôm nay đã giảng đến "trên đầu sào tiến thêm một bước", rất là trọng yếu, tại sao lại đem mây lời thế tục này nói để làm gì? Chính ngay khi nói, xin hỏi, người đã đến tuyệt đỉnh núi, lên núi không lối, xuống núi không đường, chính là chỗ miệng chẳng thể bàn, tâm chẳng thể nghĩ thì đâu có ngôn thuyết, đâu có tâm tư. Phải biết chỗ cùng tột của Thiền Tông là đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, không thể nghĩ suy. Nay nói "trên bờ vực thẳm buông tay" là chẳng phải việc thế gian và xuất thế gian có thể so sánh. Tôi hôm nay giảng đến chỗ này đều chưa nói rõ. Tại sao vậy? Ước mong người đọc chớ hiểu lầm mà trách rằng "Cái cảnh giới của khai ngộ sao chẳng thố lộ ra hết". E tai hại cho tiền trình của người học, nên tôi y theo người xưa nói "Nếu ta nói trắng ra cho ông nghe, đến khi khai ngộ, ông sẽ mắng ta". Bởi vậy, tôi chẳng muốn bị thiên hạ mắng.

114. TUYỆT HẬU TÁI TÔ. (*Chết rồi sống lại*)

Người tham thiền, trước tiên học tử thế, rồi học tử thân, lại học tử tâm. Thế có thể chết, thân chẳng thể chết. Thân có thể chết, tâm chẳng thể chết. Phải biết, tử thế tức là chết cái sắc không của thế gian. Tử thân tức là chết cái nghiệp tướng của thân. Tử tâm tức là chết cái mê chướng của tâm. Thực ra chẳng phải tử thế vì tử thế thì không còn xứ sở, cũng chẳng phải tử thân vì tử thân thì không còn thế gian, lại chẳng phải tử tâm vì tử tâm thì không còn thân thể.

Từ địa vị phàm phu cho đến kiến tánh thành Phật không có chút kỳ lạ, chỉ là lia hết tất cả sự tương đối của thế gian như sắc không, sáng tối, lấy bỏ, yêu ghét.... Vậy thân, tâm, thế giới, cả ba đều lia sạch hết, tịch diệt không còn, luôn cả cái không còn cũng chẳng còn, ấy là đại tử (*tuyệt hậu*), rồi đại hoạt (*sống*) trở lại (*tái tộ*). Khi ấy mới có thể chân đại địa, động chư Thiên, mới có thể liễu sanh tử, mới có thể thành Phật, Tổ. Nay khuyên mọi người hãy làm con người này, hãy hành cái việc này, hãy tu cái nhân này, thì quyết định cảm cái quả này.

Hỏi: Người phàm phu chết rồi sống lại được gọi là Thánh nhân, từ đâu hạ thủ công phu? Người thế gian có thể hành thử, nếu hành chẳng đến thì thân người phàm vẫn còn nguyên, nếu hành đến được thì trở thành Thánh nhân, tốt biết bao!

Đáp: Ông ngay chỗ Thân, Tâm, Thế mà hạ thủ công phu, vậy làm sao liễu được thế? Làm sao quên được thân? Làm sao không cái tâm? Những việc này đều là việc nhỏ, dù trình độ thấp kém cũng chẳng cần phí nhiều công phu, chẳng tốn nhiều tiền bạc,

vai chẳng gánh nửa cân, tay chẳng xách bốn lượng, chỉ ôm chặt câu thoại đầu, hôm nay cũng tham, ngày mai cũng tham, năm nay cũng tham, năm tới cũng tham, lâu ngày thuần thực tự có ngày đạt đến mục đích. Điều khẩn yếu là dù sống dù chết cũng chỉ hành pháp này, chẳng hành pháp khác, dù nguy dù vong chỉ một tâm này, chẳng sanh tâm khác. Nơi một tâm một pháp khai ngộ thì chắc chắn sẽ được kiến tánh dễ như ăm cơm uống nước vậy. Nếu nhiều tâm nhiều pháp thì khó như mò kim dưới đáy biển. Khó dễ đều do mình. Người tuyệt hậu tái tô chân thật, gặp người mắt sáng (*người đã ngộ*) giơ tay hạp chuông, cử chỉ nói nín, cơ phong qua lại đều ăn khớp nhau. Nếu lúc ở trên bờ vực thẳm vừa sanh lo nghĩ liền thành người đọa thân tử hán (*thằng chết*), nghĩa là người nửa chết nửa sống. Người này gặp Thiện tri thức ngữ ngôn vẫn đáp thì đổ mặt tía tai, nếu bị hỏi nữa, tâm sanh hoang mang. Học nhân chẳng nên học người này.

115. QUA SƠ QUAN.

Người tham thiền căn khí lớn nhỏ bất đồng. Sức lớn thấu thẳng ba quan, sức nhỏ thấu hai quan, sức nhỏ hơn chỉ thấu Sơ Quan. Để thấu Sơ Quan, thật đã phải chịu biết bao gay go, nếm biết bao gian khổ mới tiến qua quan này. Một phen tiến qua quan này mới biết từ vô lượng kiếp làm thiện tạo ác, sanh tử luân hồi đều là một trường mê mộng. Nay tỉnh lại rồi, rất sanh hổ thẹn, có người buồn vui lẫn lộn, có người rơi lệ khóc to. Từ đây thay đầu đổi mặt chuyên làm công việc bảo nhậm, ba thứ ác nghiệp nơi thân, bốn thứ ác nghiệp nơi khẩu, ba thứ ác nghiệp nơi ý sẽ dần dần tự sạch hết, còn tập khí căn bản sâu nặng cũng sẽ từ từ tẩy sạch. Đối với bốn ác nghiệp khẩu, ba ác nghiệp ý từ xưa đến nay cử tâm tức lầm, động niệm tức trái, sức của Phật Tổ, cũng chẳng thể trừ giúp ta được, Bồ Tát nguyện lớn cũng chẳng thể cứu ta được. Diêm Vương ác lớn cũng chẳng thể diệt giúp ta được. Phật, Tổ nếu trừ được tham sân si cho ta thì cũng trừ được cho người khác, ắt mọi người trong thiên hạ đều được độ hết. Bồ Tát chẳng cứu được ta thì ta làm sao được cứu. Nếu ta được cứu thì người thế gian cũng đều được cứu, vậy cả thầy đều vô ngã, vô ngã rồi thì làm sao có thể gian! Diêm Vương nếu diệt được cho ta thì địa ngục, tam đồ sẽ không có người đến, hạt giống địa ngục cũng không thì còn ai làm Diêm Vương! Tham sân si của tâm là hạt giống của thế giới, hạt giống của pháp giới, hạt giống của lục đạo, hạt giống của cõi u minh. Muôn búng cây, phải nhổ gốc. Hạt giống là cái gì? Là tâm của chúng ta. Hôm nay tiến vào quan khẩu câu thoại đầu của Tổ sư thiết lập rồi, chẳng những tiến vào quan mà ở ngoài quan này nghỉ ngơi cũng được vô cùng thọ dụng. Sao vậy? Vì thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh đâu thể đạt đến biên giới của Sơ Quan. Người nào có thể nói ra một câu chuyển ngữ (*lời nói vô sở trụ*) thì đã qua Sơ Quan, cũng gọi là chứng ngộ. Người chưa chứng ngộ cần phải ba nghiệp trong sạch, rồi mới nói đến việc tiến vào Sơ Quan. Đến đây thì thành Phật chẳng xa. Chỗ tôi giảng đây đều là trình tự công phu, chứ chẳng phải chỗ thấy. Chỗ thấy, người đến tự biết, chẳng cần tôi giảng. Tôi giảng thành quấy.

116. PHÁ TRỪNG QUAN.

Người tham thiền cần phải nỗ lực tham, đừng có một chút do dự, vì do dự ắt ngừng nghỉ khó tiến. Người đã qua Sơ Quan thấy đèn việc dưới cửa Tổ sư, biết được cái tâm độ thế của Tổ sư. Dù ở trong cửa mà lần quần ở góc điện. Người chưa nhập vào chỗ sâu kín trong nhà thì có tình hình như thế. Có người còn chưa thấy đến tim phổi của Tổ sư, chỗ sâu kín bên trong, vì thế sau khi ngộ lại phải nghi nữa, là ý này vậy. Người xưa nói “Trước khi chưa ngộ như mất cha nẹ, sau khi đại ngộ lại như mất mẹ cha”.

Đây là sau khi phá Sơ Quan lại khởi nghi tình mạnh mẽ cầu tiến lên. Sau khi ngộ, dụng công có hai con đường: Một con đường vẫn y theo đường cũ tiến tới tức là con đường dụng công ban đầu. Đây là công phu của bậc đại nhân. Nếu sau khi ngộ tu hành, chỉ là tu mà vô tu, vô tu mà tu, có thể gọi là công phu bảo nhậm. Đây là kiến địa chẳng trụ mà trụ. Nếu cầu chân trụ cần phải chân hành, đến chỗ phải tiến qua một lớp cửa nữa, chân hành chẳng hành, chân trụ chẳng trụ, đến đây cái quan ải của Tổ sư thiết lập không ngăn trở được. Cái đại nghi sau khi đại ngộ so với người sơ học còn mãnh liệt hơn, vì chẳng cầu ngộ, chẳng cầu mê, chẳng thành Phật, chẳng độ chúng sanh, tâm tham, ý cũng tham, thức cũng tham, thể cũng tham, thân cũng tham, tinh tấn cũng tham, biếng nhác cũng tham, có giới cũng tham, không giới cũng tham, định cũng tham, loạn cũng tham, ngu cũng tham, trí cũng tham, hôn trầm cũng tham, vọng cũng tham, mê cũng tham, tỉnh cũng tham, đây gọi là đại tham sau khi ngộ. Đại tham tức là trùng nghi (*ngộ rồi nghi lại*) vậy. Có công phu trùng nghi chắc chắn sẽ phá Trùng Quan. Người tiêu căn mặc dù sanh tử có thể liễu, luân hồi có thể ngừng, đây chỉ là nửa đường mà họ chẳng chịu tự bỏ để tiến lên, vì chẳng tự bỏ tức là có sở trụ rồi. Phải dũng mãnh tiến lên đến chỗ chẳng nghi thì Trùng Quan thật chẳng còn xa. Đợi khi công phu miên mật, người và pháp đều quên, phạm thánh chẳng khác, dần dần thấu qua Trùng Quan.

Ba quan của Thiên Tông chỉ nói chỗ hành, chẳng nói chỗ thấy. Chỗ thấy như người uống nước lạnh nóng tự biết. Chẳng phải tôi không nói, chớ nghi tôi không lời, mọi người đến đây rồi tự biết.

117. THẤU LAO QUAN.

Người tham thiền sau khi phá Trùng Quan, cần nhất không nên lia công phu bước đầu. Như người dùng chân đi đường, chẳng phải tàu thủy, chẳng phải xe lửa, thí dụ dùng chân đi đến địa phận Trấn Giang dụ cho phá Sơ Quan. Người sức nhỏ dừng lại lưu luyến mấy ngày hoặc trụ luôn ở đó. Đây là chỗ hành của người qua Sơ Quan. Người sức lớn biết chỗ này chẳng phải là tin tức đến nhà liền bỏ đi, trên đường không có gai góc sỏi đá, đại lộ bằng phẳng, dụ cho sau khi phá Sơ Quan không còn chút trở ngại, vung tay đi thẳng, lại đến Nam Kinh (*Trùng Quan*) phạm vi rộng lớn hơn, nhãn giới mở mang, đa số người muốn trụ ở đây. Suy nghĩ thêm nữa, phía trước còn có đường đi nên tiếp tục tiến tới, càng đi càng thấy thù thắng hơn. Phật pháp vốn chỉ một thừa, phương tiện mà nói thành ba. Thiên Tông vốn một pháp ngộ, vì con người căn khí có lớn nhỏ, nên phương tiện nói có ba quan. Nhưng ba quan này có người sơ tham dừng mãnh trụ cứu thẳng phá Lao Quan. Có người sơ tham thẳng phá Trùng Quan, về sau chịu khổ tu hành lâu ngày cũng phá Lao Quan. Lại có người sơ tham hạnh chẳng tinh nhuệ, sức chẳng dũng mãnh, song cũng ráng sức qua Sơ Quan. Người sức lớn như voi qua sông, chân đạp đến đáy. Người sức trung bình như nai qua sông, chân ở giữa chừng. Người sức nhỏ như thỏ qua sông, nổi trên mặt nước. Giả sử đều là bậc thượng căn tham thiền thì cùng nhau đến Mặt Hậu Lao Quan, đồng thời đập vỡ, ra khỏi Lao Quan. Tình trạng sau khi ra khỏi Lao Quan dù tất cả kinh giáo của chư Phật, ngữ lục của Tổ sư, sự nghiệp độ sanh của Bồ Tát, pháp giới, hư không giới, thật tế giới, Chân Như giới, Niết Bàn giới, bất cứ cảnh giới Phật Thánh nào, đều nhất thời siêu việt. Ví như tất cả chư Phật và chúng sanh chưa ra ngoài hư không một bước, Lao Quan chính là ở ngoài hư không. Ra khỏi hư không tức là ra khỏi Lao Quan, nếu lầy hư không dụ cho Lao Quan, vậy ai là người ra được cái Quan này? Chỉ có người tham thiền mới chẳng nhọc nửa bước mà chắc chắn ra được cái Quan này.

Người đọc hỏi: Nghĩa chánh sao chưa nói rõ?

Đáp: Chẳng phải vậy. Nghĩa chánh của một quan còn chưa nói, huống là ba quan ư!

118. BUÔNG KHÔNG XUỐNG.

Người tham thiền đối với thế giới thân tâm buông không xuống. Thân ở trong Tông Lâm mà tâm ở ngoài thế gian. Tu không lợi ích, không chút tiến bộ, phải biết là do tâm bị nghiệp thức nhốt chặt, thức bị ý mê hoặc nhốt chặt, ý bị tướng trần nhốt chặt, tướng bị thân thể nhốt chặt, thân bị gia đình nhốt chặt, gia đình bị sơn hà nhốt chặt, sơn hà bị đại địa nhốt chặt, đại địa bị hư không nhốt chặt, hư không bị vô minh nhốt chặt, vô minh bị bất giác nhốt chặt, bất giác bị chúng sanh nhốt chặt, chúng sanh bị mê luân (*bánh xe mê lầm*) nhốt chặt.

Cái quan ải lớn của mê luân này từ xưa đến nay chẳng biết đã nhốt biết bao nhiêu hữu tình vô tình như thiên địa, nhật nguyệt, người và phi người, nhà cửa, cây cối, cầm thú, nam nữ.... Quá khứ đã nhốt trải qua vô lượng kiếp, rồi hiện tại cho đến vị lai cùng tột vô lượng kiếp chẳng biết nhốt đến khi nào mới thôi. Than ôi, đau đớn thay! Xem đi xét lại đều do ba chữ Buông Không Xuống mà ra, làm cho hồ đồ hỗn loạn. Nếu thức buông xuống suy lường, thân buông xuống vọng tưởng, hư không buông xuống đại địa, gạch ngói buông xuống đất sinh, như thế, thức buông suy lường rồi thì tâm bất khả đắc, thân buông vọng tưởng rồi thì thân bất khả đắc, hư không buông đại địa rồi thì thế gian bất khả đắc, vậy ba thứ thân, tâm, thế hoàn toàn buông xuống thì muốn tìm một chúng sanh cũng không ra. Phải biết ba chữ Buông Không Xuống bán lãnh rất lớn. Nó khiến "bất giác" thành chúng sanh, khiến vọng tưởng thành thân thể, khiến hư không thành đại địa, khiến thân xác nằm núi hoang, khiến đầu xanh thành đầu trắng, khiến đi bị ngồi, khiến chạy bị ngưng, ấy đều là sức lớn của mê luân. Nếu ta muốn có đủ sức làm cho cái mê luân được ngộ thì phải tìm ra một phương pháp buông xuống được. Phương pháp đó tức là pháp tham thiền. Hãy mau mau ôm chặt câu thoại đầu tham mãi, dầu cho phải chịu khổ năm ba mươi năm cũng phải đập vỡ cái mê luân này mới được đến chỗ thôi nghỉ của việc tham thiền. Nay tôi dặn thêm một lời "Thôi nghỉ thì được, chỗ thôi nghỉ thì chẳng thể được".

119. KHAI TÔNG LÂM.

Người tham thiền sau khi ngộ rồi, tự lợi đã xong ắt phải độ người. Cái pháp độ người lợi nhất, lớn nhất chẳng bằng mở Tông Lâm dựng đạo tràng. Phật ra đời cứu thế, sáng lập rừng Cấp Cô Độc, Thiên Đà La, núi Kỳ Xà Quật, Linh Thứu Sơn. Chư Tổ đời sau thì sáng lập đại tông lâm để cho mười phương chúng sanh có chỗ yên tâm tu tập. Chỗ này là chỗ của tất cả hiền thánh huân tập, có Long Thiên, thân Già Lam hộ trì, dung nạp nhiều chúng, rộng độ nhiều người, quy củ trang nghiêm, so với các pháp môn khác không gì sánh bằng. Chư Phật chư Tổ đã như thế, ta cũng như thế, đây chính là thay Phật tuyên dương, giúp Phật hoằng hóa.

Muốn sáng lập Tông Lâm ắt phải y theo cổ pháp. Cổ pháp có hai:

Một là chánh pháp trụ lâu ở thế gian, chỗ hoàng pháp độ sanh đều là Tông Lâm. Hai là sau đời Đường Trung Quốc, Mã Tổ khai Tông Lâm, Bá Trượng thiết lập Thanh Quy như lò rèn lớn, như lò đúc tượng đúc ra tượng Phật, đúc ra tượng Tổ. Nếu người trụ trì giữ đúng pháp Tông Lâm thì tất cả chúng giữ quy củ. Trong Tông Lâm, trụ trì tham thiền thì tất cả chúng đều tham thiền, trụ trì phạm pháp thì tất cả chúng phạm quy củ. Vậy muốn sáng lập Tông Lâm việc trọng yếu nhất trước tiên là phải được nơi chốn thích hợp, kế phải được người thích hợp, có được cả hai mới thành tựu cơ sở để hoằng pháp. Muốn hoằng đại pháp phải nhờ đại nhân, có đại nhân hoằng đại pháp mới được gọi là cơ sở hoằng đại pháp. Thế nào là đại pháp? Nay các ông hãy tận sức suy

ngữ thử xem cái nào là đại cái nào là đại pháp. Hãy suy đi xét lại thì mới biết cái đại của thế gian chẳng qua nơi tâm. Tâm trùm khắp hư không, bao hàm đại địa. Tâm đại chẳng bằng pháp đại của đại tâm, ấy là cái đại pháp bậc nhất, đại pháp này chính là tham thiền. Có đất lập Tông Lâm đề cho người tham thiền ở, hành cái pháp tham thiền mới cho là bậc đại nhân ở đại Tông Lâm hoàng hóa đại pháp. Nếu sáng lập được Tông Lâm khắp đại địa cho mọi người an cư, phổ biến học đại pháp, ấy mới là chân khai sáng Tông Lâm, là chơn trụ trì Tông Lâm, là chơn hoàng đại pháp tham thiền. Nguyên tăng hành như thế, tục cũng hành như thế mới không cô phụ lòng ta.

120. CHÁNH PHÁP TRỤ LÂU.

Người tham thiền nên nghĩ pháp đã cứu ta vậy phải làm sao cho pháp cứu được người. Dùng cái pháp cứu ta để cứu người mới không cô phụ người lập pháp, cũng không trái ý của đại pháp. Pháp lợi người này chẳng phải pháp thế gian có thể sánh bằng. Tại sao? Vì học pháp thế gian thì thành thế gian. Pháp này chẳng những thành thế gian còn muốn độ thế gian. Làm sao độ thế gian? Phải biết mọi người có tâm, mọi người có pháp.

Hỏi rằng: Không biết ta có tâm gì, có pháp nào?

Đáp: Người có đi đường chẳng, nói chuyện, ăn cơm, giao thiệp chẳng?

Người hỏi nói: Những việc này ta thường làm đâu thể nói là tâm pháp.

Đáp: Lúc người ngủ tại sao không làm, lúc chết tại sao không làm, ngủ cũng có ta, khi chết cái thân ở trên đất cũng còn ta, tại sao không nói chuyện, không đi đường....

Người hỏi vừa nghe lời này con mắt ngơ ngác không thể hỏi nữa. Thật rất đáng thương xót, ấy là ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết vậy. Người khắp thế gian chỉ biết có ta, chẳng biết có tâm nên cứ luân hồi mãi trong tứ sanh lục đạo.

Phật ra đời vì cái khổ của chúng sanh chẳng liễu tự tâm nên lập đại pháp để cứu tâm người. Đại pháp dù có ở Tông Lâm, nhưng muốn trụ lâu dài thì phải trụ trong tâm của người tham thiền. Cái tâm tham thiền tức là đại pháp. Một người tham thiền thì đại pháp trụ trong tâm một người, mười người tham thiền thì đại pháp trụ trong tâm mười người, người khắp thế giới tham thiền thì đại pháp trụ trong tâm người khắp thế giới, pháp đồng như tâm, tâm đồng như pháp, người ắt có tâm, tâm ắt có pháp. Nếu người vô tâm thì không có pháp này.

Hôm nay mới được phát minh chỗ chánh pháp được trụ lâu. Tại sao? Cái lâu nhất của thế gian chẳng bằng cái tâm lâu của con người, cái chánh nhất của thế gian chẳng bằng cái pháp chánh của con người, thế gian có thể hoại, tâm người chẳng thể hoại, pháp cũng như thế, thế gian có thể không, tâm người chẳng thể không, pháp cũng như thế, nên muốn chánh pháp trụ lâu cần phải có đất để trụ lâu, đất đó tức là tâm địa của con người vậy. Người hoàng dương đại pháp cần phải tự xét.

Người tu hành nên trừ sạch tập khí thiện ác của tự thân, tẩy sạch cấu bần chơn vọng của tự tâm, tướng đi hình dạng như thần, tướng đứng như cây cột trụ, ngồi như chuông, nằm như cung, mới là có tướng tốt hoàng đại pháp.
